

41. [1140187] Lý thuyết xác suất và thống kê toán: 2TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN  
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ TOÁN**

Mã học phần: 1140187

Tên tiếng Anh: **THEORY OF PROBABILITY AND MATHEMATICAL STATISTICS**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Lý thuyết xác suất và thống kê toán

- Mã học phần: 1140187

Số tín chỉ: 2

- Loại học phần: Bắt buộc

- Các học phần học trước: Toán cao cấp cho kinh tế

- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):.....

- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết

+ Làm bài tập trên lớp: 6 tiết

+ Thảo luận: 0 tiết

+ Thực hành, thực tập: 0 tiết

+ Hoạt động theo nhóm: 0 tiết

+ Tự học: 60 giờ.

- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

**2. Mô tả học phần**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán bao gồm: biến cố và xác suất, biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, biến ngẫu nhiên hai chiều, cơ sở lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết thống kê và một số ứng dụng của công cụ xác suất và thống kê trong kinh tế.

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành Kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên đã có những hiểu biết cơ bản về toán kinh tế, học phần giúp người học hiểu được cách thức sử dụng các công cụ xác suất và thống kê để diễn giải và giải quyết một số hiện tượng kinh tế - xã hội.

**3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)**

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về biến cố và xác suất, biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, biến ngẫu nhiên hai chiều, cơ sở lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.

+ CO2: Trang bị cho người học một số ứng dụng của công cụ xác suất, thống kê trong

diễn giải các hiện tượng kinh tế - xã hội.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần, người học biết cách sử dụng một số công cụ xác suất và thống kê toán để diễn giải và giải quyết một số vấn đề kinh tế - xã hội.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO4: Người học có năng lực học tập suốt đời, khả năng tự học và tự nghiên cứu.

+ CO5: Người học tham gia các giờ học với tinh thần hứng khởi, nhiệt tình, làm bài tập nghiêm túc.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program Learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>Kiến thức</b>				
CO1	CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về biến cố và xác suất, biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, biến ngẫu nhiên hai chiều, cơ sở lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.	PLO1	L
CO2	CLO2	Nhận biết được ứng dụng của một số công cụ xác suất trong việc lý giải các hiện tượng kinh tế - xã hội.	PLO1	L
	CLO3	Giải thích được ứng dụng của một số công cụ thống kê trong việc lý giải các hiện tượng kinh tế - xã hội.	PLO1	M
<b>Kỹ năng</b>				
CO3	CLO4	Mô tả được biến cố và xác suất của biến cố, nhắc lại được các ví dụ về biến ngẫu nhiên trong kinh tế và các hoạt động sản xuất kinh doanh, trình bày được quy luật phân phối của một số	PLO9	L



		biến ngẫu nhiên thông dụng thường gặp.		
	CLO5	Thực hiện được bài toán ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết thống kê.	PLO9	L
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO6	Người học có năng lực học tập suốt đời, khả năng tự học và tự nghiên cứu.	PLO13	L
	CLO7	Người học tham gia các giờ học với tinh thần hứng khởi, nhiệt tình, làm bài tập nghiêm túc.	PLO14	L

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Nguyễn Cao Văn (Chủ biên), Trần Thái Ninh, <i>Giáo trình lý thuyết xác suất và thống kê toán</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân, (2008).
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Đặng Hùng Thắng, <i>Mở đầu về lý thuyết xác suất và các ứng dụng</i> , Nxb Giáo dục Việt Nam, (2015). 2. Đặng Hùng Thắng, <i>Thống kê và ứng dụng</i> , Nxb Giáo dục Việt Nam, (2012).
Các loại học liệu khác:	<a href="http://www.vi.wikipedia.org">www.vi.wikipedia.org</a> <a href="http://www.en.wikipedia.org">www.en.wikipedia.org</a>

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các bài tập và tình huống kinh tế giả định.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7

### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
[1]	Chương 1: Biến cố và xác suất	CLO1, CLO2

[3 tiết]	1.1. Bổ túc về giải tích tổ hợp 1.2. Biến cố và quan hệ giữa các biến cố	
[2] [3 tiết]	<b>Chương 1: Biến cố và xác suất (tiếp theo)</b> Xác suất của biến cố 1.3. Các công thức tính xác suất 1.4. Bài tập	CLO1, CLO2, CLO4
[3] [3 tiết]	<b>Chương 2: Biến ngẫu nhiên</b> 2.1. Biến ngẫu nhiên và quy luật phân bố xác suất 2.2. Các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên	CLO1, CLO2
[4] [3 tiết]	<b>Chương 2: Biến ngẫu nhiên (tiếp theo)</b> 2.3. Luật số lớn 2.4. Bài tập	CLO1, CLO2, CLO4
[5] [3 tiết]	<b>Chương 3: Một số phân phối xác suất thông dụng</b> 3.1. Phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên liên tục 3.2. Phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc 3.3. Bài tập	CLO1, CLO2, CLO4
[6] [3 tiết]	<b>Chương 4: Biến ngẫu nhiên hai chiều</b> 4.1. Phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên hai chiều 4.2. Hiệp phương sai và hệ số tương quan 4.3. Phân phối chuẩn hai chiều 4.4. Bài tập	CLO1, CLO2, CLO4
[7] [3 tiết]	<b>Chương 5: Cơ sở lý thuyết mẫu</b> 5.1. Tổng thể và mẫu 5.2. Mẫu ngẫu nhiên và các đặc trưng mẫu 5.3. Mẫu ngẫu nhiên hai chiều 5.4. Phân phối xác suất của các đặc trưng mẫu	CLO1, CLO3
[8] [3 tiết]	<b>Chương 6: Ước lượng tham số</b> 6.1. Ước lượng điểm 6.2. Ước lượng khoảng tin cậy 6.3. Bài tập	CLO1, CLO3, CLO5
[9] [3 tiết]	<b>Chương 7: Kiểm định giả thuyết thống kê</b> 7.1. Các khái niệm 7.2. Kiểm định tham số	CLO1, CLO3
[10] [3 tiết]	<b>Chương 7: Kiểm định giả thuyết thống kê (tiếp theo)</b> 7.3. Kiểm định về sự bằng nhau của hai tham số 7.4. Kiểm định phi tham số	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.



Bài kiểm tra giữa kỳ	
----------------------	--

### 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số	
					Thành phần	Tổng
1	<i>Quá trình</i>	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO6, CLO7	5%	40%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO7	5%	
		Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	20%	
		Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân tại lớp theo hình thức viết. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần 10-12)	CLO2, CLO4	10%	
2	<i>Cuối kỳ</i>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	60%	60%

### 9. Thông tin về giảng viên

#### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Cao Tấn Bình

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: [caotanbinh@qnu.edu.vn](mailto:caotanbinh@qnu.edu.vn)

Điện thoại liên hệ: 0976 936 568

### 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Bảo Duy

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: [tranbaoduy@qnu.edu.vn](mailto:tranbaoduy@qnu.edu.vn)

### 9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Hoàng Mạnh Hùng

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Email: [hoangmanhhung@qnu.edu.vn](mailto:hoangmanhhung@qnu.edu.vn)

Điện thoại liên hệ: 0964 136 839

### 9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Trương Thị Thanh Phương

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

- Email: [truongthithanhphuong@qnu.edu.vn](mailto:truongthithanhphuong@qnu.edu.vn)

Điện thoại liên hệ: 0945 987 068

### 9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: Ngô Nữ Mai Quỳnh

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: [ngonumaiquynh@qnu.edu.vn](mailto:ngonumaiquynh@qnu.edu.vn)

Điện thoại liên hệ: 0989 233 141

### 9.6. Giảng viên 6

- Họ và tên: Lê Thy Hà Vân

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: [lethyhavan@qnu.edu.vn](mailto:lethyhavan@qnu.edu.vn)

Điện thoại liên hệ: 0988360678

### 10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỜNG BỘ MÔN

TRƯỜNG KHOA



TS. Trương Thị Thanh Phương

TS. Trương Thị Thanh Phương

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh



KT. HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn





**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: KINH TẾ MÔI TRƯỜNG**  
**Mã học phần: 1150023**  
**Tên tiếng Anh: ENVIRONMENTAL ECONOMICS**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Kinh tế môi trường
- Mã học phần: 1150023 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Tự chọn (Kế toán, Kiểm toán), Bắt buộc (Kinh tế)
- Các học phần học trước: Kinh tế vi mô/Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô/Kinh tế vĩ mô 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 6 tiết
  - + Thảo luận: 0 tiết
  - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa TC-NH & QTKD

**2. Mô tả học phần**

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường cũng như lồng ghép các kiến thức áp dụng vào thực tiễn. Học phần giúp cho sinh viên sử dụng các công cụ kinh tế để giải quyết các vấn đề môi trường, xác định mức ô nhiễm tối ưu cũng như hệ thống các giải pháp thị trường, các giải pháp của chính phủ nhằm đạt được mức ô nhiễm tối ưu cho xã hội đồng thời đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động đó.

Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán; thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức căn bản của kinh tế học vi mô, vĩ mô, học phần sẽ giúp mở rộng các kiến thức kinh tế ứng dụng cho các vấn đề phát triển.

**3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)**

- Kiến thức
- + CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về Kinh tế môi trường như khái niệm, phân loại các vấn đề về môi trường, phát triển bền vững, nội dung kinh tế học





chất lượng môi trường.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên các công cụ kinh tế nhằm áp dụng vào quản lý và giải quyết các vấn đề về môi trường, phương pháp đánh giá tác động môi trường, các nguyên tắc và công cụ quản lý môi trường.

- Kỹ năng

+ CO3: Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc theo nhóm; có khả năng thích ứng dựa trên tình huống.

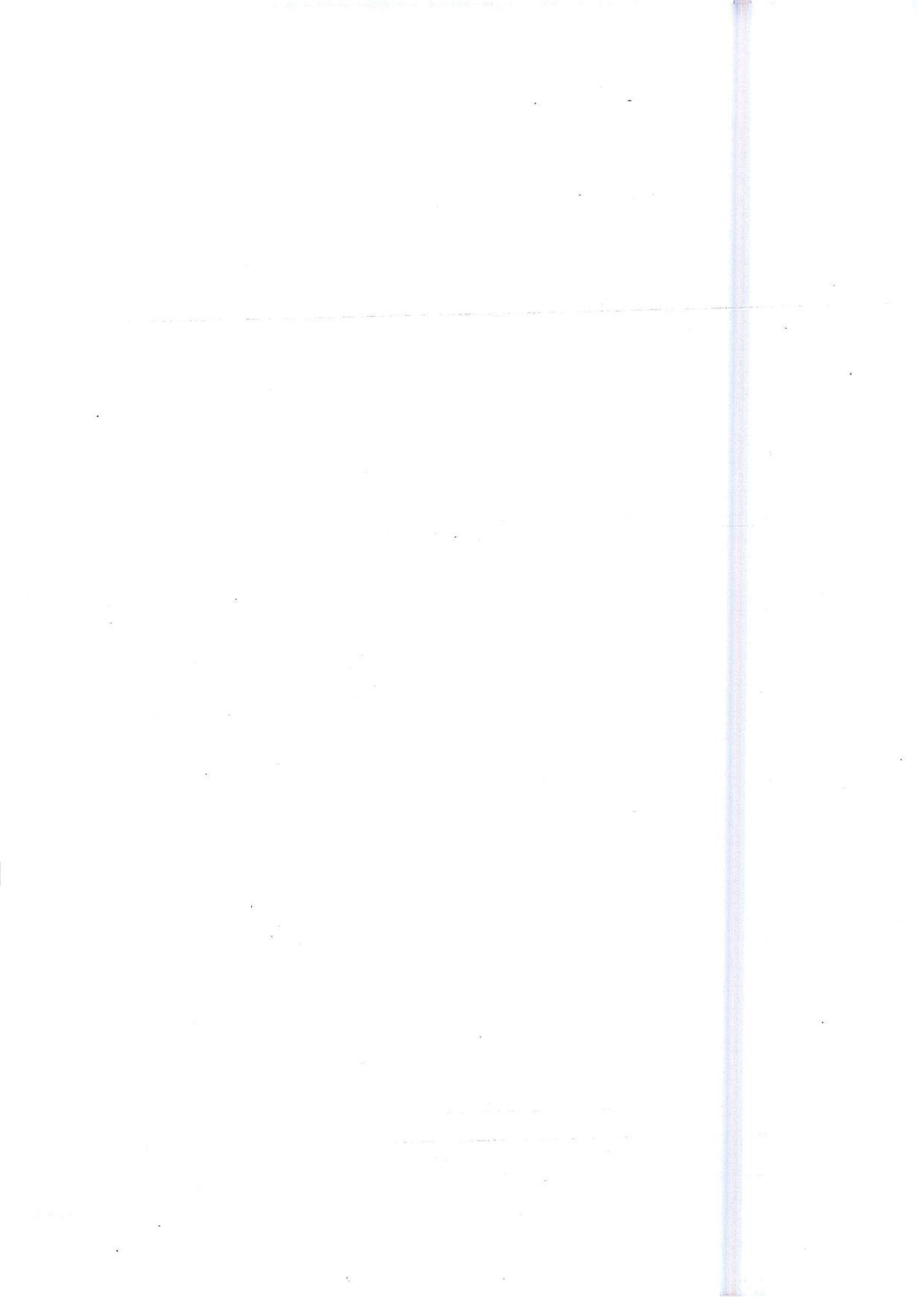
- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO4: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định; hoàn thành các tình huống thực tế được giao.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Định nghĩa được môi trường, tài nguyên và phát triển; Trình bày các vấn đề về môi trường, phát triển bền vững, ngoại ứng, kinh tế học ô nhiễm.	PLO1	L
CO2	CLO2	Áp dụng các công cụ kinh tế, phương pháp đánh giá tác động môi trường để quản lý và giải quyết các vấn đề về môi trường.	PLO1	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Thể hiện được khả năng làm việc theo nhóm.	PLO6	L
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO4	Cho thấy sự tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp, làm bài tập và tham gia các buổi thực hành đầy đủ theo số giờ quy định.	PLO14	M
CO5	CLO5	Thể hiện khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm hỗ trợ cho nghề nghiệp của cá nhân.	PLO13	L



### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Hoàng Xuân Cơ, <i>Giáo trình Kinh tế môi trường</i> , Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, (2010).
Tài liệu tham khảo thêm:	Sử Thị Thu Hằng & Nguyễn Thị Thùy Dung, <i>Bài giảng kinh tế môi trường</i> , tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Quy Nhơn, (2015).
Các loại học liệu khác:	<a href="http://vea.gov.vn/">http://vea.gov.vn/</a> ; <a href="http://www.monre.gov.vn/">http://www.monre.gov.vn/</a>

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO5
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất giải pháp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra	CLO1, CLO2, CLO5

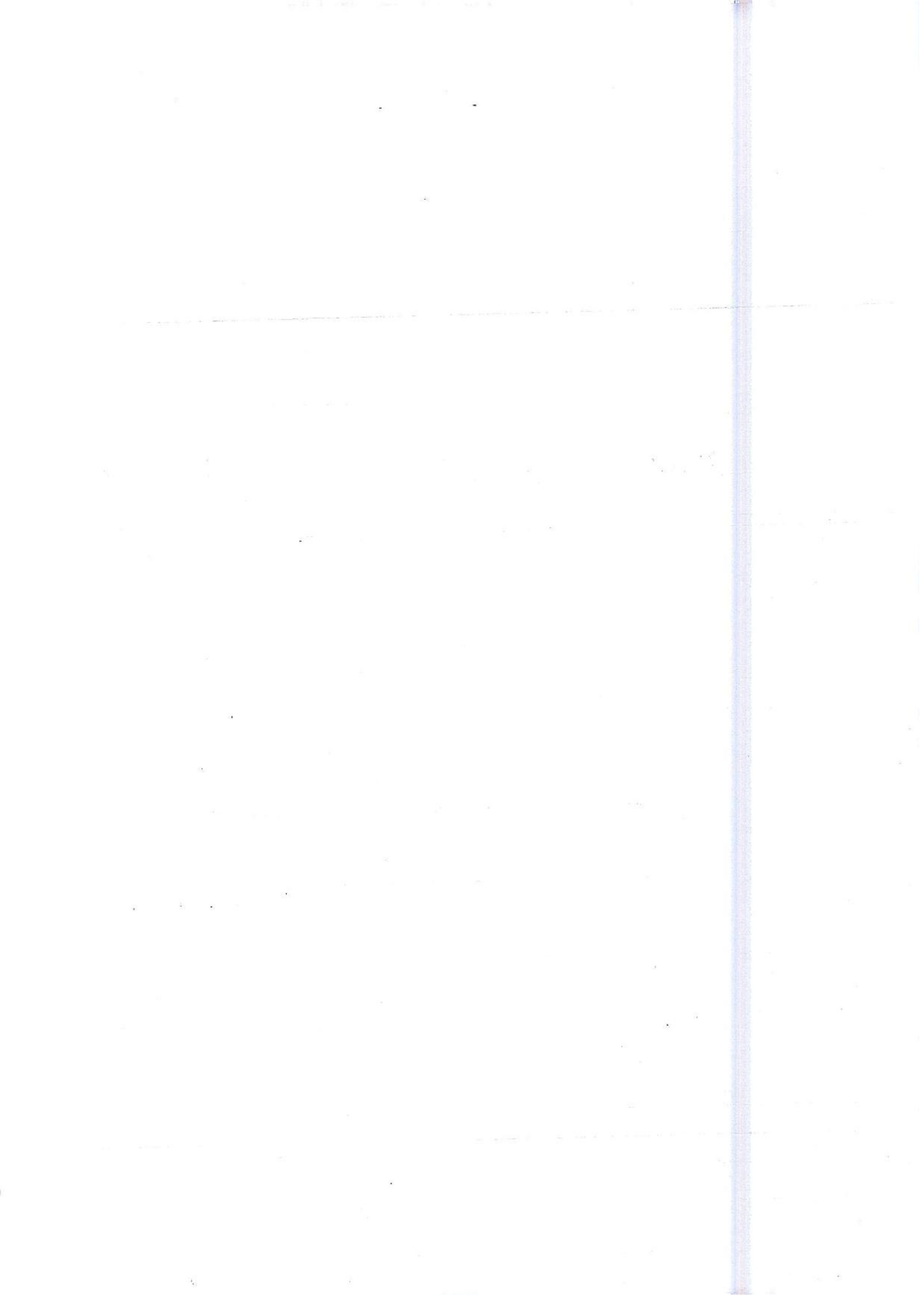
### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [2 tiết]	<b>Chương 1: Môi trường và phát triển</b> 1.1. Môi trường Ví dụ minh họa	CLO1
[2] [2 tiết]	<b>Chương 1: Môi trường và phát triển (tiếp theo)</b> 1.2. Tài nguyên 1.3. Biến đổi môi trường	CLO1
[3] [2 tiết]	<b>Chương 1: Môi trường và phát triển (tiếp theo)</b> 1.4. Phát triển 1.5. Phát triển bền vững	CLO1, CLO3
[4] [2 tiết]	<b>Chương 2: Kinh tế học chất lượng môi trường</b> 2.1. Mô hình thị trường và hiệu quả kinh tế	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[5]	<b>Chương 2: Kinh tế học chất lượng môi trường (tiếp</b>	CLO1, CLO2, CLO3,





[2 tiết]	theo) 2.2. Ngoại ứng Bài tập vận dụng	CLO4, CLO5
[6] [2 tiết]	<b>Chương 2: Kinh tế học chất lượng môi trường (tiếp theo)</b> 2.3 Kinh tế học ô nhiễm. Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5
[7] [2 tiết]	<b>Chương 2: Kinh tế học chất lượng môi trường (tiếp theo)</b> 2.3 Kinh tế học ô nhiễm (tiếp theo) Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[8] [2 tiết]	<b>Chương 2: Kinh tế học chất lượng môi trường (tiếp theo)</b> Kinh tế chất thải	CLO1, CLO2, CLO3
[9] [2 tiết]	<b>Chương 3: Đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động môi trường</b> 3.1. Đánh giá tác động môi trường.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[10] [2 tiết]	<b>Chương 3: Đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động môi trường (tiếp theo)</b> 3.2. Phân tích lợi ích – chi phí cho những tác động đến môi trường Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[11] [2 tiết]	<b>Chương 3: Đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động môi trường (tiếp theo)</b> 3.2. Phân tích lợi ích – chi phí cho những tác động đến môi trường (tiếp theo) Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[12] [2 tiết]	<b>Chương 3: Đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động môi trường (tiếp theo)</b> 3.3. Một số kỹ thuật sử dụng giá thị trường và không sử dụng giá thị trường để phân tích lợi ích – chi phí cho những tác động đến môi trường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[13] [2 tiết]	<b>Chương 4: Quản lý môi trường</b> 4.1. Quản lý môi trường và vai trò của nhà nước trong quản lý môi trường 4.2. Nội dung và nguyên tắc quản lý môi trường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
[14]	<b>Chương 4: Quản lý môi trường (tiếp theo)</b>	CLO1, CLO2, CLO3,





[2 tiết]	4.3. Các công cụ quản lý môi trường	CLO4, CLO5
[15] [2 tiết]	<b>Chương 4: Quản lý môi trường (tiếp theo)</b> 4.4. Hệ thống tổ chức quản lý môi trường ở Việt Nam Thảo luận nhóm về hệ thống quản lý môi trường ở Việt Nam	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

## 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	<b>Quá trình</b> <sup>1</sup>				30%
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO4	10%
	Kiểm tra giữa kỳ	* Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần thứ 10 – 12)	CLO1, CLO2,	20%
2	<b>Cuối kỳ</b>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2	70%

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: [nguyenthithuydung@qnu.edu.vn](mailto:nguyenthithuydung@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0944.845.933

### 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Sừ Thị Thu Hằng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: [suthithuhang@qnu.edu.vn](mailto:suthithuhang@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0773325725

## 10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian
------------------------	---

<sup>1</sup> Lựa chọn một hoặc nhiều hình thức bên dưới (ngoại trừ một số học phần đặc thù: thực tập, đồ án,..)

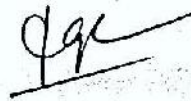
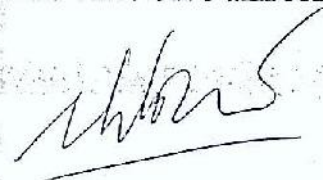


	quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23. tháng 09. năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN      TRƯỞNG BỘ MÔN

KT. TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung

TS. Phan Trọng Nghĩa

TS. Đặng Thị Thanh Loan

Ư. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn





**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**  
**Mã học phần: 1140048**  
**Tên tiếng Anh: ACCOUNTING PRINCIPLES**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Nguyên lý kế toán
- Mã học phần: 1140048 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc/tự chọn: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): học trước các học phần về Kế toán tài chính
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 09 tiết
  - + Thảo luận: 0 tiết
  - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 90 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

**2. Mô tả học phần**

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp, học phần Nguyên lý kế toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau: hệ thống hóa những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ và các nguyên tắc kế toán chung; các phương pháp sử dụng trong hạch toán kế toán; một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn.

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô; học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kế toán tài chính của sinh viên ngành kế toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

### 3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất lý thuyết hạch toán kế toán: khái niệm, nguyên tắc kế toán; đối tượng, nội dung và phương pháp hạch toán kế toán.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các phương pháp được sử dụng trong hạch toán kế toán: phương pháp chứng từ, phương pháp tính giá, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối kế toán.

+ CO3: Trang bị cho sinh viên kiến thức về một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn.

- Kỹ năng

+ CO4: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể nhận diện và định khoản tốt các nghiệp vụ kinh tế trong đơn vị hạch toán, lập được một số báo cáo tài chính quan trọng.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

+ CO6: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định; thể hiện phẩm chất đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm công dân và ý thức cộng đồng.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLOs: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Áp dụng được các nguyên tắc kế toán, phương pháp hạch toán kế toán vào thực tiễn.	PLO1	H
CO2	CLO2	Áp dụng được các phương pháp được sử dụng trong hạch toán kế toán: phương pháp chứng từ, phương pháp	PLO1	H



		tính giá, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối kế toán.		
CO3	CLO3	Áp dụng được một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn.	PLO1	H
<b>Kỹ năng</b>				
CO4	CLO4	Phân tích được các định khoản kế toán phát sinh liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp/đơn vị	PLO04	M
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>				
CO5	CLO5	Chứng tỏ khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	M
CO6	CLO6	Cho thấy phẩm chất đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm công dân và ý thức cộng đồng.	PLO14	M

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Trần Thị Cẩm Thanh – Nguyễn Ngọc Tiên, <i>Nguyên lý kế toán</i> , Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật, (2007)
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Võ Văn Nhi, <i>Nguyên lý kế toán</i> , Nhà xuất bản Tài chính, (2017) 2. Nguyễn Văn Công, <i>Bài tập Nguyên lý kế toán</i> , Nhà xuất bản Kinh tế quốc dân, (2007)
Các loại học liệu khác:	<a href="http://www.mof.gov.vn">www.mof.gov.vn</a> ; <a href="http://www.vaa.org.vn">www.vaa.org.vn</a>

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một	CLO1, CLO2, CLO3

	cách khoa học, logic.	
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên hiểu rõ từng nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	<b>Chương 1: Tổng quan về hạch toán kế toán</b> 1.1. Quá trình hình thành và phát triển của hạch toán 1.2. Các bộ phận cấu thành hạch toán 1.3. Hạch toán kế toán trong hệ thống thông tin quản lý 1.4. Một số khái niệm và nguyên tắc kế toán	CLO1
[2] [3 tiết]	<b>Chương 1: Tổng quan về hạch toán kế toán (tiếp theo)</b> 1.5. Đối tượng nghiên cứu của hạch toán kế toán 1.6. Phương pháp nghiên cứu của hạch toán kế toán Bài tập vận dụng	CLO1
[3] [3 tiết]	<b>Chương 2: Phương pháp chứng từ</b> 2.1. Khái quát chung về phương pháp chứng từ 2.2. Hệ thống bản chứng từ kế toán	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[4] [3 tiết]	<b>Chương 2: Phương pháp chứng từ (tiếp theo)</b> 2.3. Tổ chức công tác lập và xử lý chứng từ kế toán Bài tập nhóm về chứng từ	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[5] [3 tiết]	<b>Chương 3: Phương pháp tính giá</b> 3.1. Khái quát chung về phương pháp tính giá 3.2. Tính giá tài sản mua ngoài	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6



	3.3. Tính giá sản phẩm, dịch vụ sản xuất Bài tập vận dụng	
[6] [3 tiết]	<b>Chương 3: Phương pháp tính giá (tiếp theo)</b> 3.4. Tính giá hàng xuất kho Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[7] [3 tiết]	<b>Chương 4: Phương pháp đối ứng tài khoản</b> 4.1. Khái quát chung 4.2. Tài khoản kế toán 4.3. Cấp tài khoản 4.4. Quan hệ đối ứng tài khoản 4.5. Quan hệ đối ứng kế toán Bài tập nhóm về các quan hệ đối ứng kế toán	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[8] [3 tiết]	<b>Chương 4: Phương pháp đối ứng tài khoản (tiếp theo)</b> 4.6. Kiểm tra, đối chiếu việc ghi chép trên tài khoản 4.7. Hệ thống tài khoản kế toán thống nhất Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[9] [3 tiết]	<b>Chương 4: Phương pháp đối ứng tài khoản (tiếp theo)</b> 4.8. Phương pháp sửa chữa sai sót kế toán Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[10] [3 tiết]	<b>Chương 5: Phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán</b> 5.1. Sự cần thiết và hình thức biểu hiện của phương pháp tổng hợp – cân đối 5.2. Nội dung và yêu cầu đối với báo cáo kế toán Bài tập vận dụng Bài kiểm tra tại lớp	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[11] [3 tiết]	<b>Chương 5: Phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán (tiếp theo)</b> 5.3. Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp Bài tập nhóm về lập báo cáo tài chính doanh nghiệp	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[12] [3 tiết]	<b>Chương 6: Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu</b> 6.1. Giai đoạn cung cấp Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6



[13] [3 tiết]	<b>Chương 6: Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu (tiếp theo)</b> 6.2. Giai đoạn sản xuất Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[14] [3 tiết]	<b>Chương 6: Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu (tiếp theo)</b> 6.3. Giai đoạn tiêu thụ Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[15] [3 tiết]	<b>Chương 7: Sổ sách kế toán – Hình thức kế toán – Bộ máy kế toán</b> 7.1. Sổ sách kế toán 7.2. Hình thức kế toán 7.3. Bộ máy kế toán của doanh nghiệp Bài tập thảo luận nhóm về sổ sách, bộ máy kế toán	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

## 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình</i> <sup>1</sup>				40%
	<i>Chuyên cần</i>	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO6	10%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO6	
	<i>Bài tập/Bài kiểm tra</i>				30%
<i>Bài tập ở nhà</i>	Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp.	Giải tại lớp theo các tiết	CLO1, CLO2, CLO3,	5%	

<sup>1</sup> Lựa chọn một hoặc nhiều hình thức bên dưới (ngoại trừ một số học phần đặc thù: thực tập, đồ án,...)

		- Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	học	CLO4, CLO5, CLO6	
	Bài kiểm tra tại lớp	Sinh viên làm nhiều bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết) theo các trọng số khác nhau tùy thuộc độ khó theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.	Giữa các chương	CLO1, CLO2, CLO3	15%
		Bài kiểm tra: Tính giá, định khoản và xác định quan hệ đối ứng tài khoản, tổng hợp cân đối kế toán. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Kết thúc chương 3,4,5		
	Kiểm tra giữa kỳ	* Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần thứ 10 – 12)	CLO2, CLO3	10%
2	<b>Cuối kỳ</b>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3	60%

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Thị Cẩm Thanh

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, Phó Giáo sư, Tiến sĩ

- Email: tranthicamthanh@quu.edu.vn

Điện thoại liên hệ: 0913 499 523



## 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đỗ Huyền Trang

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

- Email: dohuyentrang@qnu.edu.vn

Điện thoại liên hệ: 0941231579

## 10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 08 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN TRƯỜNG BỘ MÔN

TRƯỜNG KHOA



Trần Thị Cẩm Thanh

Trần Thị Cẩm Thanh

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

Ư. HIỆU TRƯỞNG





44. [1150107] Tài chính – Tiền tệ: 3TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN  
KHOA TC-NH & QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ**  
**Mã học phần: 1150107**  
**Tên tiếng Anh: FINANCE – MONEY**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Tài chính – Tiền tệ
- Mã học phần: 1150107
- Loại học phần: *Bắt buộc*
- Các học phần học trước: Kinh tế vi mô/Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô/Kinh tế vĩ mô 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 38 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
  - + Thảo luận: 4 tiết
  - + Thực hành: 0 tiết
  - + Tự học: 90 tiết
- Khoa phụ trách học phần: Khoa TC-NH & QTKD

Số tín chỉ: 3

**2. Mô tả học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về tài chính và tiền tệ. Nội dung kiến thức tài chính cụ thể như tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, ngân sách nhà nước và tài chính quốc tế. Về tiền tệ, học phần sẽ cung cấp kiến thức về bản chất của tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát tiền tệ, lãi suất, hoạt động của hệ thống trung gian tài chính, ngân hàng trung ương và việc sử dụng công cụ chính sách tiền tệ trong các điều kiện của nền kinh tế. Kiến thức học phần này là nền tảng giúp cho sinh viên học tốt các môn học trong chuyên ngành kinh tế, kế toán, kiểm toán và quản trị kinh doanh.

**3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)**

- Kiến thức:
  - + CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, lạm phát, lãi suất tín dụng.
  - + CO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về thị trường và các trung gian tài chính, ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương và tài chính doanh nghiệp.

- Kỹ năng:  
 + CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể vận dụng kiến thức để phân tích, đề xuất các giải pháp đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn về hoạt động tiền tệ, ngân hàng, thị trường tài chính.

+ CO4: Có các kỹ năng mềm như: làm việc nhóm, thuyết trình, trình bày các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ.

- Mức tự chủ và trách nhiệm:

+CO5: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ học trên lớp, chuẩn bị nội dung thảo luận và làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu.

+ CO6: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTDĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu các kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận cơ bản của phạm trù tài chính và phạm trù tiền tệ, lãi suất tín dụng và hoạt động tín dụng trong nền kinh tế.	PLO2	L
CO2	CLO2	Hiểu được các kiến thức chung về thị trường và các trung gian tài chính, NHTM, NHTW, tài chính doanh nghiệp.	PLO2	L
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Vận dụng được các lý thuyết về tài chính – tiền tệ để phân tích, đề xuất các giải pháp đối với các vấn đề thực tiễn liên quan.	PLO4	L
CO4	CLO4	Có khả năng vận dụng các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, trình bày	PLO5	L



		các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ.	PLO6	L
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Cho thấy ý thức đạo đức, ý thức tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp	PLO14	L
CO6	CLO6	Chứng tỏ khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.	PLO13	L

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Hà Thanh Việt (2019), <i>Giáo trình Tài chính – Tiền tệ</i> , NXB Lao động - Xã hội [2]. Sừ Đình Thành (2012), <i>Nhập môn Tài chính – tiền tệ</i> , NXB Lao động - Xã hội.
Tài liệu tham khảo thêm:	[3] Cao Thị Ý Nhi, Đặng Tuấn Anh (2018), <i>Lý thuyết tài chính tiền tệ</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội. [4] Nguyễn Hữu Tài (2009), <i>Lý thuyết tài chính tiền tệ</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội. [5] Frederic S.Mishkin (2001), <i>Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính</i> , NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội.
Các loại học liệu khác:	+ Các luật, quy định có liên quan. + Các bài báo trên các trang web của các tạp chí trong nước: Tạp chí Tài chính, Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Phát triển kinh tế, các bài báo nước ngoài...

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO6
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6



Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất giải pháp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra	CLO1, CLO2, CLO4, CLO6

### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TIỀN TỆ</b> 1.1. Quá trình phát triển của tiền tệ 1.2. Chức năng của tiền tệ	CLO1, CLO5
[2] [3 tiết]	<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TIỀN TỆ</b> 1.3. Vai trò của tiền tệ trong nền kinh tế thị trường 1.4. Lượng tiền cung ứng trong nền kinh tế 1.5. Giới thiệu một số đồng tiền phổ biến trên thế giới	CLO1, CLO5
[3] [3 tiết]	<b>Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH</b> 2.1. Khái niệm tài chính 2.2. Chức năng của tài chính	CLO1, CLO2, CLO5
[4] [3 tiết]	<b>Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH</b> 2.3. Hệ thống tài chính	CLO1, CLO2, CLO5
[5] [3 tiết]	<b>Chương 3: LẠM PHÁT</b> 3.1. Khái niệm, đo lường và phân loại lạm phát 3.2. Nguyên nhân gây ra lạm phát	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5
[6] [3 tiết]	<b>Chương 3: LẠM PHÁT</b> 3.3. Tác động của lạm phát 3.4. Biện pháp khắc phục lạm phát Thảo luận	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[7] [3 tiết]	<b>Chương 4: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG</b> 4.1. Khái niệm tín dụng 4.2. Các hình thức tín dụng	CLO1, CLO5

[8] [3 tiết]	<b>Chương 4: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG</b> 4.4. Vai trò của tín dụng trong nền kinh tế thị trường 4.5. Lãi suất tín dụng Bài tập lãi suất	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[9] [3 tiết]	<b>Chương 4: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG</b> 4.6. Các nhân tố ảnh hưởng tới lãi suất tín dụng 4.7. Lãi suất ở Việt Nam Giải bài tập cuối chương Thảo luận về các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất và điều hành lãi suất ở Việt Nam.	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[10] [3 tiết]	<b>Chương 5: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</b> 5.1. Lịch sử ra đời và phát triển của ngân hàng thương mại 5.2. Chức năng của ngân hàng thương mại 5.3. Các dịch vụ của ngân hàng thương mại	CLO2, CLO5
[11] [3 tiết]	<b>Chương 5: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</b> 5.4. Các loại hình ngân hàng thương mại 5.5. Nguồn vốn của ngân hàng thương mại 5.6. Tài sản của ngân hàng thương mại Thảo luận về các dịch vụ chính của NHTM và sự khác nhau giữa các hình thức tín dụng ngân hàng.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[12] [3 tiết]	<b>Chương 6: NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG</b> 6.1. Tổng quan về ngân hàng trung ương 6.2. Giới thiệu về ngân hàng Nhà nước Việt Nam	CLO2, CLO5
[13] [3 tiết]	<b>Chương 6: NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG</b> 6.3. Chính sách tiền tệ quốc gia Thảo luận về các công cụ của chính sách tiền tệ và thực tiễn điều hành chính sách tiền tệ tại Việt Nam	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[14] [3 tiết]	<b>Chương 7: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP</b> 7.1. Khái niệm tài chính doanh nghiệp 7.2. Đặc điểm của tài chính doanh nghiệp 7.3. Vốn kinh doanh của doanh nghiệp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[15] [3 tiết]	<b>Chương 7: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP</b> 7.4. Khấu hao tài sản cố định	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6



	Bài tập	
[16] [2 tiết]	Giải bài tập khấu hao TSCĐ chương 7 Ôn tập và hệ thống kiến thức	

### 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Quá trình học tập				40%
	<i>Chuyên cần</i>	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	10%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
	Làm bài tập nhóm, thảo luận, thuyết trình	Làm bài tập nhóm được giao, thảo luận vấn đề được GV đưa ra (trước và trong buổi học). Các bài thuyết trình được giao, và thuyết trình trong quá trình thảo luận nhóm.	Giữa các chương	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	10%
Kiểm tra giữa kỳ	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần thứ 10-12)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	20%	
2	<i>Thi kết thúc học phần</i>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào	CLO1, CLO2, CLO3,	60%



			ạo hàng năm)	CLO5, CLO6	
--	--	--	-----------------	---------------	--

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đặng Thị Thoi.....
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ.....
- Email: [dangthithoi@qnu.edu.vn](mailto:dangthithoi@qnu.edu.vn)..... Điện thoại liên hệ: 0866503839.....

### 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Hoàng Phong.....
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - NCS.....
- Email: [nguyenhoangphong@fbm.edu.vn](mailto:nguyenhoangphong@fbm.edu.vn)..... Điện thoại liên hệ: 0907083689

### 9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Diệu.....
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - NCS.....
- Email: [tranthanhdiệu@fbm.edu.vn](mailto:tranthanhdiệu@fbm.edu.vn)..... Điện thoại liên hệ: 0948048966

### 9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Nguyễn Tiến Dũng.....
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ.....
- Email: [nguyentientung@fbm.edu.vn](mailto:nguyentientung@fbm.edu.vn)..... Điện thoại liên hệ: 0389967411

### 9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: Phạm thị Kiều Khanh.....
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ.....
- Email: [phamkieukhanh@fbm.edu.vn](mailto:phamkieukhanh@fbm.edu.vn)..... Điện thoại liên hệ: 0905377562

### 9.6. Giảng viên 6

- Họ và tên: Đặng Nguyên Bảo.....
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ.....
- Email: [dangnguyenbao@fbm.edu.vn](mailto:dangnguyenbao@fbm.edu.vn)..... Điện thoại liên hệ: 0914737799

### 9.7. Giảng viên 7

- Họ và tên: Phạm Ngọc Ánh.....
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ.....
- Email: [phamngocanh@fbm.edu.vn](mailto:phamngocanh@fbm.edu.vn)..... Điện thoại liên hệ: 0983276344

### 9.8. Giảng viên 8

- Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Hiền.....
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ - NCS.....
- Email: [nguyenkimhien@qnu.edu.vn](mailto:nguyenkimhien@qnu.edu.vn)..... Điện thoại liên hệ: .....

### 10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy đúng, đầy đủ nội dung theo thời gian đã phân bổ
Yêu cầu đối với sinh viên	Đảm bảo giờ tự học, đọc giáo trình và tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên, tích cực tham gia các hoạt động tại lớp học.
Quy định về tham dự lớp học	Tham gia ít nhất 2/3 thời lượng giảng dạy của học phần, thực hành đầy đủ
Quy định về hành vi trong lớp học	Tích cực trong giờ học, tôn trọng giảng viên và các học viên khác
Quy định về học vụ	Chuẩn bị đầy đủ các trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập (phòng học có máy chiếu, micro, bảng, phấn, wifi), ...
Các quy định khác	Thực hiện đúng nội quy nhà trường

Bình Định, ngày 23 tháng 03 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ThS. Đặng Thị Thơi

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Phan Trọng Nghĩa

KT. TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TS. Đặng Thị Thanh Loan





**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**  
**Mã học phần: 1150100**  
**Tên tiếng Anh: CORPORATE FINANCE**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Tài chính doanh nghiệp
- Mã học phần: 1150100 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Tài chính – Tiền tệ, Nguyên lý kế toán
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 06 tiết
  - + Thảo luận: 0 tiết
  - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa TC-NH & QTKD/Bộ môn Tài chính

**2. Mô tả học phần**

Cung cấp những vấn đề cơ bản về khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp cũng như mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp; doanh thu, chi phí, lợi nhuận; đọc và phân tích báo cáo tài chính; chi phí vốn và cơ cấu nguồn vốn; đánh giá hiệu quả tài chính trong đầu tư dài hạn của doanh nghiệp.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

**3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)**

- Kiến thức
  - + CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp cũng như mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp.
  - + CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong doanh nghiệp.



+ CO3: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các nội dung trong Báo cáo tài chính cũng như phân tích các báo cáo này.

+ CO4: Trang bị cho sinh viên kiến thức về nguồn vốn và cơ cấu của nguồn vốn trong doanh nghiệp, cách xác định chi phí sử dụng vốn, chi phí của các loại vốn, chi phí trung bình của vốn.

+ CO5: Trang bị cho sinh viên kiến thức về đầu tư dài hạn và phân tích hiệu quả dự án đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp.

- Kỹ năng

+ CO6: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể phân tích được các Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.

+ CO7: Học phần trang bị cho sinh viên khả năng đánh giá hiệu quả tài chính trong đầu tư dài hạn của doanh nghiệp.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO8: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định; có trách nhiệm với báo cáo phân tích của mình, thể hiện rõ đạo đức nghề nghiệp qua trình bày báo cáo phân tích.

+ CO9: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu được tổng quan về tài chính doanh nghiệp	PLO2	L
CO2	CLO2	Hiểu được các kiến thức chuyên sâu của tài chính doanh nghiệp	PLO2	M
CO2	CLO3	Áp dụng kiến thức để phân tích báo cáo tài chính, xác định chi phí sử dụng vốn, chi phí của các loại vốn, chi phí trung bình của vốn, phân tích và ra quyết định đầu tư dài hạn của doanh nghiệp	PLO2	M
Kỹ năng				
CO3	CLO4	Phân tích các Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp	PLO4	L
CO4	CLO5	Ra quyết định đầu tư dài hạn của doanh nghiệp	PLO4	M

Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO6	Có tính trung thực khách quan; có đạo đức nghề nghiệp; có thái độ và nhận thức đúng đắn về chuyên môn; ý thức tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp	PLO14	M
CO6	CLO7	Có khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	M

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1. Phan Trọng Nghĩa (2022), <i>Giáo trình tài chính doanh nghiệp</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân.
Tài liệu tham khảo thêm:	2. Bùi Hữu Phước, Lê Thị Lanh, Phan Thị Nhi Hiếu (2014), <i>Tài chính doanh nghiệp</i> , NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. 3. Nguyễn Văn Công (2017), <i>Phân tích báo cáo tài chính</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân. 4. Hà Thanh Việt (2013), <i>Lý thuyết và thực hành Quản trị tài chính</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân. 5. Nguyễn Minh Kiều (2015), <i>Tài chính doanh nghiệp căn bản</i> , NXB Tài chính.
Các loại học liệu khác:	Luật doanh nghiệp 2014. Báo cáo phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp.

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO9
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất giải pháp	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9



7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [2 tiết]	<b>Chương 1: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp</b> 1.1. Tổng quan về doanh nghiệp 1.1.1. Khái niệm về doanh nghiệp 1.1.2. Các loại hình doanh nghiệp 1.1.3. Mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp Ví dụ minh họa	CLO1, CLO8, CLO9
[2] [2 tiết]	<b>Chương 1: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp (tt)</b> 1.2. Tài chính doanh nghiệp Ví dụ minh họa	CLO1, CLO8, CLO9
[3] [2 tiết]	<b>Chương 2: Doanh thu, chi phí, lợi nhuận</b> 2.1. Doanh thu 2.2. Chi phí Bài tập về nhà vận dụng xác định doanh thu và chi phí trong doanh nghiệp	CLO1, CLO8, CLO9
[4] [2 tiết]	<b>Chương 2: Doanh thu, chi phí, lợi nhuận (tt)</b> 2.3. Lợi nhuận 2.4. Phân tích hoà vốn Bài tập về nhà vận dụng xác định lợi nhuận và phân tích điểm hoà vốn trong doanh nghiệp	CLO2, CLO8, CLO9
[5] [2 tiết]	Giải bài tập chương 2	CLO2, CLO8, CLO9
[6] [2 tiết]	<b>Chương 3: Báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính</b> 2.1. Hệ thống báo cáo tài chính tại Việt Nam. 2.1.1. Bảng cân đối kế toán. 2.1.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. 2.1.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. 2.1.4. Thuyết minh báo cáo tài chính Ví dụ minh họa	CLO3, CLO6, CLO8, CLO9
[7]	<b>Chương 3: Báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính (tt)</b> 2.2. Phân tích báo cáo tài chính 2.2.1. Mục đích 2.2.2. Phương pháp	CLO3, CLO6, CLO8, CLO9



[2 tiết]	2.2.3. Nội dung Bài tập về nhà vận dụng phân tích báo cáo tài chính của một doanh nghiệp cụ thể	
[8] [2 tiết]	Giải bài tập chương 3	CLO3, CLO6, CLO8, CLO9
[9] [2 tiết]	<b>Chương 4: Chi phí vốn và cơ cấu nguồn vốn trong doanh nghiệp.</b> 4.1. Chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp 4.1.1. Chi phí sử dụng vốn của các nguồn vốn thành phần 4.1.2. Chi phí sử dụng vốn bình quân của doanh nghiệp Bài tập về nhà vận dụng xác định chi phí sử dụng vốn trong doanh nghiệp	CLO4, CLO8, CLO9
[10] [2 tiết]	<b>Chương 4: Chi phí vốn và cơ cấu nguồn vốn trong doanh nghiệp.</b> 4.2. Cơ cấu nguồn vốn trong doanh nghiệp Bài tập về nhà vận dụng xác định cơ cấu nguồn vốn trong doanh nghiệp	CLO4, CLO8, CLO9
[11] [2 tiết]	<b>Chương 4: Chi phí vốn và cơ cấu nguồn vốn trong doanh nghiệp.</b> 4.3. Hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp 4.3.1. Đòn bẩy kinh doanh 4.3.2. Đòn bẩy tài chính 4.3.3. Đòn bẩy tổng hợp Bài tập về nhà vận dụng xác định các đòn bẩy trong doanh nghiệp	CLO4, CLO8, CLO9
[12] [2 tiết]	<b>Chương 5: Đầu tư dài hạn</b> 5.1. Thời giá tiền tệ và mô hình chiết khấu dòng tiền 5.1.1. Giá trị tiền tệ thời gian 5.1.2. Mô hình chiết khấu dòng tiền (DCF) Ví dụ minh họa	CLO5, CLO7, CLO8, CLO9
[13] [2 tiết]	<b>Chương 5: Đầu tư dài hạn (tt)</b> 5.2. Xây dựng dòng tiền cho dự án đầu tư Ví dụ minh họa	CLO5, CLO7, CLO8, CLO9
[14] [2 tiết]	<b>Chương 5: Đầu tư dài hạn (tt)</b> 5.3. Các tiêu chuẩn thẩm định dự án đầu tư dài hạn 5.3.1. Phương pháp giá trị hiện tại thuần (NPV).	CLO5, CLO7, CLO8, CLO9

	5.3.2. Phương pháp tỷ suất sinh lợi nội bộ (IRR) Bài tập về nhà vận dụng đánh giá hiệu quả tài chính dự án trong đầu tư dài hạn của doanh nghiệp	
[15] [2 tiết]	Giải bài tập chương 5	CLO5, CLO7, CLO8, CLO9

### 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	<b>Quá trình học tập</b>				<b>30%</b>
	<i>Chuyên cần</i>	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	<b>10%</b>
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	
	<i>Quá trình<sup>1</sup></i>				<b>20%</b>
	Bài tập ở nhà	Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8,	<b>5%</b>

<sup>1</sup> Lựa chọn một hoặc nhiều hình thức bên dưới (ngoại trừ một số học phần đặc thù: thực tập, đồ án,...)



	Kiểm tra giữa kỳ	* Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần thứ 10 – 12)	CLO9 CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9	15%
2	<b>Thi kết thúc học phần</b>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9	70%

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Phan Thị Quốc Hương

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

- Email: phanthiquochuong@qnu.edu.vn

Điện thoại liên hệ: 0989 157 010

### 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Bùi Thị Thu Ngân

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: buithithungan@qnu.edu.vn

Điện thoại liên hệ: 0909 601 229

### 9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Trần Thị Diệu Hương

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: tranthidiệuhuong@qnu.edu.vn

Điện thoại liên hệ: 0935 623 458

### 9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Phan Trọng Nghĩa

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Email: phantrọngnghia@qnu.edu.vn

Điện thoại liên hệ: 0989 785 738

### 9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Liễu

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

### 10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

KT. TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TS. Phan Thị Quốc Hương

TS. Phan Trọng Nghĩa

TS. Đặng Thị Thanh Loan

KT. HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: KINH TẾ ĐẦU TƯ 1**  
**Mã học phần: 1140030**  
**Tên tiếng Anh: INVESTMENT ECONOMIC I**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Kinh tế đầu tư 1
- Mã học phần: 1140030 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc/tự chọn: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế vi mô 2, Kinh tế phát triển I
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 0 tiết
  - + Thảo luận: 18 tiết
  - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 90 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

**2. Mô tả học phần**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan nhất về bản chất của hoạt động đầu tư phát triển; đầu tư công, mối quan hệ giữa đầu tư công và nợ công; đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, vốn và nguồn vốn đầu tư.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế học, kinh tế phát triển học phần sẽ tạo nền tảng kiến thức về đầu tư phát triển để sinh viên tiếp cận những học phần kiến thức ngành và chuyên ngành chuyên sâu và có tầm nhìn về các vấn đề về kinh tế đầu tư trong thực tế.

**3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)**

- Kiến thức
  - + CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về bản chất của hoạt động đầu tư phát triển, đầu tư công và đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.
  - + CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về vốn và nguồn vốn đầu tư.
- Kỹ năng
  - + CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể nhận diện và phân tích các vấn đề

liên quan đến đầu tư phát triển, vốn và nguồn vốn đầu tư.

+ CO4: Học phần trang bị cho sinh viên khả năng đề xuất các giải pháp, kiến nghị trong các tình huống liên quan đến đầu tư phát triển, vốn và nguồn vốn đầu tư. Phát triển các kỹ năng đặc biệt kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, hoạch định trong quá trình học tập và làm việc.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, hoàn thành các bài tập nhóm đúng quy định.

+ CO6: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Phân tích được bản chất của hoạt động đầu tư phát triển, đầu tư công, đầu tư phát triển trong doanh nghiệp	PLO3, PLO2	M
CO2	CLO2	Phân tích được bản chất của nguồn vốn đầu tư và đặc điểm của từng loại vốn đầu tư tác động đến nền kinh tế và xây dựng được các chính sách huy động và sử dụng các nguồn vốn một cách có hiệu quả.	PLO3, PLO2	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Giải thích được bản chất, vai trò, nội dung của hoạt động đầu tư phát triển, đầu tư công và đầu tư phát triển doanh nghiệp, các nguồn vốn đầu tư	PLO5, PLO9, PLO10, PLO11	M M
CO4	CLO4	Đề xuất các kiến nghị về đầu tư, quản lý đầu tư và	PLO5, PLO9	M



		thu hút đầu tư ở góc độ nền kinh tế và doanh nghiệp. Phát triển các kỹ năng như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, hoạch định.		
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Thể hiện ý thức đạo đức, ý thức tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp	PLO14	M
CO6	CLO6	Thể hiện khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	M

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Từ Quang Phương, Phạm Văn Hùng, <i>Giáo trình Kinh tế đầu tư</i> , Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, (2013).
Tài liệu tham khảo thêm:	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. <i>Luật Đầu tư công</i>, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, (2014)</li> <li>2. <i>Luật đầu tư</i>, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, (2014)</li> <li>3. Nguyễn Văn Chơn, <i>Kinh tế đầu tư</i> tập I, tập II, Nhà xuất bản Thống kê, (2001)</li> </ol>
Các loại học liệu khác:	<a href="http://www.mpi.gov.vn">www.mpi.gov.vn</a>

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất giải pháp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	<b>Chương 1. Tổng quan về đầu tư và môn học kinh tế đầu tư</b> 1.1. Đầu tư và phân loại hoạt động đầu tư 1.2. Đối tượng nghiên cứu của môn học 1.3. Cơ sở lý luận và cơ sở phương pháp luận của môn học kinh tế đầu tư 1.4. Khái quát nội dung nghiên cứu của môn học	CLO1
[2] [3 tiết]	<b>Chương 2. Những vấn đề cơ bản của đầu tư phát triển</b> 2.1. Bản chất của đầu tư phát triển	CLO1, CLO3, CLO4,
[3] [3 tiết]	<b>Chương 2. Những vấn đề cơ bản của đầu tư phát triển (tiếp theo)</b> 2.1. Bản chất của đầu tư phát triển (tiếp theo)	CLO1, CLO3, CLO4,
[4] [3 tiết]	<b>Chương 2. Những vấn đề cơ bản của đầu tư phát triển (tiếp theo)</b> 2.2. Tác động của đầu tư phát triển đến tăng trưởng và phát triển	CLO1, CLO3, CLO4,
[5] [3 tiết]	<b>Chương 2. Những vấn đề cơ bản của đầu tư phát triển (tiếp theo)</b> 2.2. Tác động của đầu tư phát triển đến tăng trưởng và phát triển (tiếp theo) 2.3. Các lý thuyết kinh tế về đầu tư	CLO1, CLO3, CLO4,
[6] [3 tiết]	<b>Chương 2. Những vấn đề cơ bản của đầu tư phát triển (tiếp theo)</b> 2.3. Các lý thuyết kinh tế về đầu tư (tiếp theo)	CLO1, CLO3, CLO4
[7] [3 tiết]	<b>Chương 3. Nguồn vốn đầu tư</b> 3.1. Khái niệm và bản chất của nguồn vốn đầu tư 3.2. Các nguồn huy động vốn đầu tư 3.3. Điều kiện huy động có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư	CLO2, CLO3, CLO4
[8] [3 tiết]	<b>Chương 4. Đầu tư công</b> 4.1. Khái niệm và mục tiêu của đầu tư công 4.2. Nguyên tắc và nội dung đầu tư công 4.3. Các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư công	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[9] [3 tiết]	<b>Chương 4. Đầu tư công (tiếp theo)</b> 4.4. Giám sát và quản lý hoạt động đầu tư công	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6



	4.5. Mối quan hệ giữa đầu tư công và nợ công công có ảnh hưởng đến đầu tư và đầu tư công 4.6. Đầu tư công tại Việt Nam	
[10] [3 tiết]	<b>Chương 5. Đầu tư phát triển trong doanh nghiệp</b> 5.1. Khái niệm, ý nghĩa và phân loại đầu tư phát triển trong doanh nghiệp 5.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[11] [3 tiết]	<b>Chương 5. Đầu tư phát triển trong doanh nghiệp (tiếp theo)</b> 5.3. Nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[12] [3 tiết]	<b>Chương 5. Đầu tư phát triển trong doanh nghiệp (tiếp theo)</b> 5.4. Nội dung cơ bản của đầu tư phát triển trong doanh nghiệp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[13] [3 tiết]	Thảo luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[14] [3 tiết]	Thảo luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[15] [3 tiết]	Thảo luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[16] [3 tiết]	Thảo luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[17] [3 tiết]	Thảo luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[18] [3 tiết]	Thảo luận và tổng kết	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

### 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình</i>				30%
	Chuyên cần	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tỷ số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Trong các buổi học	CLO5, CLO6	10%

		Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học			
	Thảo luận	Sinh viên làm bài thảo luận	Sinh viên tương tác trong quá trình học và thảo luận chung vào cuối môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6	20%
2	<i>Cuối kỳ</i>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	70%

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Hoàng Thị Hoài Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: [hoangthihoaihuong@qnu.edu.vn](mailto:hoangthihoaihuong@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0973.677.368

### 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: [nguyenthithuygiang@qnu.edu.vn](mailto:nguyenthithuygiang@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0967.169.689

## 10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chỉ tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực



Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 22 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỜNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

TS. Hoàng Thị Hoài Hương

TS. Hoàng Thị Hoài Hương

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Anh Tuấn





47. [1140133] Kinh tế phát triển 1: 3TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN  
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: KINH TẾ PHÁT TRIỂN 1**  
**Mã học phần: 1140133**  
**Tên tiếng Anh: DEVELOPMENT ECONOMICS 1**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Kinh tế phát triển 1
- Mã học phần: 1140133 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế vĩ mô 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 09 tiết
  - + Thảo luận: 0 tiết
  - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 90 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

**2. Mô tả học phần**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của nền kinh tế trong mối quan hệ tác động qua lại giữa kinh tế và xã hội. Đặc biệt, trang bị cho sinh viên các kiến thức về nguyên lý phát triển trong điều kiện cụ thể của các nước đang phát triển; Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nắm rõ bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế; tìm hiểu và phân tích các mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, các vấn đề về phân phối thu nhập; vai trò của các yếu tố nguồn lực đối với tăng trưởng kinh tế.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vĩ mô 1, học phần sẽ là nền tảng kiến thức ngành và giúp sinh viên phát triển các kiến thức kinh tế, xã hội.

**3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)**

- Kiến thức
- + CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các nước đang phát triển – đối tượng nghiên cứu của kinh tế phát triển, những lý thuyết cơ bản về tăng trưởng, phát triển kinh tế, các mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, phúc lợi cho con người.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về các yếu tố nguồn lực đối với tăng trưởng kinh tế như: vốn, lao động, công nghệ, tài nguyên với phát triển kinh tế.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng xác định được các mô hình kinh tế và thực hiện việc đánh giá các vấn đề kinh tế xã hội.

+ CO4: Sinh viên có khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tiễn tại các địa phương, Việt Nam nói riêng và các nước đang phát triển nói chung.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Trên cơ sở các kiến thức, kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học, tự nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

+ CO6: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Diễn giải được về đối tượng nghiên cứu của kinh tế phát triển - các nước đang phát triển; các nội dung: tăng trưởng, phát triển kinh tế, các mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, phúc lợi cho con người	PLO2	M
CO2	CLO2	Vận dụng và đánh giá được các nội dung về yếu tố nguồn lực với phát triển kinh tế	PLO2	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Sinh viên có khả năng xác định được các mô hình kinh tế và thực hiện việc đánh giá các vấn đề kinh tế xã hội.	PLO4	M
CO4	CLO4	Sinh viên có khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tiễn tại Việt Nam nói riêng và các nước đang phát triển nói chung.	PLO9	L



Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Chúng tỏ khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	M
CO6	CLO6	Cho thấy sự tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định	PLO14	M

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Phạm Ngọc Linh, Nguyễn Thị Kim Dung (Đồng chủ biên), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i> , Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, (2008).
Tài liệu tham khảo thêm:	Ngô Thắng Lợi (Chủ biên), <i>Kinh tế phát triển</i> , Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, (2013).
Các loại học liệu khác:	<a href="http://www.ciem.org.vn">www.ciem.org.vn</a>

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các bài toán kinh tế.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích vấn đề trong thực tiễn.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	<b>Chương 1: Các nước đang phát triển</b> 1.1. Sự phân chia các nước theo trình độ phát triển 1.2. Những đặc trưng cơ bản của các nước đang phát triển	CLO1

	1.3. Sự cần thiết lựa chọn con đường phát triển Ví dụ minh họa	
[2] [3 tiết]	<b>Chương 2: Tăng trưởng và phát triển kinh tế</b> 2.1. Bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế 2.2. Đánh giá phát triển kinh tế 2.3. Các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế Ví dụ minh họa	CLO1, CLO3, CLO5
[3] [3 tiết]	<b>Chương 3: Các mô hình tăng trưởng kinh tế</b> 3.1. Mô hình tân cổ điển về tăng trưởng kinh tế 3.2. Mô hình của Keynes về tăng trưởng kinh tế 3.3. Lý thuyết về tăng trưởng kinh tế hiện đại Bài tập vận dụng	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6
[4] [3 tiết]	<b>Chương 4: Các mô hình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế</b> 4.1. Cơ cấu ngành kinh tế và xu hướng chuyển dịch trong quá trình phát triển Bài tập về nhà: thu thập số liệu thực tế, phân tích về cơ cấu ngành và xu hướng chuyển dịch của một địa phương hoặc của Việt Nam.	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[5] [3 tiết]	<b>Chương 4: Các mô hình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế (tiếp theo)</b> 4.2. Các mô hình lý thuyết và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế Thảo luận	CLO1, CLO5, CLO6
[6] [3 tiết]	<b>Chương 5: Phúc lợi cho con người và phát triển kinh tế</b> 5.1. Tăng trưởng kinh tế và mức độ đáp ứng phúc lợi cho con người 5.2. Chỉ số phát triển con người Bài tập vận dụng chỉ số phát triển con người	CLO1, CLO3, CLO4, CLO6
[7] [3 tiết]	<b>Chương 5: Phúc lợi cho con người và phát triển kinh tế (tiếp theo)</b> 5.3. Bất bình đẳng về phân phối thu nhập Bài tập vận dụng: tính toán các thước đo về bất bình đẳng trong phân phối thu nhập	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6
[8] [3 tiết]	<b>Chương 6: Lao động với phát triển kinh tế</b> 6.1. Vai trò của lao động của với phát triển kinh tế 6.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cung cầu lao động	CLO2, CLO4, CLO5
[9]	<b>Chương 6: Lao động với phát triển kinh tế (tiếp</b>	CLO2, CLO4, CLO5,



[3 tiết]	theo) 6.3. Phân chia thị trường lao động ở các nước đang phát triển Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO6
[10] [3 tiết]	<b>Chương 7: Vốn với phát triển kinh tế</b> 7.1. Vốn sản xuất và vốn đầu tư 7.2. Vai trò của vốn sản xuất và vốn đầu tư với tăng trưởng và phát triển kinh tế Bài tập về nhà: thu thập số liệu thực tế và phân tích về thực trạng vốn đầu tư của một địa phương hoặc của Việt Nam.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[11] [3 tiết]	<b>Chương 7: Vốn với phát triển kinh tế (tiếp theo)</b> 7.3. Các yếu tố tác động đến cầu vốn đầu tư 7.4. Các nguồn hình thành vốn đầu tư Thảo luận	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[12] [3 tiết]	<b>Chương 8: Tài nguyên thiên nhiên và môi trường với phát triển kinh tế</b> 8.1. Phân loại tài nguyên thiên nhiên 8.2. Vai trò của tài nguyên thiên nhiên với phát triển kinh tế Ví dụ minh họa	CLO2, CLO4
[13] [3 tiết]	<b>Chương 8: Tài nguyên thiên nhiên và môi trường với phát triển kinh tế (tiếp theo)</b> 8.3. Thị trường một số tài nguyên thiên nhiên 8.4. Phát triển bền vững Ví dụ minh họa	CLO2, CLO4, CLO5
[14] [3 tiết]	<b>Chương 9: Khoa học và công nghệ với phát triển kinh tế</b> 9.1. Khoa học và công nghệ 9.2. Đổi mới công nghệ với phát triển kinh tế	CLO2, CLO4
[15] [3 tiết]	<b>Chương 9: Khoa học và công nghệ với phát triển kinh tế (tiếp theo)</b> 9.3. Phương hướng cơ bản phát triển khoa học – công nghệ của Việt Nam Ví dụ minh họa	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6

## 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số	
					Thành phần	Tổng
1	<b>Quá trình</b>					40%
	<i>Chuyên cần</i>	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO6	5%	10%
		Dựa vào thời gian tham dự buổi học và tùy số tiết vắng, giảng viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO6	5%	
	<i>Bài kiểm tra</i>					30%
	Bài tập ở nhà	- Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia trình bày tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Trình bày tại lớp theo các tiết học	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6	10%	
	Kiểm tra giữa kỳ	- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần thứ 9 – 11)	CLO1, CLO3, CLO4	20%	
2	<b>Cuối kỳ</b>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4		60%

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Ngô Thị Thanh Thúy

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

- Email: [ngothithanhthuy@qnu.edu.vn](mailto:ngothithanhthuy@qnu.edu.vn)

Điện thoại liên hệ: 0985.677.540

### 9.2. Giảng viên 2



- Họ và tên: Sử Thị Thu Hằng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: suthithuhang@qnu.edu.vn                      Điện thoại liên hệ: 0978.996.033

**9.3. Giảng viên 3**

- Họ và tên: Lê Mỹ Kim
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: Lemykim@qnu.edu.vn                      Điện thoại liên hệ: 0355.082.864

**10. Các quy định chung**

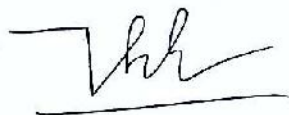
Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TRƯỞNG KHOA**





TS. Ngô Thị Thanh Thúy

TS. Hoàng Thị Hoài Hương

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

**Ơ. HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Đinh Anh Tuấn**





48. [1140135] Kinh tế công cộng 1: 3 tín chỉ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN  
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

**HỌC PHẦN: KINH TẾ CÔNG CỘNG 1**

**Mã học phần: 1140135**

**Tên tiếng Anh: PUBLIC ECONOMICS 1**

### 1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Kinh tế công cộng 1
- Mã học phần: 1140135 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế vi mô 2, Kinh tế vĩ mô 2
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 09 tiết
  - + Thảo luận: 0 tiết
  - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 90 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán.

### 2. Mô tả học phần

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính hiệu quả của việc điều hành trực tiếp của nhà nước; cũng như các cơ chế, chính sách đặc biệt mà nhà nước có thể can thiệp ứng với từng dạng thất bại của thị trường cụ thể nhằm đảm bảo hiệu quả xã hội trong việc sản xuất các hàng hóa, dịch vụ thuộc khu vực công cộng.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần sẽ giúp phát triển khả năng đánh giá các chính sách can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế theo tiêu chuẩn hiệu quả kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội.

### 3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
  - + CO1: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về cơ sở kinh tế và các hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế; các trường hợp thị trường tư nhân không thể đảm đương và cần sự can thiệp của chính phủ.
  - + CO2: Học phần cung cấp công cụ cho sinh viên có thể giải thích và đánh giá được sự can thiệp của chính phủ ứng với từng dạng thất bại của thị trường cụ thể.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể hiểu, phân tích và đánh giá được các đặc điểm của lĩnh vực công cộng; các lĩnh vực, mức độ và các biện pháp can thiệp của chính phủ nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho nền kinh tế.

+ CO4: Học phần giúp sinh viên nắm được các nguyên tắc đánh thuế và tác động của công cụ này khi được chính phủ sử dụng cho từng loại thị trường.

- Mức tự chủ và trách nhiệm.

+ CO5: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp và làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định.

+ CO6: Sinh viên có khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm hỗ trợ cho nghề nghiệp của cá nhân.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Diễn giải được thế nào là khu vực công cộng, khu vực tư, tính hiệu quả của thị trường và thất bại của thị trường cần sự can thiệp của chính phủ.	PLO3	M
CO2	CLO2	Vận dụng kiến thức môn học để thể diễn giải và đánh giá sự can thiệp của chính phủ ứng với từng dạng thất bại của thị trường cụ thể	PLO3	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Sử dụng các nội dung đã học phân tích và đánh giá các chính sách có liên quan đến vấn đề độc quyền, ngoại tác, hàng hóa công và thông tin bất cân xứng.	PLO11	M
CO4	CLO4	Chứng minh được các công cụ thuế mà chính phủ sử dụng là cần thiết cho các hoạt động của nền kinh tế.	PLO4	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				



CO5	CLO5	Cho thấy sự tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp và làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định	PLO14	M
CO6	CLO6	Thể hiện khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm hỗ trợ cho nghề nghiệp của cá nhân.	PLO13	M

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Lê Hữu Khi, <i>Kinh tế công cộng</i> , NXB Thống kê, (1997).
Tài liệu tham khảo thêm:	[1] Nguyễn Thuần, Trần Thu Vân, <i>Giáo trình Kinh tế công cộng</i> , NXB Thống kê, (2007). [2] Joseph E. Stiglitz, <i>Kinh Tế học công cộng</i> , Bản dịch tiếng việt của NXB Thống kê, (1995). [3] Steinermann Apgar Brown, <i>Kinh tế học vi mô – Dành cho quyết định công</i> , Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright (2008).
Các loại học liệu khác:	[1] <a href="http://www.Chinhphu.vn">www.Chinhphu.vn</a> [2] <a href="http://www.mpi.gov.vn">www.mpi.gov.vn</a>

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học.	CLO1, CLO2, CLO6
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất giải pháp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	<b>Chương 1: Tổng quan về kinh tế công cộng</b> 1.1 Giới thiệu khu vực công cộng. 1.2 Nội dung, phương pháp nghiên cứu KTCC:	CLO1



	1.3 Hiệu quả của thị trường cạnh tranh.	
[2] [3 tiết]	<b>Chương 1: Tổng quan về kinh tế công cộng</b> (tiếp theo) 1.3 Hiệu quả của thị trường cạnh tranh (tiếp theo)..	CLO1
[3] [3 tiết]	<b>Chương 1: Tổng quan về kinh tế công cộng</b> (tiếp theo) 1.4 Sự thất bại của thị trường: cơ sở cho sự can thiệp của chính phủ và vai trò của khu vực công.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6.
[4] [3 tiết]	<b>Chương 1: Tổng quan về kinh tế công cộng</b> (tiếp theo) 1.4 Sự thất bại của thị trường: cơ sở cho sự can thiệp của chính phủ và vai trò của khu vực công. Bài tập vận dụng-	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6.
[5] [3 tiết]	<b>Chương 2: Hàng hóa công</b> 2.1 Hàng hoá công – hàng hoá cá nhân được cung cấp công cộng.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6.
[6] [3 tiết]	<b>Chương 2: Hàng hóa công (tiếp theo)</b> 2.2 Nhu cầu tiêu dùng về hàng hóa công .	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6.
[7] [3 tiết]	<b>Chương 2: Hàng hóa công (tiếp theo)</b> 2.3 Hàng hóa công và phân phối thu nhập.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6.
[8] [3 tiết]	<b>Chương 2: Hàng hóa công (tiếp theo)</b> 2.4 Thuế và cung hàng hóa công có hiệu quả. Bài tập vận dụng.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6.
[9] [3 tiết]	<b>Chương 3: Tác động ngoại vi</b> 3.1 Yếu tố ngoại vi – Sự tác động yếu tố ngoại vi. Bài tập vận dụng.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6.
[10] [3 tiết]	<b>Chương 3: Tác động ngoại vi (tiếp theo)</b> 3.2 Các giải pháp tư nhân đối với các yếu tố ngoại vi .	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6.
[11] [3 tiết]	<b>Chương 3: Tác động ngoại vi (tiếp theo)</b> 3.2 Các giải pháp tư nhân đối với các yếu tố ngoại vi (tiếp theo). Bài kiểm tra giữa kì.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6.
[12] [3 tiết]	<b>Chương 4: Thông tin bất đối xứng</b> 4.1 Thị trường bảo hiểm. Bài tập vận dụng. 4.2 Thị trường vốn. Bài tập vận dụng.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6.
[13] [3 tiết]	<b>Chương 4: Thông tin bất đối xứng (tiếp theo)</b> 4.3 Thị trường kiến thức, công nghệ và thông tin. 4.4 Các thị trường bổ sung.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6.



[14] [3 tiết]	Chương 5: Sự tác động của thuế trong thị trường 5.1. Khái niệm về thuế và sự phân loại.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.
[15] [3 tiết]	Chương 5: Sự tác động của thuế trong thị trường (tiếp theo) 5.2 Sự tác động của thuế trong các dạng thị trường. Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

## 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<b>Quá trình</b>				30%
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.  Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	Trong từng buổi học.  Đầu hoặc cuối buổi học.	CLO5  CLO5	10%
	Bài kiểm tra giữa kỳ	* Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	(tuần thứ 9)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6.	20%
2	<b>Cuối kỳ</b>	Thi kết thúc học phần: - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO2, CLO3, CLO4.	70%

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1 Giảng viên 1:

- Họ và tên: Đào Vũ Phương Linh

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ.

- Email: daovuphuonglinh@qnu.edu.vn

- Điện thoại liên hệ: 0977934093

## 9.2 Giảng viên 2:

- Họ và tên: Trần Lê Diệu Linh

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ.

- Email: tranledieulinh@qnu.edu.vn

- Điện thoại liên hệ: 0988757516

## 10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 03 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

ThS. Trần Lê Diệu Linh

TS. Hoàng Thị Hoài Hương

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

Ư. HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: KINH TẾ VI MÔ 2**  
**Mã học phần: 1140043**  
**Tên tiếng Anh: MICROECONOMICS 2**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Kinh tế vi mô 2
- Mã học phần: 1140043      Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế vi mô 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có)
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 09 tiết
  - + Thảo luận: 0 tiết
  - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 90 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

**2. Mô tả học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về kinh tế vi mô. Học phần giúp sinh viên hiểu các mô hình kinh tế, phân tích sâu lý thuyết hành vi người tiêu dùng và lý thuyết hãng, nghiên cứu về các mô hình thị trường và áp dụng các lý thuyết để phân tích vai trò của Chính phủ trong giải quyết các thất bại của thị trường.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở nắm vững kiến thức kinh tế vi mô 1, học phần kinh tế vi mô 2 giúp sinh viên áp dụng lý thuyết kinh tế vi mô để phân tích hành vi các chủ thể trong nền kinh tế cũng như đặc điểm riêng biệt của các thị trường.

**3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)**

- Kiến thức
- + CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về kinh tế vi mô nối tiếp các kiến thức cơ bản của học phần Kinh tế vi mô 1 như các mô hình kinh tế, lý thuyết cầu, lý thuyết hãng và lựa chọn trong điều kiện rủi ro.
- + CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các loại thị trường và hành vi của các hãng

trong mỗi thị trường; vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể áp dụng các kiến thức về kinh tế vi mô để làm cơ sở đưa ra các quyết định kinh tế khi làm việc tại các doanh nghiệp.

+ CO4: Sinh viên có khả năng giải thích các chính sách của chính phủ có liên quan đến các vấn đề thuộc kinh tế vi mô.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định.

+ CO6: Sinh viên có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có khả năng tự học và giải quyết các vấn đề trong quá trình học tập.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Tổng hợp được các mô hình kinh tế và các phương pháp biểu diễn các mối quan hệ kinh tế	PLO3	M
CO1	CLO2	Phân tích các lý thuyết như lý thuyết cầu, lý thuyết hành vi người tiêu dùng, lý thuyết hãng, lựa chọn của các chủ thể kinh tế trong điều kiện rủi ro	PLO3	M
CO2	CLO3	Phân tích hành vi của các hãng trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh không hoàn hảo và phân tích thị trường yếu tố sản xuất	PLO3	M
CO2	CLO4	Xác định những thất bại của thị trường và áp dụng để giải thích vai trò của chính phủ trong việc giải quyết các thất bại của thị trường.	PLO3	M
Kỹ năng				
CO3	CLO5	Sử dụng các kiến thức kinh tế vi mô để phân tích hành vi của các hãng trong từng loại cấu trúc thị trường	PLO4	M
CO4	CLO6	Chỉ rõ các chính sách của chính	PLO4	M



		phủ có liên quan đến các vấn đề kinh tế vi mô		
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO7	Thể hiện ý thức đạo đức, tự giác cao trong học tập	PLO14	M
CO6	CLO8	Tham gia làm việc nhóm để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	M

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Phạm Văn Minh, Giáo trình kinh tế vi mô 2, NXB Lao động – Xã hội, 2014.
Tài liệu tham khảo thêm:	Lê Kim Chung, Giáo trình kinh tế vi mô, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2015 Vũ Kim Dũng & Nguyễn Văn Công, Giáo trình kinh tế học, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, năm 2014
Các loại học liệu khác:	

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Đàm thoại, vấn đáp	Thông qua việc giải đáp giữa giảng viên và sinh viên để giải quyết các nội dung, kiến thức, bài toán trong môn học.	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài tập	Giúp sinh viên nắm vững kiến thức đã học và phát triển khả năng tự học	CLO2, CLO3, CLO7, CLO8,
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra	CLO5, CLO6
Tự học	Giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.	CLO7, CLO8

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	<b>Chương 1: Các mô hình kinh tế và phương pháp tối ưu hóa</b> 1.1. Các mô hình kinh tế 1.2. Các phương pháp biểu diễn các mối quan hệ kinh tế	CLO1
[2] [3 tiết]	<b>Chương 2: Lý thuyết Cầu</b> 2.1. Cầu và co giãn 2.1.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu 2.1.2. Độ co giãn của cầu Bài tập vận dụng	CLO2
[3] [3 tiết]	<b>Chương 2: Lý thuyết Cầu (tiếp theo)</b> 2.1. Cầu và co giãn 2.1.3. Ý nghĩa của các hệ số co giãn Bài tập vận dụng	CLO2, CLO7, CLO8
[4] [3 tiết]	<b>Chương 2: Lý thuyết Cầu (tiếp theo)</b> 2.2. Lý thuyết hành vi người tiêu dùng Bài tập vận dụng	CLO2, CLO7, CLO8
[5] [3 tiết]	<b>Chương 3: Lựa chọn trong điều kiện rủi ro</b> 3.1. Xác suất, giá trị kỳ vọng, độ biến thiên 3.2. Ra quyết định Bài tập vận dụng	CLO2, CLO7, CLO8
[6] [3 tiết]	<b>Chương 3: Lựa chọn trong điều kiện rủi ro (tiếp theo)</b> 3.3. Cầu về tài sản có rủi ro Bài tập vận dụng	CLO2, CLO7, CLO8
[7] [3 tiết]	<b>Chương 4: Lý thuyết hăng</b> 4.1. Mô hình cổ điển về hăng 4.2. Phân tích sản xuất trong dài hạn	CLO2, CLO5, CLO7, CLO8
[8] [3 tiết]	<b>Chương 4: Lý thuyết hăng (tiếp theo)</b> 4.3. Lý thuyết chi phí 4.4. Ước lượng chi phí và tính kinh tế của quy mô	CLO2, CLO5, CLO7, CLO8
[9] [3 tiết]	<b>Chương 5: Cạnh tranh và độc quyền</b> 5.1. Cạnh tranh hoàn hảo Bài tập vận dụng	CLO3, CLO5, CLO7, CLO8
[10] [3 tiết]	<b>Chương 5: Cạnh tranh và độc quyền (tiếp theo)</b> 5.2. Độc quyền Bài tập vận dụng	CLO3, CLO5, CLO7, CLO8



	Kiểm tra giữa kỳ	
[11] [3 tiết]	<b>Chương 6: Cạnh tranh không hoàn hảo</b> 6.1. Cạnh tranh độc quyền Bài tập vận dụng	CLO3, CLO5, CLO7, CLO8
[12] [3 tiết]	<b>Chương 6: Cạnh tranh không hoàn hảo (tiếp theo)</b> 6.2. Độc quyền tập đoàn 6.2.1. Đặc trưng cơ bản của độc quyền tập đoàn 6.2.2. Độc quyền tập đoàn không cấu kết	CLO3, CLO5, CLO7, CLO8
[13] [3 tiết]	<b>Chương 6: Cạnh tranh không hoàn hảo (tiếp theo)</b> 6.2. Độc quyền tập đoàn 6.2.3. Độc quyền tập đoàn cấu kết Bài tập nhóm	CLO3, CLO5, CLO7, CLO8
[14] [3 tiết]	<b>Chương 7: Thị trường yếu tố sản xuất</b> 7.1. Thị trường lao động 7.2. Thị trường vốn	CLO3, CLO6, CLO7, CLO8
[15] [3 tiết]	<b>Chương 8: Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường</b> 8.1. Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường 8.2. Nguyên nhân dẫn đến sự can thiệp của chính phủ 8.3. Can thiệp của chính phủ	CLO4, CLO6, CLO7, CLO8

### 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số	
					Thành phần	Tổng
1	<i>Quá trình</i>	Thời gian tham dự buổi học, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO7	5%	30%
		Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO7 CLO8	5%	
		Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án	Giữa học kỳ (tuần thứ 10 - 12)	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6	20%	

		hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.				
2	<i>Cuối kỳ</i>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6		70%

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: [nguenthithuygiang@qnu.edu.vn](mailto:nguenthithuygiang@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0967 169 689

### 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Hoàng Thị Hoài Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: [hoangthihoaihuong@qnu.edu.vn](mailto:hoangthihoaihuong@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0973 677 386

## 10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022.

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA





ThS. Nguyễn Thị Thùy Giang

TS. Hoàng Thị Hoài Hương

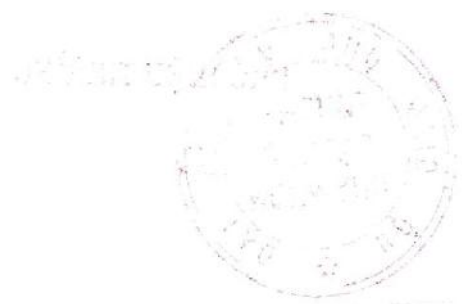
PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh



α. HIỆU TRƯỞNG



**TS. Đinh Anh Tuấn**







- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến các mô hình kinh tế trong dài hạn như: sản xuất, phân phối và phân bổ thu nhập quốc dân; tiết kiệm, đầu tư trong nền kinh tế mở.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên lý thuyết chu kỳ kinh doanh về nền kinh tế trong ngắn hạn liên quan đến mô hình tổng cầu và tổng cung, mô hình cân bằng tổng hợp như mô hình IS-LM, mô hình Mundell –Fleming.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể nhận dạng, xác định những mô hình lý thuyết kinh tế vĩ mô để đánh giá các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ trong thực tế điều hành nền kinh tế vĩ mô.

+ CO4: Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích các mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cả trong ngắn hạn và dài hạn.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Trên cơ sở các kiến thức, kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học, tự nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

+ CO6: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Giải thích được nội dung mô hình kinh tế trong dài hạn như: sản xuất, phân phối và phân bổ thu nhập quốc dân.	PLO2	M
CO2	CLO2	Giải thích được lý thuyết chu kỳ kinh doanh về nền kinh tế trong ngắn hạn liên quan đến mô hình tổng cầu và tổng cung, mô hình cân bằng tổng hợp như mô hình IS-LM, mô hình Mundell – Fleming.	PLO2	M



Kỹ năng				
CO3	CLO3	Xác định, nhận dạng mô hình lý thuyết kinh tế vĩ mô để đánh giá các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ trong thực tế điều hành nền kinh tế vĩ mô.	PLO4	M
CO4	CLO4	Phân tích được các mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cả trong ngắn hạn và dài hạn.	PLO9	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Chứng tỏ khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	M
CO6	CLO6	Cho thấy sự tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định	PLO14	M

#### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Nguyễn Văn Công, Bài giảng và thực hành Kinh tế vĩ mô 2, Nhà xuất bản Lao động (2006).
Tài liệu tham khảo thêm:	Bùi Quang Bình, <i>Kinh tế vĩ mô nâng cao</i> , Nhà xuất bản Giáo dục (2010).
Các loại học liệu khác:	<a href="http://www.ciem.org.vn">www.ciem.org.vn</a>

#### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HIP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học.	CLO1, CLO2, CLO4
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã	CLO1, CLO2, CLO3,

	học vào giải quyết các vấn đề kinh tế vĩ mô.	CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích và giải quyết vấn đề kinh tế vĩ mô trong thực tiễn.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	<b>Chương 1: Sản xuất, phân phối và phân bổ thu nhập quốc dân</b> 1.1. Các nhân tố sản xuất 1.2. Phân phối thu nhập quốc dân	CLO1
[2] [3 tiết]	<b>Chương 1: Sản xuất, phân phối và phân bổ thu nhập quốc dân (tiếp theo)</b> 1.3. Cân bằng thị trường hàng hóa 1.4. Cân bằng thị trường tài chính Bài tập về nhà	CLO1, CLO5, CLO6
[3] [3 tiết]	<b>Chương 1: Sản xuất, phân phối và phân bổ thu nhập quốc dân (tiếp theo)</b> Giải bài tập tại lớp	CLO6
[4] [3 tiết]	<b>Chương 2: Nền kinh tế mở trong dài hạn</b> 2.1. Các luồng chu chuyển hàng hóa và vốn quốc tế 2.2. Tiết kiệm, đầu tư trong nền kinh tế mở, mở của	CLO1
[5] [3 tiết]	<b>Chương 2: Nền kinh tế mở trong dài hạn (tiếp theo)</b> 2.3. Tác động của các chính sách đến cán cân thương mại Bài tập vận dụng	CLO1, CLO3, CLO6
[6] [3 tiết]	<b>Chương 2: Nền kinh tế mở trong dài hạn (tiếp theo)</b> 2.4. Tỷ giá hối đoái và tác động của các chính sách đến tỷ giá hối đoái Bài tập vận dụng	CLO1, CL06
[7] [3 tiết]	<b>Chương 3: Mô hình tổng cầu và tổng cung</b> 3.1. Sự khác nhau giữa ngắn hạn và dài hạn trong kinh tế vĩ mô	CLO2



	3.2. Mô hình AD-AS	
[8] [3 tiết]	<b>Chương 3: Mô hình tổng cầu và tổng cung (tiếp theo)</b> 3.3. Nguyên nhân gây ra biến động kinh tế 3.4. Cú sốc cung 3.5. Cú sốc cầu Bài tập về nhà	CLO2, CLO4, CLO6
[9] [3 tiết]	<b>Chương 3: Mô hình tổng cầu và tổng cung (tiếp theo)</b> Giải bài tập tại lớp	CLO3, CLO6
[10] [3 tiết]	<b>Chương 4: Mô hình IS-LM trong nền kinh tế đóng</b> 4.1. Thị trường hàng hóa và đường IS Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2
[11] [3 tiết]	<b>Chương 4: Mô hình IS-LM trong nền kinh tế đóng (tiếp theo)</b> 4.2. Thị trường tiền tệ và đường LM 4.3. Cân bằng đồng thời trên thị trường hàng hóa và tiền tệ	CLO2, CLO5
[12] [3 tiết]	<b>Chương 4: Mô hình IS-LM trong nền kinh tế đóng (tiếp theo)</b> 4.4. Giải thích biến động kinh tế bằng mô hình IS-LM Bài tập vận dụng	CLO2, CLO4, CLO6
[13] [3 tiết]	<b>Chương 5: Mô hình IS-LM trong nền kinh tế mở</b> 5.1. Mô hình Mundell-Fleming 5.2. Tác động của các chính sách vĩ mô trong nền kinh tế nhỏ, mở cửa với tỷ giá hối đoái thả nổi	CLO2, CLO4
[14] [3 tiết]	<b>Chương 5: Mô hình IS-LM trong nền kinh tế mở (tiếp theo)</b> 5.3. Tác động của các chính sách vĩ mô trong nền kinh tế nhỏ, mở cửa với tỷ giá hối đoái cố định Ví dụ minh họa Bài tập về nhà	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[15] [3 tiết]	<b>Chương 5: Mô hình IS-LM trong nền kinh tế mở (tiếp theo)</b> Giải bài tập tại lớp	CLO4, CLO6

### 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số	
					Thành phần	Tổng
1	<b>Quá trình</b>					40%
	<i>Chuyên cần</i>	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO6	5%	10%
		Dựa vào thời gian tham dự buổi học và tùy số tiết vắng, giảng viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO6	5%	
	<i>Bài tập</i>					30%
	Bài tập ở nhà	- Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia trình bày tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	10%	
	Kiểm tra giữa kỳ	- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần thứ 9 – 11)	CLO1, CLO3	20%	
2	<b>Cuối kỳ</b>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ	CLO1 CLO2, CLO3, CLO4		60%

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Ngô Thị Thanh Thúy

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

- Email: [ngothi Thanhthuy@qnu.edu.vn](mailto:ngothi Thanhthuy@qnu.edu.vn)

Điện thoại liên hệ: 0985.677.540

### 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Sử Thị Thu Hằng

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

- Email: [suthithuhang@qnu.edu.vn](mailto:suthithuhang@qnu.edu.vn)

Điện thoại liên hệ: 0978.996.033



## 10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng ... năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

TS. Ngô Thị Thanh Thúy

TS. Hoàng Thị Hoài Hương

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh



TS. Đinh Anh Tuấn





51. [1140138] Chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội: 3TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN  
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

## HỌC PHẦN: CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI

Mã học phần: 1140138

Tên tiếng Anh: DEVELOPMENT PROGRAMS AND PROJECTS

#### 1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội
- Mã học phần: 1140138 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 40 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Thực hành, thực tập: ....tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: .... tiết
  - + Tự học: 90 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

#### 2. Mô tả học phần

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về các nội dung liên quan đến hệ thống kế hoạch hóa quốc dân, các chương trình dự án phát triển kinh tế xã hội và các nguồn tài trợ cho dự án kinh tế xã hội. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp công cụ khung Logic để xây dựng chương trình dự án. Học phần này là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành, là môn học chuyên sâu của chuyên ngành.

#### 3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
  - + CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống kế hoạch hóa quốc dân, về chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội
  - + CO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về khung Logic để xây dựng chương trình dự án
  - + CO3: Trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến các nguồn tài trợ cho chương trình dự án

- Kỹ năng

CO4: Học phần trang bị cho sinh viên khả năng áp dụng các kiến thức để xây dựng một chương trình dự án phát triển kinh tế-xã hội

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định;

+ CO6: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Diễn giải được các vấn đề hệ thống kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, các chương trình dự án phát triển kinh tế-xã hội	PLO3	M
CO2	CLO2	Áp dụng được các nội dung của khung logic để xây dựng được chương trình dự án	PLO3	H
CO3	CLO3	Đánh giá được các nguồn tài trợ cho chương trình dự án	PLO3	H
Kỹ năng				
CO4	CLO4	Xây dựng được chương trình dự án phát triển kinh tế-xã hội	PLO10	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Tuân thủ các quy định về đạo đức, thời gian học tập và làm bài tập	PLO14	M
CO6	CLO6	Thể hiện khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	M

#### 5. Tài liệu phục vụ môn học



Giáo trình chính:	Bài giảng chương trình dự án phát triển kinh tế xã hội, ThS Sư Thị Thu Hằng, Đại học Quy Nhơn, (2015) Khoa kinh tế phát triển đại học Kinh Tế Quốc Dân, <i>Giáo trình chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội</i> , Nhà xuất bản thống kê, (1999)
Tài liệu tham khảo thêm:	Nguyễn Bạch Nguyệt, Giáo trình lập dự án đầu tư, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội, (2013)
Các loại học liệu khác:	<a href="http://www.chinhphu.vn">www.chinhphu.vn</a> ;

#### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Làm việc nhóm	Các nhóm cùng nhau thảo luận và xây dựng một chương trình hoặc một dự án phát triển kinh tế xã hội	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

#### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
[1] [3 tiết]	<b>Chương 1: Tổng quan về chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội</b> 1.1. Kế hoạch hóa phát triển kinh tế xã hội trong nền kinh tế thị trường	CLO1
[2] [2 tiết]	<b>Chương 1: Tổng quan về chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội (tiếp theo)</b> 1.1. Kế hoạch hóa phát triển kinh tế xã hội trong nền kinh tế thị trường (tiếp theo)	CLO1
[3] [3 tiết]	<b>Chương 1: Tổng quan về chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội (tiếp theo)</b> 1.2. Vai trò, vị trí của chương trình dự án trong kế hoạch hóa nền kinh tế	CLO1
[4]	<b>Chương 2: Chương trình phát triển kinh tế xã</b>	CLO1, CLO4, CLO5.

[2 tiết]	hội 2.1. Khái niệm và phân loại chương trình phát triển kinh tế xã hội	CLO6
[5] [3 tiết]	<b>Chương 2: Chương trình phát triển kinh tế xã hội (tiếp theo)</b> 2.1. Khái niệm và phân loại chương trình phát triển kinh tế xã hội (tiếp) 2.2 Nội dung cơ bản chương trình phát triển kinh tế xã hội	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
[6] [2 tiết]	<b>Chương 3: Các chương trình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam</b> 3.1. Chương trình quốc gia về xóa đói giảm nghèo	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
[7] [3 tiết]	<b>Chương 3: Các chương trình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam (tiếp theo)</b> 3.2. Chương trình quốc gia về dân số và kế hoạch hóa gia đình 3.3. Chương trình quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
[8] [2 tiết]	<b>Chương 4: Dự án và chu kỳ dự án</b> 4.1. Khái niệm và đặc điểm dự án	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
[9] [3 tiết]	<b>Chương 4: Dự án và chu kỳ dự án (tiếp theo)</b> 4.2. Chu kỳ dự án 4.3 Xác định dự án	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
[10] [2 tiết]	<b>Chương 4: Dự án và chu kỳ dự án (tiếp theo)</b> 4.4 Nội dung cơ bản của một dự án	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
[11] [3 tiết]	<b>Chương 5: Xây dựng chương trình dự án bằng phương pháp khung logic</b> 5.1. Giới thiệu về phương pháp khung Logic	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[12] [2 tiết]	<b>Chương 5: Xây dựng chương trình dự án bằng phương pháp khung logic (tiếp theo)</b> 5.2. Các bước xây dựng khung Logic	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[13] [3 tiết]	<b>Chương 5: Xây dựng chương trình dự án bằng phương pháp khung logic (tiếp theo)</b> 5.2. Các bước xây dựng khung Logic (tiếp theo)	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[14] [2 tiết]	<b>Chương 6: Tài trợ cho chương trình dự án</b> 5.1. Các phương thức tài trợ chương trình và dự án	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[15] [3 tiết]	<b>Chương 6: Tài trợ cho chương trình dự án (tiếp theo)</b> 5.2. Các nguồn tài trợ cho chương trình và dự án	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[16]	<b>Chương 6: Tài trợ cho chương trình dự án (tiếp</b>	CLO1, CLO3, CLO4,



[2 tiết]	theo) 5.3. Các nguồn tài trợ nước ngoài chủ yếu của Việt Nam hiện nay	CLO5, CLO6
[17] [3 tiết]	Trình bày và thảo luận bài tập nhóm	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5, CLO6
[18] [2 tiết]	Trình bày và thảo luận bài tập nhóm	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5, CLO6
[19] [3 tiết]	Trình bày và thảo luận bài tập nhóm	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5, CLO6
[20] [2 tiết]	Trình bày và thảo luận bài tập nhóm	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5, CLO6

### 8. Đánh giá kết quả học tập

**\* Thang điểm đánh giá:**

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

**\* Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<b>Quá trình<sup>1</sup></b>				<b>30%</b>
	Chuyên cần	Thực hiện tốt nội quy lớp học: đi học đúng giờ, tập trung theo dõi bài giảng, tích cực đóng góp xây dựng bài và các hoạt động khác	Trong từng buổi học	CLO5, CLO6	10%
	Bài báo cáo nhóm	* Mỗi nhóm sẽ thực hiện một báo cáo theo yêu cầu của giảng viên. - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: đúng nội dung, hình thức theo yêu cầu của giảng viên.	Giữa học kỳ (tuần thứ 9 - 10)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	20%
3	<b>Cuối kỳ</b>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	<b>70%</b>

### 9. Thông tin về giảng viên

<sup>1</sup> Lựa chọn một hoặc nhiều hình thức bên dưới (ngoại trừ một số học phần đặc thù: thực tập, đồ án,..)

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Sừ Thị Thu Hằng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: [suthithuhang@qnu.edu.vn](mailto:suthithuhang@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0773325725

### 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Bình
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: [lethithanhbinh@qnu.edu.vn](mailto:lethithanhbinh@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ:

### 10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 22 tháng 09 năm 2022.

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN      TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

TS. Sừ Thị Thu Hằng

TS. Hoàng Thị Hoài Hương

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

Ơ. HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn





+ CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các nội dung phân tích báo cáo ngân lưu như: cấu trúc báo cáo, phân tích báo cáo tài chính, phân tích báo cáo ngân lưu, chỉ tiêu lựa chọn của phân tích lợi ích và chi phí.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể xây dựng và phân tích được từng báo cáo ngân lưu riêng lẻ hoặc kết hợp phân tích các công cụ bảng thành phần với nhau.

+ CO4: Học phần trang bị cho sinh viên khả năng đề xuất lựa chọn những dự án phù hợp trên quan điểm phúc lợi xã hội.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định; có trách nhiệm với báo cáo phân tích của mình, thể hiện rõ đạo đức nghề nghiệp qua trình bày báo cáo phân tích.

+ CO6: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Xác định được đối tượng, nhiệm vụ, quan điểm và phương pháp phân tích lợi ích chi phí và nội dung các dự án, chương trình chính sách	PLO3	L
CO2	CLO2	Áp dụng các nguyên tắc của Phân tích lợi ích chi phí để phân tích các dự án, chương trình chính sách trên quan điểm xã hội.	PLO3	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Kết hợp được việc nhận dạng và đánh giá những lợi ích và chi phí của dự án, chính sách, chương trình.	PLO4	M
CO4	CLO4	Đạt được việc lựa chọn các dự án, chính sách và chương trình hiệu quả dựa trên quan điểm xã hội.	PLO10	M



Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Tuân thủ ý thức đạo đức nghề nghiệp, chuyên môn. Tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp, làm bài tập theo đúng số giờ quy định.	PLO14	H
CO6	CLO6	Thể hiện khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.	PLO13	M

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Đào Vũ Phương Linh, <i>Bài giảng Phân tích lợi ích chi phí</i> , tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Quy Nhơn (2016).
Tài liệu tham khảo thêm:	Bộ môn kinh tế Tài nguyên và Môi trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh, <i>Nhập môn Phân tích lợi ích chi phí</i> , NXB Đại học Quốc gia, (2003). Glenn P. Jenkins and Arnold C. Harberger, <i>Sách hướng dẫn phân tích lợi ích chi phí của các quyết định đầu tư</i> , Harvard Institute for International Development. (1995) Frances Perkins, <i>Practical Cost-Benefit Analysis: Basic Concepts and Applications</i> , NXB MacMillan, (1994). Pedro Belli, <i>Phân tích kinh tế các hoạt động đầu tư: Công cụ phân tích và ứng dụng thực tế</i> , Viện Ngân hàng Thế giới, NXB Văn hóa Thông tin, (2001).
Các loại học liệu khác:	<a href="http://goo.gl/WgURBb">http://goo.gl/WgURBb</a>

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức, quy tắc và phương pháp nền tảng của môn học.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và ứng dụng được kiến thức, quy tắc và phương pháp nền tảng của môn học.	CLO1, CLO2, CLO6
Bài tập	Giúp sinh viên thực hành vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất lựa chọn.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên cùng phân tích, cùng đề xuất lựa chọn phương án.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
-------------------	---	------------------------------------

### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	<b>Chương 1: Tổng quan về phân tích về lợi ích chi phí</b> 1.1 Giới thiệu tổng quan về phân tích lợi ích chi phí 1.2 Cơ sở của sự lựa chọn	CLO1
[2] [3 tiết]	<b>Chương 1: Tổng quan về phân tích về lợi ích chi phí (tiếp theo)</b> 1.3 Quy trình tổng quan trong phân tích lợi ích chi phí 1.4 Thông tin cho việc lựa chọn tốt hơn	CLO1, CLO2, CLO3
[3] [3 tiết]	<b>Chương 2: Mục tiêu kinh tế và các giai đoạn trong thẩm định và chấp thuận dự án</b> 2.1 Các giai đoạn trong thẩm định và chấp thuận dự án	CLO1
[4] [3 tiết]	<b>Chương 2: Mục tiêu kinh tế và các giai đoạn trong thẩm định và chấp thuận dự án (tiếp theo)</b> 2.2 Mục tiêu của phúc lợi kinh tế 2.3 Cơ sở đạo đức của phân tích lợi ích – chi phí 2.4 Khái niệm tối ưu Pareto 2.5 Cải thiện Pareto thực tế hay tiềm năng? 2.6 Từ cải thiện cá nhân đến cải thiện xã hội	CLO1, CLO2
[5] [3 tiết]	<b>Chương 3: Phân tích tài chính dự án</b> 3.1 Khi nào thực hiện phân tích tài chính dự án 3.2 Vì sao phải phân tích tài chính 3.3 Các lĩnh vực trong phân tích dự án	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5
[6] [3 tiết]	<b>Chương 3: Phân tích tài chính dự án (tiếp theo)</b> 3.4. Đánh giá các lợi ích của dự án 3.5 Đánh giá các chi phí của dự án Bài tập vận dụng đánh giá lợi ích, chi phí dự án (quan điểm tài chính) Bài tập về nhà nhận dạng, đánh giá lợi ích, chi phí dự án (quan điểm tài chính)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[7] [3 tiết]	<b>Chương 3: Phân tích tài chính dự án (tiếp theo)</b> 3.6 Xây dựng báo cáo ngân lưu Bài tập vận dụng xây dựng báo cáo ngân lưu của dự án (quan điểm tài chính)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6



	Bài tập về nhà nhận dạng, đánh giá lợi ích, chi phí dự án (quan điểm tài chính)	
[8] [3 tiết]	<b>Chương 4: Nhận dạng lợi ích và chi phí</b> 4.1 Nguyên tắc tổng quát 4.2 Các hướng dẫn cụ thể Mô phỏng tình huống	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[9] [3 tiết]	<b>Chương 4: Nhận dạng lợi ích và chi phí (tiếp theo)</b> 4.2 Các hướng dẫn cụ thể (tiếp theo) 4.3 Một cách phân loại hữu ích Bài tập vận dụng Bài kiểm tra giữa kỳ Bài tập về nhà nhận dạng, đánh giá lợi ích, chi phí dự án (quan điểm xã hội)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[10] [3 tiết]	<b>Chương 5: Đánh giá với giá thị trường</b> 5.1 Các trường hợp sử dụng với giá thị trường Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[11] [3 tiết]	<b>Chương 5: Đánh giá với giá thị trường (tiếp theo)</b> 5.2 Ý nghĩa của giá cả cạnh tranh 5.3 Đánh giá những thay đổi biên tế	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5
[12] [3 tiết]	<b>Chương 5: Đánh giá với giá thị trường (tiếp theo)</b> 5.3 Đánh giá những thay đổi không biên tế Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[13] [3 tiết]	<b>Chương 5: Đánh giá với giá cả thị trường (tiếp theo)</b> 5.4 Điều chỉnh đối với thuế, thuế quan và trợ giá Bài tập vận dụng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[14] [3 tiết]	<b>Chương 6: Đánh giá trong điều kiện không có giá cả thị trường</b> 6.1 Các lợi ích và chi phí không có giá cả	CLO1, CLO2
[15] [3 tiết]	<b>Chương 6: Đánh giá trong điều kiện không có giá cả thị trường (tiếp theo)</b> 6.2 Phương pháp chi phí du hành Mô phỏng tình huống	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6

## 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình học tập</i>	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	Trong từng buổi học	CLO5	30%
		Thời gian tham dự buổi học; vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO5	
		Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. Tiêu chí đánh giá: Đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO1, CLO3, CLO6	
		* Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần thứ 10 – 12)	CLO1, CLO2, CLO3	
2	<b>Thi kết thúc học phần</b>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO2, CLO3, CLO4	70%

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đào Vũ Phương Linh

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

- Email: [daovuphuonglinh@qnu.edu.vn](mailto:daovuphuonglinh@qnu.edu.vn)

Điện thoại liên hệ: 0977.934.093

### 9.2. Giảng viên 2



- Họ và tên: Trần Lê Diệu Linh

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: [tranledieulinh@qnu.edu.vn](mailto:tranledieulinh@qnu.edu.vn)

Điện thoại liên hệ: 0988.757.516

#### 10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

TS. Đào Vũ Phương Linh TS. Hoàng Thị Hoài Hương PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

Ư. HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn





53. [1140031] Kinh tế đầu tư 2: 3TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN  
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: KINH TẾ ĐẦU TƯ 2**  
**Mã học phần: 1140031**  
**Tên tiếng Anh: INVESTMENT ECONOMICS 2**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Kinh tế đầu tư 2
- Mã học phần: 1140031
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế đầu tư 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 31 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 04 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Thực hành, thực tập: 10 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 90 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

Số tín chỉ: 3

**2. Mô tả học phần**

Học phần trang bị một cách có hệ thống và toàn diện các kiến thức về công tác quản lý và kế hoạch hóa đầu tư, phân cấp quản lý nhà nước và thẩm quyền chấp thuận đầu tư. Học phần cũng cung cấp các kiến thức để phân biệt, đánh giá kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư.

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về các hoạt động đầu tư đặc biệt là đầu tư phát triển.

**3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)**

- Kiến thức
  - + CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức về quản lý hoạt động đầu tư của nhà nước; các nguyên tắc, quy trình và nội dung quản lý hoạt động đầu tư
  - + CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về cách tính toán và đánh giá được kết quả và hiệu quả trong hoạt động đầu tư.
- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để đánh giá kết quả và hiệu quả đầu tư; phân tích hiệu quả quản lý hoạt động đầu tư của nhà nước, bộ ngành và địa phương.

+ CO4: Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng làm việc nhóm để cùng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

+ CO6: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định; có trách nhiệm với việc đánh giá kết quả, hiệu quả cho hoạt động đầu tư, thể hiện rõ đạo đức nghề nghiệp qua các hoạt động trong lĩnh vực kinh tế đầu tư.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần(ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần(COs)	Chuẩn đầu ra học phần(CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT(PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>Kiến thức</b>				
CO1	CLO1	Phân tích được khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung quản lý hoạt động đầu tư	PLO3	H
CO2	CLO2	Xác định được khái niệm, chỉ tiêu, phương pháp tính kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư	PLO3	H
<b>Kỹ năng</b>				
CO3	CLO3	Đủ khả năng để tính toán kết quả và hiệu quả đầu tư	PLO8	M
	CLO4	Thực hiện quản lý hoạt động đầu tư và phân tích đánh giá kết quả, hiệu quả đầu tư	PLO5, PLO10	M H
CO4	CLO5	Tham gia các hoạt động nhóm nhằm nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư.	PLO6	M
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>				
CO5	CLO6	Thể hiện khả năng học tập, nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân	PLO13	M
CO6	CLO7	Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp	PLO14	M

#### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Từ Quang Phương, Phạm Văn Hùng, "Giáo trình Kinh tế đầu tư", NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2013
-------------------	---



	[2] Đào Quyết Thắng, Trần Thị Thanh Nhân “ Bài giảng Kinh tế đầu tư 2”, tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Quy Nhơn, (2018).
Tài liệu tham khảo thêm:	[1] Luật đầu tư, NXB Chính trị quốc gia, 2014 [2] Nguyễn Văn Chơn, Kinh tế đầu tư tập I, tập II, NXB Thống kê, 2001. [3] Phạm Văn Hùng, Giáo trình Thị trường vốn, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2008
Các loại học liệu khác:	

#### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học.	CLO1, CLO2, CLO6
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6, CLO7
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất giải pháp.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6, CLO7
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

#### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	<b>Phần 1: Quản lý nhà nước về đầu tư</b> <b>1.1 Khái niệm, mục tiêu và nguyên tắc quản lý đầu tư</b> 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Mục tiêu 1.1.3. Nguyên tắc quản lý đầu tư (thống nhất giữa kinh tế chính trị, kết hợp hài hòa giữa kinh tế và xã hội) 1.1.3. Nguyên tắc quản lý đầu tư (4 nguyên tắc còn lại)	CLO1, CLO4
[2] [3 tiết]	<b>Phần 1: Quản lý nhà nước về đầu tư (tt)</b> <b>1.2 Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý đầu tư</b> <b>1.3 Chức năng, Phương pháp và công cụ quản lý hoạt động đầu tư</b> 1.3.1. Chức năng quản lý hoạt động đầu tư	CLO1, CLO4

	<p>1.3.2. Phương pháp quản lý hoạt động đầu tư</p> <p>1.3.3. Công cụ quản lý hoạt động đầu tư</p>	
[3] [3 tiết]	<p><b>Phần 1: Quản lý nhà nước về đầu tư (tt)</b></p> <p><b>1.4 Nội dung quản lý nhà nước hoạt động đầu tư</b></p> <p>1.4.1. Nội dung quản lý hoạt động đầu tư của nhà nước</p> <p>1.4.2. Nội dung quản lý hoạt động đầu tư với các bộ, ngành và địa phương</p> <p>1.4.3. Nội dung quản lý hoạt động đầu tư ở cấp cơ sở.</p> <p><b>1.5 Kế hoạch hóa hoạt động đầu tư phát triển</b></p> <p>1.5.1. Bản chất, tác dụng của công tác kế hoạch hoá đầu tư</p>	CLO1, CLO4, CLO6, CLO7
[4] [3 tiết]	<p><b>Phần 1: Quản lý nhà nước về đầu tư (tt)</b></p> <p><b>1.5 Kế hoạch hóa hoạt động đầu tư phát triển(tt)</b></p> <p>1.5.2. Nguyên tắc lập kế hoạch Đầu tư</p> <p><b>1.6 Chuyển dịch cơ cấu đầu tư</b></p>	CLO1, CLO4, CLO6
[5] [3 tiết]	<p><b>Phần 2: Kết quả và hiệu quả của đầu tư</b></p> <p><b>2.1 Kết quả của hoạt động đầu tư phát triển</b></p> <p>2.1.1. Khối lượng vốn đầu tư thực hiện</p> <p>2.1.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.1.2. Phương pháp tính khối lượng vốn đầu tư thực hiện</p>	CLO2, CLO3, CLO6, CLO7
[6] [3 tiết]	<p><b>Phần 2: Kết quả và hiệu quả của đầu tư (tt)</b></p> <p><b>2.1 Kết quả của hoạt động đầu tư phát triển (tt)</b></p> <p>2.1.2. Tài sản cố định huy động và năng lực sản xuất phục vụ tăng thêm</p> <p>2.1.2.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2.2. Phương pháp xác định</p>	CLO2, CLO3, CLO6, CLO7
[7] [3 tiết]	<p><b>Phần 2: Kết quả và hiệu quả của đầu tư (tt)</b></p> <p><b>2.1 Kết quả của hoạt động đầu tư phát triển (tt)</b></p> <p>- Bài tập vận dụng</p> <p><b>2.2 Hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển</b></p> <p>2.2.1. Khái niệm, phân loại và nguyên tắc xác định hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển</p> <p>2.2.1.1. Khái niệm</p>	CLO2, CLO3, CLO6, CLO7
[8] [3 tiết]	<p><b>Phần 2: Kết quả và hiệu quả của đầu tư (tt)</b></p> <p><b>2.2 Hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển</b></p> <p>2.2.1. Khái niệm, phân loại và nguyên tắc xác định hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển (tt)</p> <p>2.2.1.2. Phân loại</p> <p>2.2.1.3. Nguyên tắc đánh giá hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển</p> <p>2.2.2. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư</p> <p>2.2.2.1. Hiệu quả tài chính của dự án đầu tư</p>	CLO2, CLO3, CLO6, CLO7



[9] [3 tiết]	<b>Phần 2: Kết quả và hiệu quả của đầu tư (tt)</b> <b>2.2 Hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển (tt)</b> 2.2.2. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư (tt) 2.2.2.1. Hiệu quả tài chính của dự án đầu tư 2.2.2.2. Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế xã hội của dự án đầu tư 2.2.3. Hiệu quả đầu tư trong doanh nghiệp 2.2.3.1. Hiệu quả đầu tư trong các doanh nghiệp kinh doanh	CLO2, CLO3, CLO6, CLO7
[10] [3 tiết]	<b>Phần 2: Kết quả và hiệu quả của đầu tư (tt)</b> <b>2.2 Hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển (tt)</b> 2.2.3. Hiệu quả đầu tư trong doanh nghiệp (tt) 2.2.3.1. Hiệu quả đầu tư trong các doanh nghiệp kinh doanh 2.2.3.2. Hiệu quả đầu tư đối với các doanh nghiệp hoạt động công ích - Bài tập vận dụng <b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	CLO2, CLO3, CLO6, CLO7
[11] [3 tiết]	<b>Phần 2: Kết quả và hiệu quả của đầu tư (tt)</b> <b>2.2 Hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển (tt)</b> 2.2.4. Hiệu quả đầu tư của ngành, địa phương, vùng và toàn bộ nền kinh tế 2.2.4.1. Hiệu quả kinh tế 2.2.4.2. Hiệu quả về mặt xã hội của hoạt động đầu tư phát triển	CLO2, CLO3, CLO6, CLO7
[12] [3 tiết]	<b>Phần 2: Kết quả và hiệu quả của đầu tư (tt)</b> <b>2.2 Hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển (tt)</b> Bài tập vận dụng <b>Thảo luận: Bài tập nhóm</b>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[13] [3 tiết]	<b>Thảo luận: Bài tập nhóm</b>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[14] [3 tiết]	<b>Thảo luận: Bài tập nhóm</b>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[15] [3 tiết]	<b>Thảo luận: Bài tập nhóm</b> <b>Ôn tập</b>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[16] [3 tiết]	<b>Thực hành: Giới thiệu và vận dụng phần mềm dự toán G8</b> <b>Thực hành: Tính khối lượng vốn đầu tư thực hiện</b>	
[17] [3 tiết]	<b>Thực hành: Tính khối lượng vốn đầu tư thực hiện (tt)</b>	
[18]	<b>Thực hành: Tính khối lượng vốn đầu tư thực hiện (tt)</b>	CLO2, CLO3, CLO4,

[2 tiết]		CLO5, CLO6, CLO7
[19] [2 tiết]	Thực hành: Tính chỉ tiêu hiệu quả tài chính của dự án (NPV; IRR)	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7

### 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	<b>Quá trình</b> <sup>1</sup>				30%
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO7	5%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO7	5%
	Bài tập ở nhà	Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6	5%
	Thảo luận	*Các bài báo cáo nhóm Sinh viên trình bày các bài báo cáo của nhóm theo yêu cầu của giảng viên phụ trách giảng dạy - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: đúng theo yêu cầu của giảng viên phụ trách giảng dạy.	Cuối chương	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	5%
	Thực hành	Sinh viên làm bài thực hành trên máy vi tính và nộp bài cho giảng viên đánh giá. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Cuối chương trình học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	5%
	Kiểm tra giữa kỳ	* Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu	Giữa học kỳ (tuần thứ 10 – 12)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	5%

<sup>1</sup> Lựa chọn một hoặc nhiều hình thức bên dưới (ngoại trừ một số học phần đặc thù: thực tập, đồ án,...)



		của giảng viên ra đề.			
2	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	70%

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Nhân
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: [tranthithanhnhan@qnu.edu.vn](mailto:tranthithanhnhan@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0979691767

### 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Bình
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: [lethithanhbinh@qnu.edu.vn](mailto:lethithanhbinh@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0974714293

## 10. Các quy định chung

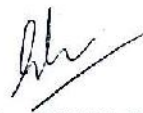
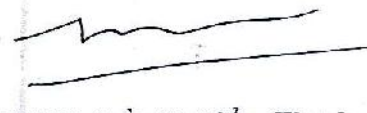
Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định.
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực.
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường.

Bình Định, ngày 22 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

ThS. Trần Thị Thanh Nhân

TS. Hoàng Thị Hoài Hương

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG




TS. Đinh Anh Tuấn





54. [1140075] Thị trường vốn đầu tư: 2TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN  
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: THỊ TRƯỜNG VỐN ĐẦU TƯ**  
**Mã học phần: 1140075**  
**Tên tiếng Anh: CAPITAL MARKET**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Thị trường vốn đầu tư
- Mã học phần: 1140075                      Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế đầu tư 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 06 tiết
  - + Thảo luận: 0 tiết
  - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

**2. Mô tả học phần**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về thị trường vốn đầu tư như khái niệm, vai trò, một số loại công cụ đầu tư và các chủ thể tham gia thị trường vốn. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nhận diện và áp dụng được các kiến thức về huy động vốn trên thị trường.

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản của kinh tế đầu tư, học phần sẽ giúp sinh viên hoàn thiện kiến thức về thị trường vốn, trong đó tập trung vào thị trường chứng khoán, từ đó làm cơ sở cho kiến thức nghề nghiệp của sinh viên.

**3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)**

- Kiến thức:
  - + CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về thị trường vốn đầu tư bao gồm những công cụ đầu tư và các chủ thể tham gia thị trường vốn.
  - + CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về huy động vốn qua thị trường như thị trường chứng khoán và thị trường tín dụng thuê mua.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể áp dụng các kiến thức về thị trường vốn đầu tư để ra quyết định về cách thức huy động vốn đầu tư phù hợp cũng như cách thức đầu tư hợp lý trên thị trường vốn.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO4: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định, có đạo đức nghề nghiệp thể hiện qua báo cáo thuyết trình.

+ CO5: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng tự học, tự sáng tạo để giải quyết các công việc, các vấn đề trong học tập và nghiên cứu.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTDT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Trình bày được vai trò của thị trường vốn và áp dụng được các công cụ đầu tư chủ yếu trên thị trường vốn	PLO3	H
CO2	CLO2	Phân tích cách thức huy động vốn qua thị trường chứng khoán và thị trường tín dụng thuê mua	PLO3	H
CO3	CLO3	Phân tích cách thức đầu tư trên thị trường chứng khoán	PLO3	H
Kỹ năng				
CO3	CLO4	Sử dụng được phương pháp phân tích trong đầu tư chứng khoán	PLO9	M
CO3	CLO5	Sử dụng các kiến thức để ra quyết định huy động vốn cho đơn vị hoặc tiến hành đầu tư trên thị trường vốn	PLO12	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO6	Thể hiện ý thức tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp	PLO14	M
CO5	CLO7	Sắp xếp thời gian tham gia học tập, tự học và tự nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	H



### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Phạm Văn Hùng, <i>Giáo trình Thị trường vốn</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2010
Tài liệu tham khảo thêm:	Peter S. Rose (2000), <i>Money and Capital Markets</i> , Seventh Edition, McGraw Hill
Các loại học liệu khác:	

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Đàm thoại, vấn đáp	Thông qua việc giải đáp giữa giảng viên và sinh viên để giải quyết các nội dung, kiến thức, bài toán trong môn học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Bài tập	Giúp sinh viên nắm vững kiến thức đã học và phát triển khả năng tự học	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra	CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Tự học	Giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.	CLO6, CLO7

### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [2 tiết]	<b>Chương 1: Tổng quan về thị trường vốn</b> 1.1. Khái niệm và các hình thái biểu hiện của thị trường vốn 1.2. Vai trò của thị trường vốn đối với đầu tư phát triển kinh tế	CLO1
[2] [2 tiết]	<b>Chương 1: Tổng quan về thị trường vốn (tiếp theo)</b> 1.3. Một số loại công cụ đầu tư chủ yếu trên thị trường vốn	CLO1

	1.4. Các chủ thể tham gia thị trường	
[3] [2 tiết]	<b>Chương 2. Huy động vốn qua thị trường chứng khoán</b> 2.1. Phát hành chứng khoán 2.2. Bảo lãnh phát hành chứng khoán	CLO2, CLO4, CLO5
[4] [2 tiết]	<b>Chương 3. Đầu tư trên thị trường chứng khoán thứ cấp</b> 3.2. Giao dịch mua bán trên thị trường chứng khoán tập trung 3.3. Một số giao dịch đặc biệt 3.4. Thị trường OTC 3.5. Hệ thống đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán	CLO2, CLO4, CLO5
[5] [2 tiết]	<b>Chương 4. Phân tích đầu tư chứng khoán</b> 4.1. Phân tích cơ bản Bài tập vận dụng	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[6] [2 tiết]	<b>Chương 4. Phân tích đầu tư chứng khoán (tiếp theo)</b> 4.2. Phân tích kỹ thuật Bài tập nhóm	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[7] [2 tiết]	<b>Chương 5. Rủi ro trong đầu tư chứng khoán</b> 5.1. Rủi ro trong đầu tư chứng khoán 5.2. Mô hình định giá tài sản vốn Bài tập vận dụng	CLO3, CLO4, CLO5, CLO7
[8] [2 tiết]	<b>Chương 6. Quyền chọn và giao dịch tương lai</b> 6.1. Quyền chọn Bài tập vận dụng	CLO3, CLO4, CLO5, CLO7
[9] [2 tiết]	<b>Chương 6. Quyền chọn và giao dịch tương lai (tiếp theo)</b> 6.2. Giao dịch tương lai Kiểm tra giữa kì	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[10] [2 tiết]	<b>Chương 7. Quỹ đầu tư chứng khoán</b> 7.1. Phân loại quỹ đầu tư chứng khoán 7.2. Chiến lược đầu tư và cơ chế quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	CLO1, CLO4, CLO5
[11] [2 tiết]	<b>Chương 7. Quỹ đầu tư chứng khoán (tiếp theo)</b> 7.3. Định giá chứng chỉ đầu tư và đánh giá danh mục đầu tư chứng khoán Bài tập vận dụng	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
[12] [2 tiết]	<b>Chương 8. Hoạt động thuê mua</b> 8.1. Khái niệm và vai trò của hoạt động thuê mua 8.2. Các đặc trưng của giao dịch thuê thuần	CLO2, CLO5, CLO5



[13] [2 tiết]	<b>Chương 8. Hoạt động thuê mua (tiếp theo)</b> 8.3. Các loại hợp đồng thuê mua chủ yếu	CLO2, CLO5, CLO5
[14] [2 tiết]	<b>Chương 8. Hoạt động thuê mua (tiếp theo)</b> 8.4. Quy trình thực hiện giao dịch thuê mua và quyết định thuê mua dựa trên các chỉ tiêu NPV và IRR Bài tập nhóm	CLO2, CLO5, CLO5, CLO6
[15] [2 tiết]	Ôn tập	CLO6, CLO7

## 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số	
					Thành phần	Tổng
1	<i>Quá trình</i>	Thời gian tham dự buổi học, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO7	5%	30%
		Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO7	5%	
		Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần thứ 10 - 12)	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6	20%	
2	<i>Cuối kỳ</i>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hằng năm)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6		70%

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Giang

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: [nguyenthithuygiang@qnu.edu.vn](mailto:nguyenthithuygiang@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0967 169 689

## 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Hoàng Thị Hoài Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: [hoangthihoaihuong@qnu.edu.vn](mailto:hoangthihoaihuong@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0973 677 386

## 10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 08 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Thị Thùy Giang

TS. Hoàng Thị Hoài Hương

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

CH. HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn



55. [1140228] Lập dự án đầu tư: 2TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN  
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ**  
**Mã học phần: 1140228**  
**Tên tiếng Anh: INVESTMENT PROJECT DESIGN**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Lập dự án đầu tư
- Mã học phần: 1140228
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế đầu tư 1; Tài chính doanh nghiệp
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 06 tiết
  - + Thảo luận: 0 tiết
  - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

Số tín chỉ: 2

**2. Mô tả học phần**

Học phần lập dự án cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết lập dự án và vận dụng chúng vào thực tiễn lập dự án ở nước ta. Học phần tập trung vào các vấn đề như: lý luận chung về dự án, chu kỳ dự án, quy trình soạn thảo dự án; phương pháp và các nội dung cần phân tích trong quá trình soạn thảo dự án khả thi như: Khía cạnh thị trường, kỹ thuật, tài chính, kinh tế xã hội của dự án; Vận dụng những vấn đề lý luận trên vào việc lập dự án cụ thể về sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế xã hội.

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về tài chính và các hoạt động đầu tư.

**3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)**

- Kiến thức
  - + CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản nhất về dự án đầu tư như hiểu biết về dự án đầu tư, chu kỳ của một dự án đầu tư và các nội dung liên quan đến quá trình lập dự án đầu tư.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về khái niệm, quy trình và nội dung của lập dự án đầu tư như hiểu biết về các cấp độ nghiên cứu khi tiến hành lập dự án, cách phân tích thị trường, phân tích kỹ thuật và phân tích tài chính trong dự án đầu tư,...

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể áp dụng các kiến thức để lập dự án đầu tư trong thực tế.

+ CO4: Học phần cũng trang bị cho sinh viên khả năng lựa chọn được dự án tối ưu trong hoạt động đầu tư thông qua lập dự án.

+ CO5: Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng làm việc nhóm để cùng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO6: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

+ CO7: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định; có trách nhiệm với dự án đầu tư của mình soạn thảo, thể hiện rõ đạo đức nghề nghiệp qua dự án đầu tư.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Xác định được dự án đầu tư, mục tiêu, yêu cầu của hoạt động lập dự án đầu tư, chu kỳ của một dự án đầu tư.	PLO3	M
CO2	CLO2	Diễn giải được khái niệm và quy trình của hoạt động lập dự án đầu tư	PLO3	M
	CLO3	Phân tích được các nội dung của lập dự án đầu tư như: phân tích thị trường, phân tích kỹ thuật và phân tích tài chính trong dự án đầu tư,...	PLO3	H
Kỹ năng				
CO3	CLO4	Xác định được các nội dung cụ thể trong quá trình lập dự án để có thể soạn thảo được các dự án đầu tư trong thực tế.	PLO8, PLO10	M M
CO4	CLO5	Xác định được hiệu quả của từng	PLO10	M



		dự án đã soạn thảo để chọn được phương án tối ưu nhất trong hoạt động đầu tư.		
CO5	CLO6	Tham gia các hoạt động nhóm nhằm nghiên cứu các vấn đề liên quan đến công tác lập dự án đầu tư.	PLO6	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO6	CLO7	Thể hiện khả năng học tập, nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân	PLO13	H
CO7	CLO8	Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp	PLO14	M

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Nguyễn Bạch Nguyệt & Cs, “ <i>Giáo trình Lập dự án đầu tư</i> ”, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2013. [2] Đào Quyết Thắng, Trần Thị Thanh Nhân “ <i>Bài giảng Lập dự án đầu tư</i> ”, tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Quy Nhơn, (2018).
Tài liệu tham khảo thêm:	[1] Luật đầu tư, NXB Chính trị quốc gia, 2014 [2] Nguyễn Văn Chơn, Kinh tế đầu tư tập I, tập II, NXB Thống kê, 2001. [3] Phạm Văn Hùng, Giáo trình Thị trường vốn, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2008 [4] Từ Quang Phương, Phạm Văn Hùng, Giáo trình Kinh tế đầu tư, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2013
Các loại học liệu khác:	

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8.
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực	CLO1, CLO2, CLO3,

	hiện phân tích, đề xuất giải pháp.	CLO4, CLO5, CLO7, CLO8.
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7

### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [2 tiết]	<p><b>Chương 1: Tổng quan về dự án đầu tư</b></p> <p><b>1.1 Khái niệm về dự án đầu tư</b></p> <p>1.1.1. Khái niệm dự án</p> <p>1.1.2. Mối quan hệ giữa vốn đầu tư và hoạt động đầu tư trong nền kinh tế</p> <p>1.1.3. Chu kỳ của một dự án đầu tư</p> <p><b>1.2 Giai đoạn chuẩn bị đầu tư</b></p> <p>1.2.1. Nghiên cứu cơ hội đầu tư</p> <p>1.2.2. Nghiên cứu tiền khả thi</p> <p>1.2.3. Nghiên cứu hỗ trợ</p> <p>1.2.4. Nghiên cứu khả thi</p> <p>1.2.5. Thẩm định dự án:</p> <p><b>1.3 Giai đoạn thực hiện đầu tư:</b></p> <p><b>1.4 Giai đoạn vận hành kết quả đầu tư.</b></p>	CLO1, CLO5, CLO7
[2] [2 tiết]	<p><b>Chương 2. Lập dự án đầu tư</b></p> <p><b>2.1 Công tác chuẩn bị lập dự án</b></p> <p>2.1.1. Lập nhóm soạn thảo dự án</p> <p>2.1.2. Lập quy trình, lịch trình soạn thảo dự án</p> <p>2.1.3. Bộ cục thông thường của một bản báo cáo nghiên cứu khả thi</p> <p>2.2 Những nội dung cần nghiên cứu khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi.</p> <p><b>Chương 3: Nghiên cứu tình hình kinh tế xã hội tổng quát liên quan đến dự án và các căn cứ pháp lý dẫn tới việc hình thành dự án</b></p> <p><b>3.1 Nghiên cứu tình hình kinh tế xã hội tổng quát liên quan tới dự án</b></p> <p><b>3.2 Các căn cứ pháp lý dẫn đến việc hình thành dự án</b></p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO7, CLO8
[3] [2 tiết]	<p><b>Chương 4: Nghiên cứu thị trường</b></p> <p><b>4.1 Các khái niệm</b></p> <p>4.1.1. Khái niệm về nghiên cứu thị trường</p> <p>4.1.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu thị trường</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO7, CLO8



	<p>4.1.3. Nội dung của nghiên cứu thị trường.</p> <p><b>4.2 Xác định sản phẩm của dự án</b></p>	
[4] [2 tiết]	<p><b>Chương 4: Nghiên cứu thị trường (tt)</b></p> <p><b>4.3 Xác định thị phần của dự án</b></p> <p>4.3.1. Trường hợp sản phẩm của dự án là hàng hóa cá nhân</p> <p>4.3.2. Trường hợp sản phẩm của dự án là hàng hóa công cộng</p> <p><b>4.4 Nghiên cứu cách thức để chiếm lĩnh thị trường đó</b></p> <p>4.4.1. Nghiên cứu khả năng tiếp thị của dự án</p> <p>4.4.2. Nghiên cứu khả năng cạnh tranh của dự án</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8
[5] [2 tiết]	<p><b>Chương 5: Phân tích kỹ thuật của một dự án đầu tư</b></p> <p><b>5.1 Xác định hình thức đầu tư</b></p> <p><b>5.2 Xác định quy mô công suất của dự án</b></p> <p>5.2.1. Khái niệm về các loại công suất.</p> <p>5.2.2. Các căn cứ để xác định quy mô và công suất của dự án</p> <p>5.2.3. Ví dụ</p> <p><b>5.3 Lựa chọn công nghệ cho dự án</b></p> <p>5.3.1. Khái niệm công nghệ</p> <p>5.3.2. Nguyên tắc lựa chọn công nghệ</p> <p>5.3.3. Các phương pháp để chọn được phương án công nghệ tối ưu</p> <p>5.3.4. Những nội dung cần trình bày trong báo cáo nghiên cứu khả thi</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8
[6] [2 tiết]	<p><b>Chương 5: Phân tích kỹ thuật của một dự án đầu tư (tt)</b></p> <p><b>5.4 Lựa chọn nguyên liệu cho dự án</b></p> <p>5.4.1. Nguyên tắc lựa chọn</p> <p>5.4.2. Các phương pháp để lựa chọn nguyên liệu</p> <p>5.4.3. Những nội dung cần trình bày trong báo cáo nghiên cứu khả thi</p> <p><b>5.5 Cơ sở hạ tầng của dự án.</b></p> <p>5.5.1. Năng lượng cho dự án</p> <p>5.5.2. Nước cho dự án</p> <p>5.5.3. Nhu cầu vận tải và hệ thống giao thông</p> <p>5.5.4. Các cơ sở hạ tầng khác</p> <p><b>5.6 Lựa chọn địa điểm để xây dựng dự án</b></p> <p>5.6.1. Nguyên tắc lựa chọn địa điểm</p> <p>5.6.2. Những nội dung cần trình bày trong báo cáo</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8

	<p> nghiên cứu khả thi</p> <p> 5.6.3. Các phương pháp để lựa chọn được phương án địa điểm tối ưu</p>	
[7] [2 tiết]	<p><b>Chương 5: Phân tích kỹ thuật của một dự án đầu tư (tt)</b></p> <p><b>5.7 Giải pháp để xây dựng dự án</b></p> <p>5.7.1. Các căn cứ để lập phương án giải pháp xây dựng</p> <p>5.7.2. Giải pháp về quy hoạch tổng mặt bằng công trình xây dựng</p> <p>5.7.3. Các giải pháp về kiến trúc.</p> <p>5.7.4. Các giải pháp về kết cấu xây dựng.</p> <p>5.7.5. Các giải pháp công nghệ xây dựng và tổ chức xây dựng.</p> <p>5.7.6. Thống kê các kết quả tính toán thành các biểu bảng.</p> <p><b>5.8 Đánh giá tác động của dự án đối với môi trường</b></p> <p>5.8.1. Ý nghĩa</p> <p>5.8.2. Những tác động tiêu cực có thể có của các loại dự án tới môi trường</p> <p>5.8.3. Nội dung</p> <p>5.8.4. Những quy định của bộ tài nguyên môi trường</p> <p><b>Chương 6: Tổ chức quản trị dự án</b></p> <p><b>6.1 Các khái niệm:</b></p> <p><b>6.2 Vấn đề tổ chức của dự án</b></p>	<p>CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8</p>
[8] [2 tiết]	<p><b>Chương 6: Tổ chức quản trị dự án (tt)</b></p> <p><b>6.3 Về lao động</b></p> <p>6.3.1. Nêu nhu cầu nhân lực trong từng thời kỳ, trong từng bộ phận của dự án</p> <p>6.3.2. Tính toán lượng và phụ cấp.</p> <p>6.3.3. Kế hoạch và chi phí đào tạo tuyển dụng</p> <p><b>6.4 Lịch trình thực hiện đầu tư và lịch trình sản xuất kinh doanh</b></p> <p><b>Chương 7: Phân tích tài chính dự án</b></p> <p><b>7.1 Mục đích, vai trò và yêu cầu của phân tích tài chính</b></p> <p><b>7.2 Một số vấn đề cần xem xét khi phân tích tài chính dự án đầu tư</b></p> <p><b>7.3 Nội dung phân tích tài chính dự án đầu tư</b></p> <p>7.3.1. Dự toán tổng mức đầu tư và nguồn vốn huy</p>	<p>CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO7, CLO8</p>



	động cho dự án	
[9] [2 tiết]	<b>Chương 7: Phân tích tài chính dự án (tt)</b> 7.3 Nội dung phân tích tài chính dự án đầu tư (tt) 7.3.2. Lập báo cáo tài chính và xác định dòng tiền của dự án	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO7, CLO8
10] [2 tiết]	<b>Chương 7: Phân tích tài chính dự án (tt)</b> 7.3 Nội dung phân tích tài chính dự án đầu tư (tt) 7.3.3. Các chỉ tiêu phản ánh khía cạnh tài chính của dự án đầu tư 7.3.4. Đánh giá độ an toàn về tài chính của dự án đầu tư 7.3.5. Phân tích dự án trong trường hợp có sự tác động của các yếu tố khách quan <b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO7, CLO8
[11] [2 tiết]	<b>Bài tập vận dụng</b>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7
[12] [2 tiết]	<b>Chương 8: Phân tích khía cạnh kinh tế xã hội dự án đầu tư</b> 8.1 Khái niệm và sự cần thiết phải nghiên cứu khía cạnh kinh tế xã hội của dự án đầu tư 8.2 Phương pháp phân tích kinh tế xã hội 8.3 Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội của dự án đầu tư	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO7, CLO8
[13] [2 tiết]	<b>Bài tập vận dụng</b>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7
[14] [2 tiết]	<b>Chương 9: So sánh lựa chọn phương án đầu tư</b> 9.1 So sánh lựa chọn phương án đầu tư xét trên phương diện tài chính 9.2 So sánh lựa chọn phương án đầu tư theo khía cạnh kinh tế xã hội	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8
[15] [2 tiết]	- <b>Bài tập tổng hợp</b> - <b>Ôn tập</b>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8

### 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
-----	--------------------	-------------------	-----------	------------	----------

1	<b>Quá trình<sup>1</sup></b>				30%
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO8	5%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO8	5%
	Bài tập ở nhà	Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7	5%
	Bài tập nhóm	Sinh viên làm bài tập nhóm theo yêu cầu của giảng viên - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Cuối chương	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	10%
	Kiểm tra giữa kỳ	* Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần thứ 10 – 12)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	5%
2	<b>Cuối kỳ</b>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	70%

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Nhân
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: [tranthithanhnhan@qnu.edu.vn](mailto:tranthithanhnhan@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0979691767

### 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Mỹ Kim
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

<sup>1</sup> Lựa chọn một hoặc nhiều hình thức bên dưới (ngoại trừ một số học phần đặc thù: thực tập, đồ án,..)



- Email: [lemykim@qnu.edu.vn](mailto:lemykim@qnu.edu.vn)

Điện thoại liên hệ: 0355.082.864

#### 10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định.
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực.
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường.

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

ThS. Trần Thị Thanh Nhân

TS. Hoàng Thị Hoài Hương

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh



TS. Đinh Anh Tuấn





**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ**  
**Mã học phần: 1140229**  
**Tên tiếng Anh: INVESTMENT PROJECT APPRAISAL**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Thẩm định dự án đầu tư.
- Mã học phần: 1140229 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc/tự chọn: **Bắt buộc**
- Các học phần học trước: Lập dự án đầu tư
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 6 tiết
  - + Thảo luận: 0 tiết
  - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 90 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

**2. Mô tả học phần**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết thẩm định dự án đầu tư và vận dụng chúng vào thực tiễn thẩm định dự án ở nước ta. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các quy trình, phương pháp, nội dung, công tác tổ chức thường được thực hiện trong thẩm định dự án; giúp sinh viên thẩm định dự án đầu tư thuộc khu vực nhà nước và tư nhân trong thực tiễn.

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức lập dự án, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thẩm định dựa án và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

**3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)**

- Kiến thức
  - + CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về thẩm định dự án đầu tư ở ba góc độ là nhà nước, ngân hàng và chủ đầu tư.
  - + CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các nội dung thẩm định dự án đầu tư như: thẩm định thị trường, thẩm định kỹ thuật và thẩm định tài chính trong dự án đầu tư,...; các nội dung liên quan đến quá trình thẩm định dự án đầu tư.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể phân tích được từng nội dung thẩm định riêng lẻ và kết hợp thẩm định được dự án hoàn chỉnh.

+ CO4: Học phần trang bị cho sinh viên khả năng xây dựng báo cáo kết quả thẩm định và đề xuất phương án xử lý dự án.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định; có trách nhiệm với báo cáo thẩm định của mình, thể hiện rõ đạo đức nghề nghiệp qua trình bày báo cáo thẩm định.

+ CO6: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>Kiến thức</b>				
CO1	CLO1	Phân biệt được các góc độ trong thẩm định dự án đầu tư: nhà nước, ngân hàng và chủ đầu tư	PLO3	M
CO2	CLO2	Xây dựng được các nội dung thẩm định dự án đầu tư như: thẩm định thị trường, thẩm định kỹ thuật và thẩm định tài chính trong dự án đầu tư,...; các nội dung liên quan đến quá trình thẩm định dự án đầu tư.	PLO3	H
<b>Kỹ năng</b>				
CO3	CLO3	Phân tích được từng nội dung thẩm định riêng lẻ và kết hợp thẩm định được dự án hoàn chỉnh	PLO6 PLO11	M M
CO4	CLO4	Tổ chức xây dựng báo cáo kết quả thẩm định và đề xuất phương án xử lý dự	PLO8	H



		án.		
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp	PLO14	M
CO6	CLO6	Thể hiện khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	M

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Đào Quyết Thắng, Trần Thị Thanh Nhân, Trần Lê Diệu Linh, <i>Bài giảng thẩm định dự án đầu tư</i> , tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Quy Nhơn, (2018). Nguyễn Hồng Thắng (ch.b.), Nguyễn Thị Huyền, <i>Giáo trình thẩm định dự án đầu tư khu vực công</i> , NXB Thống Kê, (2010)
Tài liệu tham khảo thêm:	Belli, P., <i>Phân tích Kinh tế các Hoạt động Đầu tư: Công cụ Phân tích và Ứng dụng thực tế</i> , Viện Ngân hàng Thế giới, NXB Văn hóa Thông tin, (2001). Harberger, A. C., & Jenkins, G. P., <i>Cost-Benefit analysis for investment decisions</i> , Retrieved from Fiscal Reform and Economic Governance database Available from <a href="http://www.fiscalreform.net/">http://www.fiscalreform.net/</a> (Cost-Benefit Analysis). Ký hiệu HJ2002. (2002). USAID, <i>The Project Appraisal practitioners' guide</i> , Retrieved from Fiscal Reform and Economic Governance database Available from <a href="http://www.fiscalreform.net/">http://www.fiscalreform.net/</a> (Cost-Benefit Analysis), (2010). <i>Giáo trình thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i> , trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh.
Các loại học liệu khác:	

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để	CLO1, CLO2, CLO6

	nắm được cốt lõi của nội dung môn học	
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất giải pháp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên thực hiện soạn thảo hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu.	CLO1, CLO2, CLO6

### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [2 tiết]	<b>Chương 1: Các khái niệm về thẩm định dự án</b> <b>1.1. Mối quan hệ giữa công tác lập dự án và công tác thẩm định dự án.</b> 1.1.1. Khái niệm về thẩm định dự án. 1.1.2. Ý nghĩa: 1.1.3. Yêu cầu đối với các công tác thẩm định. <b>1.2. Mục đích của công tác thẩm định.</b> <b>1.3. Căn cứ để thẩm định dự án.</b>	CLO1
[2] [2 tiết]	<b>Chương 2: Các hình thức và phương pháp thẩm định dự án</b> <b>2.1. Các hình thức thẩm định dự án.</b> 2.1.1. Thành lập hội đồng thẩm định dự án. 2.1.2. Sử dụng cơ quan chức năng để thẩm định dự án. 2.1.3. Hợp đồng với các tổ chức tư vấn để thẩm định dự án. <b>2.2. Các phương pháp thẩm định dự án.</b> 2.2.1. Phương pháp thẩm định theo trình tự 2.2.2. Phương pháp so sánh các chỉ tiêu 2.2.3. Phương pháp phân tích độ nhạy.	CLO1, CLO2, CLO3
[3] [2 tiết]	<b>Chương 2: Các hình thức và phương pháp thẩm định dự án (tt)</b> <b>2.2. Các phương pháp thẩm định dự án.(tt)</b> 2.2.4. Phương pháp dự báo. 2.2.5. Phương pháp triệt tiêu rủi ro.	CLO1, CLO2, CLO3



	<p><b>Chương 3: Quy trình thẩm định dự án đầu tư</b></p> <p><b>3.1. Thời điểm thẩm định dự án</b></p> <p><b>3.2. Quy trình thẩm định dự án</b></p>	
[4] [2 tiết]	<p><b>Chương 4: Thẩm định dự án của ngân hàng</b></p> <p><b>4.1. Các vấn đề chung về thẩm định của ngân hàng.</b></p> <p>4.1.1. Lý do mà ngân hàng phải thẩm định dự án.</p> <p>4.1.2. Mục đích.</p> <p>4.1.3. Nội dung chủ yếu trong thẩm định của ngân hàng.</p> <p>4.1.4. Hồ sơ vay vốn.</p> <p><b>4.2. Thẩm định khách hàng vay vốn.</b></p> <p>4.2.1. Thẩm định năng lực pháp lý của khách hàng:</p> <p>4.2.2. Thẩm định năng lực và uy tín của khách hàng.</p> <p>4.2.3. Thẩm định tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của khách hàng</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[5] [2 tiết]	<p><b>Chương 4: Thẩm định dự án của ngân hàng (tt)</b></p> <p><b>4.3. Thẩm định dự án.</b></p> <p>4.3.1. Xem xét đánh giá sơ bộ các nội dung chính của dự án.</p> <p>4.3.2. Đánh giá thị trường tiêu thụ sản phẩm.</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[6] [2 tiết]	<p><b>Chương 4: Thẩm định dự án của ngân hàng (tt)</b></p> <p><b>4.3. Thẩm định dự án.(tt)</b></p> <p>4.3.3. Thẩm định phân tích kỹ thuật.</p> <p>4.3.4. Đánh giá về phương diện tổ chức quản lý dự án.</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[7] [2 tiết]	<p><b>Chương 4: Thẩm định dự án của ngân hàng (tt)</b></p> <p><b>4.3. Thẩm định dự án.(tt)</b></p> <p>4.3.5. Thẩm định tài chính của dự án.</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[8] [2 tiết]	<p><b>Chương 4: Thẩm định dự án của ngân hàng (tt)</b></p> <p><b>4.3. Thẩm định dự án.(tt)</b></p> <p>4.3.5. Thẩm định tài chính của dự án.(tt)</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[9] [2 tiết]	<p><b>Chương 4: Thẩm định dự án của ngân hàng (tt)</b></p> <p><b>4.3. Thẩm định dự án.(tt)</b></p> <p>4.3.5. Thẩm định tài chính của dự án.(tt)</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[10] [2 tiết]	<b>Bài tập vận dụng</b>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[11] [2 tiết]	<p><b>Chương 4: Thẩm định dự án của ngân hàng (tt)</b></p> <p><b>4.4. Phân tích và kiểm soát rủi ro của dự án.</b></p> <p>4.4.1. Phân tích độ nhạy.</p> <p>4.4.2. Phân tích tình huống.</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	<p>4.4.3. Phân tích mô phỏng.</p> <p>4.5. <b>Thẩm định tài sản đảm bảo nợ vay.</b></p> <p>4.5.1. Các loại đảm bảo nợ vay.</p> <p>4.5.2. Thẩm định tài sản đảm bảo nợ vay.</p>	
[12] [2 tiết]	<b>Bài tập vận dụng</b>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[13] [2 tiết]	<p><b>Chương 5: Thẩm định dự án đầu tư của nhà nước</b></p> <p><b>5.1. Quy định chung đối với công tác thẩm định.</b></p> <p><b>5.2. Dự án của người Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.</b></p> <p>5.2.1. Phân loại.</p> <p>5.2.2. Thẩm quyền chấp thuận đầu tư ra nước ngoài.</p> <p>5.2.3. Hồ sơ.</p> <p>5.2.4. Nội dung thẩm tra hồ sơ dự án của nhà nước.</p> <p><b>5.3. Thẩm định của Nhà nước đối với dự án FDI.</b></p> <p>5.3.1. Phân loại.</p> <p>5.3.2. Thẩm quyền chấp thuận đầu tư</p> <p>5.3.3. Hồ sơ.</p> <p>5.3.4. Nội dung thẩm tra hồ sơ dự án của nhà nước.</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[14] [2 tiết]	<p><b>Chương 5: Thẩm định dự án đầu tư của nhà nước (tt)</b></p> <p><b>5.4. Thẩm định của Nhà nước đối với dự án tư nhân.</b></p> <p>5.4.1. Phân loại.</p> <p>5.4.2. Cơ quan thẩm định về chấp thuận dự án tư nhân.</p> <p>5.4.3. Hồ sơ.</p> <p>5.4.4. Nội dung thẩm tra hồ sơ dự án của nhà nước.</p> <p><b>5.5. Thẩm định của Nhà nước đối với dự án sử dụng vốn Nhà nước.</b></p> <p>5.5.1. Thẩm định đề ra quyết định đầu tư.</p> <p>5.5.2. Thẩm định thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán.</p> <p>5.5.3. Thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư.</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[15] [2 tiết]	<p>- <b>Bài tập tổng hợp</b></p> <p>- <b>Ôn tập</b></p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

### 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
-----	--------------------	-------------------	-----------	------------	----------



1	<b>Quá trình<sup>1</sup></b>				30%
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO5	5%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO5	5%
	Bài tập ở nhà	Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO2, CLO5, CLO6	5%
Bài tập nhóm	Sinh viên làm bài tập nhóm theo yêu cầu tình huống của giảng viên - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Cuối chương	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	15%	
2	<b>Cuối kỳ</b>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO2, CLO3, CLO4	70%

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Nhân

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: [tranthithanhnhan@qnu.edu.vn](mailto:tranthithanhnhan@qnu.edu.vn)

Điện thoại liên hệ: 0979691767

### 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Mỹ Kim

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: [lemykim@qnu.edu.vn](mailto:lemykim@qnu.edu.vn)

Điện thoại liên hệ: 0355.082.864

## 10. Các quy định chung

<sup>1</sup> Lựa chọn một hoặc nhiều hình thức bên dưới (ngoại trừ một số học phần đặc thù: thực tập, đồ án,...)

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23. tháng 03. năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỜNG BỘ MÔN

TRƯỜNG KHOA





ThS. Trần Thị Thanh Nhân

TS. Hoàng Thị Hoài Hương

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

KT HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn



57. [1140055] Quản lý dự án đầu tư: 3TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN  
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**  
**Mã học phần: 1140055**  
**Tên tiếng Anh: INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Quản lý dự án đầu tư
- Mã học phần: 1140055 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Lập dự án đầu tư
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
  - + Thảo luận: 0 tiết
  - + Thực hành, thực tập: 20 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 90 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

**2. Mô tả học phần**

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về quản lý dự án gồm các mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các bên quản lý dự án. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nhận biết và áp dụng kiến thức vào việc lập kế hoạch quản lý dự án, ứng dụng thực hiện các nội dung khác nhau của quản lý dự án đầu tư trong thực tiễn.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm được những kiến thức chung về kinh tế đầu tư, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kiến thức về quản lý dự án, từ đó cung cấp các kiến thức hữu ích cho nghề nghiệp của sinh viên.

**3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)**

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức về quản lý dự án đầu tư như mô hình tổ chức dự án, chức năng nhiệm vụ các bên khi tham gia quản lý dự án

+ CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về lập kế hoạch để quản lý dự án, các phương pháp được sử dụng để quản lý dự án.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể áp dụng các kiến thức quản lý dự án trong thực tiễn công việc quản lý dự án đầu tư như lập sơ đồ mạng công việc, xây dựng cấu trúc phân tách công việc, phương pháp quản lý thời gian và chi phí dự án.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO4: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định, có đạo đức nghề nghiệp thể hiện qua báo cáo thuyết trình.

+ CO5: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng tự học, tự sáng tạo để giải quyết các công việc, các vấn đề trong học tập và nghiên cứu.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTDT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Xác định được các kiến thức tổng quan về quản lý dự án như các mô hình tổ chức quản lý, chức năng nhiệm vụ của các bên tham gia quản lý dự án.	PLO3	H
CO2	CLO2	Áp dụng phương pháp lập kế hoạch dự án; quản lý thời gian, chi phí và nguồn lực dự án.	PLO3	H
CO2	CLO3	Tổng hợp lại một số nội dung về quản lý chất lượng và giám sát, đánh giá dự án	PLO3	M



Kỹ năng				
CO3	CLO4	Làm chủ kiến thức để lập sơ đồ mạng công việc, xây dựng cấu trúc phân tách công việc, phương pháp quản lý thời gian và chi phí dự án.	PLO8, PLO10	H H
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO5	Thể hiện ý thức tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp	PLO14	M
CO5	CLO6	Sắp xếp thời gian tham gia học tập, tự học và tự nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	M

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Từ Quang Phương, <i>Giáo trình Quản lý dự án</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2013
Tài liệu tham khảo thêm:	Cao Hào Thi, <i>Giáo trình Quản lý dự án</i> , NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2003. Từ Quang Phương, Phạm Văn Hùng, <i>Giáo trình Kinh tế đầu tư</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, năm 2013
Các loại học liệu khác:	

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Đàm thoại, vấn đáp	Thông qua việc giải đáp giữa giảng viên và sinh viên để giải quyết các nội dung, kiến thức, bài toán trong môn học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Bài tập	Giúp sinh viên nắm vững kiến thức đã học và phát triển khả năng tự học	CLO5, CLO6
Làm việc nhóm	Đưa đề tài để sinh viên tìm hiểu,	CLO4, CLO5, CLO6

	sau đó báo cáo và tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra.	
Tự học	Giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.	CLO5, CLO6

### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	<b>Chương 1: Tổng quan về quản lý dự án đầu tư</b> 1.1. Khái niệm dự án và quản lý dự án 1.2. Nội dung quản lý dự án 1.3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn học 1.4. Lịch sử phát triển của quản lý dự án 1.5. Phân biệt quản lý dự án với quá trình quản lý sản xuất liên tục theo dòng	CLO1
[2] [3 tiết]	<b>Chương 2. Mô hình tổ chức và nhà quản lý dự án</b> 2.1. Các mô hình tổ chức dự án 2.2. Cán bộ quản lý dự án	CLO1
[3] [3 tiết]	<b>Chương 3. Lập kế hoạch dự án</b> 3.1. Khái niệm, ý nghĩa và nội dung tổng quát của kế hoạch dự án 3.2. Phân tách công việc của dự án	CLO2
[4] [3 tiết]	Bài tập vận dụng	CLO2, CLO4, CLO5
[5] [3 tiết]	<b>Chương 4. Quản lý thời gian và tiến độ dự án</b> 4.1. Mạng công việc 4.2. Kỹ thuật tổng quan và đánh giá dự án PERT và phương pháp đường găng CPM 4.3. Phương pháp biểu đồ GANTT và biểu đồ	CLO2, CLO4, CLO5



	đường chéo	
[6] [3 tiết]	Bài tập vận dụng	CLO2, CLO4, CLO5
[7] [2 tiết]	<b>Chương 5. Phân phối nguồn lực cho dự án</b> 5.1. Biểu đồ phụ tải nguồn lực và điều chỉnh đều nguồn lực 5.2. Phân phối nguồn lực hạn chế cho dự án bằng phương pháp ưu tiên	CLO2, CLO4, CLO5
[8] [2 tiết]	<b>Chương 5. Phân phối nguồn lực cho dự án (tiếp theo)</b> 5.3. Phân phối nhiều nguồn lực cho một dự án 5.4. Kế hoạch bố trí lao động gián tiếp	CLO2, CLO4, CLO5
[9] [2 tiết]	Bài tập vận dụng	CLO2, CLO4, CLO5
[10] [3 tiết]	<b>Chương 6: Dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án</b> 6.1. Khái niệm, tác dụng và đặc điểm của dự toán ngân sách 6.2. Phương pháp dự toán ngân sách	CLO2, CLO4, CLO5
[11] [3 tiết]	<b>Chương 6: Dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án (tiếp theo)</b> 6.3. Khái toán và dự toán chi phí các công việc dự án 6.4. Quan hệ đánh đổi giữa thời gian và chi phí 6.5. Quản lý chi phí dự án	CLO2, CLO4, CLO5
[12] [2 tiết]	<b>Chương 6: Dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án (tiếp theo)</b> Bài tập vận dụng	CLO2, CLO4, CLO5
[13] [3 tiết]	<b>Chương 7: Giám sát và đánh giá dự án</b> 8.1. Giám sát dự án 8.2. Đánh giá dự án	CLO2, CLO4, CLO5
[14] [4 tiết]	<b>Chương 8: Ứng dụng Microsoft Project trong quản lý dự án</b> Thực hành xây dựng biểu đồ GANTT và PERT	CLO2, CLO4, CLO6
[15] [4 tiết]	<b>Chương 8: Ứng dụng Microsoft Project trong quản lý dự án (tiếp)</b> Thực hành phân phối nguồn lực cho các công	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

	việc	
[16] [4 tiết]	<b>Chương 8: Ứng dụng Microsoft Project trong quản lý dự án (tiếp theo)</b> Thực hành hiệu chỉnh xung đột trong tiến độ dự án	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[17] [4 tiết]	<b>Chương 8: Ứng dụng Microsoft Project trong quản lý dự án (tiếp theo)</b> Thực hành hiệu chỉnh xung đột trong nguồn lực dự án	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[18] [4 tiết]	<b>Chương 8: Ứng dụng Microsoft Project trong quản lý dự án (tiếp theo)</b> Thực hành hiệu chỉnh xung đột trong nguồn lực dự án và thảo luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

### 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	<b>Quá trình</b>				<b>30%</b>
	Chuyên cần	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong các buổi học	CLO5, CLO6	10%
	Thảo luận	Sinh viên tham gia thảo luận	Sinh viên tương tác trong quá trình học và thảo luận chung	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6	10%



			vào cuối môn học		
	Thực hành	Sinh viên tham gia tích cực vào các buổi thực hành và kết quả bài thực hành đáp ứng yêu cầu của giảng viên.	Trong các buổi thực hành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6	10%
2	<b>Cuối kỳ</b>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	70%

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: [nguyenthithuygiang@qnu.edu.vn](mailto:nguyenthithuygiang@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0967 169 689

### 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Hoàng Thị Hoài Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: [hoangthihoaihuong@qnu.edu.vn](mailto:hoangthihoaihuong@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0973 677 386

## 10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 2 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỜNG BỘ MÔN

TRƯỜNG KHOA

ThS. Nguyễn Thị Thùy Giang

TS. Hoàng Thị Hoài Hương

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

KT. HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn



58. [1140071] Nghiệp vụ đấu thầu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN  
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: NGHIỆP VỤ ĐẤU THẦU**  
**Mã học phần: 1140071**  
**Tên tiếng Anh: PROCUREMENT**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Nghiệp vụ Đấu thầu
- Mã học phần: 1140071
- Loại học phần: Bắt buộc/tự chọn: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế đầu tư 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 05 tiết
  - + Thảo luận: 0 tiết
  - + Thực hành, thực tập: 20 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

Số tín chỉ: 2

**2. Mô tả học phần**

Học phần này trang bị cho sinh viên những vấn đề liên quan đến hoạt động đấu thầu. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương thức tham dự thầu, chăm hồ sơ dự thầu, lập hồ sơ mời thầu, lập hồ sơ dự thầu...

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kinh tế đầu tư 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức đấu thầu của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

**3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)**

- Kiến thức
  - + CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các vấn đề chung liên quan đến đấu thầu và lập kế hoạch đấu thầu.
  - + CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các nội dung lập hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu; đánh giá được hồ sơ mời thầu.
- Kỹ năng
  - + CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể soạn thảo được hồ sơ mời thầu.
  - + CO4: Sau khi học xong học phần sinh viên có thể phân tích và đánh giá hồ sơ dự thầu.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

+ CO6: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định. Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Diễn giải được các vấn đề chung liên quan đến đấu thầu và lập kế hoạch đấu thầu.	PLO3	M
CO2	CLO2	Áp dụng các kiến thức về lập hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu; đánh giá được hồ sơ mời thầu để thực hiện hoạt động đấu thầu.	PLO3	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Phân tích các điều kiện đầu vào để soạn thảo hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu	PLO6 PLO8	M M
CO4	CLO4	Phân tích và đánh giá hồ sơ dự thầu.	PLO6 PLO9	M H
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Thể hiện khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm	PLO13	M
CO6	CLO7	Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp	PLO14	M

#### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Đào Quyết Thắng, <i>Bài giảng Nghiệp vụ đấu thầu</i> , tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Quy Nhơn, (2014).
Tài liệu tham khảo thêm:	Quốc Hội, <i>Luật đấu thầu 2014</i> , NXB Chính trị quốc gia. Chính phủ, <i>Nghị định 63/2014/NĐ-CP Hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu 2014</i> , NXB Chính trị quốc gia, (2014).



Các loại học liệu khác:	<a href="http://www.mof.gov.vn">www.mof.gov.vn</a> ; <a href="http://www.vaa.org.vn">www.vaa.org.vn</a>
-------------------------	---

## 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO5
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đánh giá.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Thực hành theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên thực hiện soạn thảo hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

## 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	<b>Chương 1: Tổng quan về đấu thầu, đối tượng nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học</b> 1.1. Khái niệm đấu thầu 1.2. Gói thầu 1.2.1 Khái niệm 1.2.2 Phân loại 1.3. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học	CLO1
[2] [3 tiết]	<b>Chương 2: Phương pháp luận lập kế hoạch đấu thầu cho dự án đầu tư. hình thức và phương thức đấu thầu</b> 2.1. Phương pháp lập kế hoạch đấu thầu cho một dự án đầu tư 2.1.1 Vai trò, căn cứ lập kế hoạch đấu thầu 2.1.2 Trình tự và nội dung các bước lập kế hoạch đấu thầu 2.2. Hình thức đấu thầu 2.3. Các phương thức thực hiện đấu thầu	CLO1
[3] [3 tiết]	<b>Chương 3: Trình tự các bước thực hiện đấu thầu đối với một gói thầu</b> 3.1. Chuẩn bị đấu thầu 3.2. Lựa chọn nhà thầu 3.3. Kí kết và thực hiện hợp đồng	CLO2, CLO5, CLO6

	<p><b>Chương 4: Phương pháp luận soạn thảo hồ sơ mời thầu</b></p> <p>4.1. Vai trò và yêu cầu đối với hồ sơ mời thầu</p> <p>4.2. Trình tự và nội dung các bước soạn thảo hồ sơ mời thầu</p> <p>4.3. Nội dung hồ sơ mời thầu cho gói thầu dịch vụ tư vấn</p>	
[4] [3 tiết]	<p><b>Chương 4: Phương pháp luận soạn thảo hồ sơ mời thầu (tiếp theo)</b></p> <p>4.4. Nội dung hồ sơ mời thầu cho gói thầu xây lắp</p> <p>4.5. Nội dung hồ sơ mời thầu cho gói thầu cung cấp hàng hóa</p>	CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[5] [3 tiết]	<p><b>Chương 5: phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu</b></p> <p><b>5.1. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu tư vấn</b></p> <p>5.1.1 Phương pháp đánh giá dựa trên cơ sở chất lượng tốt nhất</p> <p>5.1.2 Phương pháp đánh giá dựa trên cơ sở chất lượng và chi phí hợp lý nhất</p> <p>5.1.3 Phương pháp đánh giá dựa trên cơ sở ngân sách giới hạn</p> <p>5.1.4 Phương pháp đánh giá dựa trên cơ sở giá thấp nhất</p> <p>5.1.5 Phương pháp đánh giá dựa trên cơ sở năng lực chuyên môn của nhà thầu</p>	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[6] [3 tiết]	<p><b>Chương 5: phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu (tt)</b></p> <p><b>5.2. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu xây lắp</b></p> <p>5.2.1 Đánh giá nội dung kỹ thuật</p> <p>5.2.2 Đánh giá đề xuất tài chính</p> <p><b>5.3. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa</b></p> <p>5.3.1 Phương pháp sử dụng giá đánh giá</p> <p>5.3.2 Phương pháp tính điểm</p> <p>5.3.3 Phương pháp tính tỉ lệ Giá / điểm</p>	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[7] [2 tiết]	<p><b>Chương 6: Một số vấn đề quản lý hoạt động đấu thầu ở Việt Nam</b></p> <p>6.1. Quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu</p> <p>6.2. Vai trò của các tổ chức tài chính quốc tế</p> <p><b>Ôn tập</b></p>	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6
[8] [3 tiết]	<p><b>Thực hành soạn thảo hồ sơ dự thầu</b></p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6



[9] [3 tiết]	Thực hành soạn thảo hồ sơ dự thầu (tt)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[10] [3 tiết]	Thực hành soạn thảo hồ sơ dự thầu (tt)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[11] [3 tiết]	Thực hành đánh giá hồ sơ dự thầu	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[12] [3 tiết]	Thực hành đánh giá hồ sơ dự thầu (tt)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[13] [3 tiết]	Thực hành tổ chức đóng thầu	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[14] [2 tiết]	Thực hành tổ chức đóng thầu (tt)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

### 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình</i> <sup>1</sup>				30%
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học  Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giáo viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Trong từng buổi học  Đầu hoặc cuối buổi học	CLO5, CLO6	10%
	Thực hành	Sinh viên làm bài thực hành theo yêu cầu tình huống của giảng viên - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Cuối chương trình học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	20%
3	<i>Cuối kỳ</i>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo	Cuối học kỳ (theo kế hoạch)	CLO1, CLO2, CLO3,	70%

<sup>1</sup> Lựa chọn một hoặc nhiều hình thức bên dưới (ngoại trừ một số học phần đặc thù: thực tập, đồ án,..)

		đáp án của giảng viên ra đề.	đào tạo hàng năm)	CLO4, CLO5, CLO6	
--	--	------------------------------	-------------------------	------------------------	--

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Nhân
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: [tranthithanhnhan@qnu.edu.vn](mailto:tranthithanhnhan@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0979 691 767

### 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Bình
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: [lethithanhbinh@qnu.edu.vn](mailto:lethithanhbinh@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0974714293

## 10. Các quy định chung

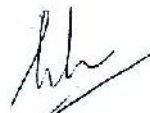
Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 22 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN    TRƯỞNG BỘ MÔN    TRƯỞNG KHOA



ThS. Trần Thị Thanh Nhân



TS. Hoàng Thị Hoài Hương



PGS.TS Trần Thị Cẩm Thanh



TS. Đinh Anh Tuấn





thị trường, phân tích và thẩm định khía cạnh thẩm định kỹ thuật và thẩm định tài chính trong dự án đầu tư,...; các nội dung liên quan đến quá trình lập và thẩm định dự án đầu tư

- Kỹ năng  
+ CO3: Kết thúc học phần, sinh viên biết cách tham gia và quản lý nhóm.  
+ CO4: Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể lập được dự án đầu tư cho ý tưởng đầu tư và thẩm định dự án ở các góc độ khác nhau.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.

+ CO6: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định, có trách nhiệm với việc tổ chức nhóm thực hành, yêu cầu công tác lập và thẩm định dự án đầu tư; thể hiện rõ đạo đức nghề nghiệp dự án.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Diễn giải được nội dung kiến thức cơ bản về công tác lập và thẩm định dự án đầu tư ở ba góc độ là nhà nước, ngân hàng và chủ đầu tư.	PLO3	M
CO2	CLO2	Thực hiện phân tích và thẩm định khía cạnh thị trường, phân tích và thẩm định khía cạnh thẩm định kỹ thuật và thẩm định tài chính trong dự án đầu tư,...; các nội dung liên quan đến quá trình lập và thẩm định dự án đầu tư	PLO3	H
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Quản lý công việc nhóm kiêm toán viên theo quy trình kiểm toán.	PLO6 PLO10	M M
CO4	CLO4	Có thể lập được dự án đầu tư cho ý tưởng đầu tư	PLO6 PLO8 PLO10 PLO11	M H M M
	CLO5	Tiến hành thẩm định dự án ở các góc độ khác nhau	PLO6 PLO8	M M



			PLO10	M
			PLO11	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO6	Thể hiện khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.	PLO13	H
CO6	CLO7	Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp.	PLO14	M

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Trần Thị Thanh Nhân - Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế & Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn, <i>Bài giảng Thực hành lập và thẩm định dự án đầu tư</i> , Tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Quy Nhơn, (2022).
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Nguyễn Quốc Ân, Phạm Thị Hà, Phan Thị Thu Hương, Nguyễn Quang Thu, <i>Giáo trình thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i> , NXB Kinh tế Tp Hồ Chí Minh. (2012). 2. Belli, P., <i>Phân tích Kinh tế các Hoạt động Đầu tư: Công cụ Phân tích và Ứng dụng thực tế</i> , Viện Ngân hàng Thế giới, NXB Văn hóa Thông tin, (2001).
Các loại học liệu khác:	

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Bài tập	Giúp cho nhóm sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào ví dụ cụ thể.	CLO1, CLO2, CLO6,
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Dạy học theo tình huống	Cho sinh viên thực hành theo nhóm để tiến hành lập và thẩm định dự án đầu tư từ ý tưởng đầu tư	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7

### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	<b>Chương 1: Công tác chuẩn bị lập dự án đầu tư</b> 1.1. Ý tưởng đầu tư	CLO1, CLO6

	<p>1.2. Lập nhóm soạn thảo dự án</p> <p>1.3. Lập quy trình, lịch trình soạn thảo dự án</p> <p>Ví dụ minh họa</p> <p>Bài tập về nhà: mỗi nhóm đề xuất một ý tưởng đầu tư, lập nhóm soạn thảo dự án, lập lịch trình soạn thảo dự án.</p>	
<p>[2]</p> <p>[3 tiết]</p>	<p><b>Chương 2: Thực hành soạn thảo dự án đầu tư</b></p> <p>2.1. Bố cục của một dự án đầu tư</p> <p>2.2. Nghiên cứu tình hình kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến dự án</p> <p>Ví dụ minh họa</p> <p>Bài tập nhóm</p> <p>Bài tập tình huống, thực hành</p>	<p>CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7</p>
<p>[3]</p> <p>[3 tiết]</p>	<p><b>Chương 2: Thực hành soạn thảo dự án đầu tư (tt)</b></p> <p>2.3. Nghiên cứu thị trường</p> <p>Ví dụ minh họa</p> <p>Bài tập nhóm</p> <p>Bài tập tình huống, thực hành</p>	<p>CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7</p>
<p>[4]</p> <p>[3 tiết]</p>	<p><b>Chương 2: Thực hành soạn thảo dự án đầu tư (tt)</b></p> <p>2.4. Phân tích kỹ thuật dự án đầu tư</p> <p>Ví dụ minh họa</p> <p>Bài tập nhóm</p> <p>Bài tập tình huống, thực hành</p>	<p>CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7</p>
<p>[5]</p> <p>[3 tiết]</p>	<p><b>Chương 2: Thực hành soạn thảo dự án đầu tư (tt)</b></p> <p>2.4. Phân tích kỹ thuật dự án đầu tư (tt)</p> <p>Ví dụ minh họa</p> <p>Bài tập nhóm</p> <p>Bài tập tình huống, thực hành</p>	<p>CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7</p>
<p>[6]</p> <p>[3 tiết]</p>	<p><b>Chương 2: Thực hành soạn thảo dự án đầu tư (tt)</b></p> <p>2.4. Phân tích kỹ thuật dự án đầu tư (tt)</p> <p>Ví dụ minh họa</p> <p>Bài tập nhóm</p> <p>Bài tập tình huống, thực hành</p>	<p>CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7</p>
<p>[7]</p> <p>[3 tiết]</p>	<p><b>Chương 2: Thực hành soạn thảo dự án đầu tư (tt)</b></p> <p>2.5. Phân tích tổ chức quản lý và nhân sự của dự án đầu tư</p> <p>Ví dụ minh họa</p> <p>Bài tập nhóm</p> <p>Bài tập tình huống, thực hành</p>	<p>CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7</p>
<p>[8]</p> <p>[3 tiết]</p>	<p><b>Chương 2: Thực hành soạn thảo dự án đầu tư (tt)</b></p> <p>2.6. Phân tích tài chính của dự án đầu tư</p> <p>Ví dụ minh họa</p> <p>Bài tập nhóm</p> <p>Bài tập tình huống, thực hành</p>	<p>CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7</p>
<p>[9]</p> <p>[3 tiết]</p>	<p><b>Chương 2: Thực hành soạn thảo dự án đầu tư (tt)</b></p> <p>2.6. Phân tích tài chính của dự án đầu tư (tt)</p>	<p>CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,</p>



	Ví dụ minh họa Bài tập nhóm Bài tập tình huống, thực hành	CLO5, CLO6, CLO7
[10] [3 tiết]	<b>Chương 2: Thực hành soạn thảo dự án đầu tư (tt)</b> 2.7. Phân tích khía cạnh kinh tế xã hội dự án đầu tư Ví dụ minh họa Bài tập nhóm Bài tập tình huống, thực hành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[11] [3 tiết]	<b>Chương 3: Quy trình thẩm định dự án đầu tư</b> 3.1. Thời điểm thẩm định đầu tư 3.2. Quy trình thẩm định dự án đầu tư Ví dụ minh họa	CLO1, CLO6
[12] [3 tiết]	<b>Chương 4: Thực hành thẩm định dự án của ngân hàng</b> 4.1. Thẩm định khách hàng vay vốn Ví dụ minh họa Bài tập nhóm Bài tập tình huống, thực hành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[13] [3 tiết]	<b>Chương 4: Thực hành thẩm định dự án của ngân hàng</b> 4.2. Thẩm định dự án. 4.2.1. Xem xét đánh giá sơ bộ các nội dung chính của dự án. 4.2.2. Đánh giá thị trường tiêu thụ sản phẩm. Ví dụ minh họa Bài tập nhóm Bài tập tình huống, thực hành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[14] [3 tiết]	<b>Chương 4: Thực hành thẩm định dự án của ngân hàng (tt)</b> 4.2. Thẩm định dự án. 4.2.3. <i>Thẩm định phân tích kỹ thuật.</i> Ví dụ minh họa Bài tập nhóm Bài tập tình huống, thực hành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[15] [3 tiết]	<b>Chương 4: Thực hành thẩm định dự án của ngân hàng (tt)</b> 4.2. Thẩm định dự án. 4.2.3. <i>Thẩm định phân tích kỹ thuật (tt).</i> 4.2.4. <i>Đánh giá về phương diện tổ chức quản lý dự án.</i> Ví dụ minh họa Bài tập nhóm Bài tập tình huống, thực hành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[16] [3 tiết]	<b>Chương 4: Thực hành thẩm định dự án của ngân hàng (tt)</b> 4.2. Thẩm định dự án.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,

	4.2.5. <i>Thẩm định tài chính của dự án.</i> Ví dụ minh họa Bài tập nhóm Bài tập tình huống, thực hành	CLO7
[17] [3 tiết]	<b>Chương 4: Thực hành thẩm định dự án của ngân hàng (tt)</b> 4.2. Thẩm định dự án. 4.2.5. <i>Thẩm định tài chính của dự án (tt).</i> Ví dụ minh họa Bài tập nhóm Bài tập tình huống, thực hành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[18] [3 tiết]	<b>Chương 4: Thực hành thẩm định dự án của ngân hàng (tt)</b> 4.3. Phân tích và kiểm soát rủi ro của dự án. 4.3.1. <i>Phân tích độ nhạy.</i> 4.3.2. <i>Phân tích tình huống.</i> 4.3.3. <i>Phân tích mô phỏng.</i> Ví dụ minh họa Bài tập nhóm Bài tập tình huống, thực hành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[19] [3 tiết]	<b>Chương 4: Thực hành thẩm định dự án của ngân hàng (tt)</b> 4.4. Thẩm định tài sản đảm bảo nợ vay. 4.4.1. <i>Các loại đảm bảo nợ vay.</i> 4.4.2. <i>Thẩm định tài sản đảm bảo nợ vay</i> Ví dụ minh họa Bài tập nhóm Bài tập tình huống, thực hành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
[20] [3 tiết]	<b>Chương 5: Thực hành thẩm định dự án của cơ quan quản lý nhà nước đối với dự án tư nhân.</b> 5.1. Cơ quan thẩm định về chấp thuận dự án tư nhân. 5.2. Hồ sơ. 5.3. Nội dung thẩm tra hồ sơ dự án của nhà nước. Ví dụ minh họa Bài tập nhóm Bài tập tình huống, thực hành Ôn tập cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7

## 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1



- Họ và tên: Trần Thị Thanh Nhân
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: [tranthithanhnhan@qnu.edu.vn](mailto:tranthithanhnhan@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0979691767

## 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Mỹ Kim
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: [lemykim@qnu.edu.vn](mailto:lemykim@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0355.082.864

## 10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 03 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA





ThS. Trần Thị Thanh Nhân

TS. Hoàng Thị Hoài Hương

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh



TS. Đinh Anh Tuấn





60. [1140077] Đầu tư nước ngoài: 2TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN  
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**  
**Mã học phần: 1140077**  
**Tên tiếng Anh: FOREIGN INVESTMENT**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Đầu tư nước ngoài
- Mã học phần: 1140077 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc/tự chọn: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Kinh tế đầu tư 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 0 tiết
  - + Thảo luận: 12 tiết
  - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

**2. Mô tả học phần**

Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về đầu tư nước ngoài, môi trường đầu tư. Học phần đi sâu vào phân tích nguồn vốn ODA, nguồn vốn FDI và những vấn đề liên quan, phân tích bản chất của môi trường đầu tư; chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, tự do hóa đầu tư.

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về kinh phát triển, kinh tế đầu tư 1, kiến thức môn học là nền tảng phát triển kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.

**3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)**

- Kiến thức
  - + CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về đầu tư nước ngoài, phân tích kỹ bản chất của hai dòng vốn ODA và FDI và các vấn đề liên quan như chính sách thu hút đầu tư, chống chuyển giá trong đầu tư nước ngoài, tự do hóa

đầu tư.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về bản chất của môi trường đầu tư và các chỉ số đánh giá về môi trường đầu tư quốc gia, địa phương.

- Kỹ năng

+ CO3: Học phần trang bị cho sinh viên khả năng đề xuất các giải pháp, kiến nghị liên quan đến thúc đẩy và sử dụng hiệu quả các dòng vốn đầu tư nước ngoài, cải thiện môi trường đầu tư.

+ CO4: Đồng thời trang bị thêm các kỹ năng phân tích, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm kỹ năng hoặc định các vấn đề liên quan đến đầu tư nước ngoài, môi trường đầu tư

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập nhóm đầy đủ theo số giờ quy định và trách nhiệm.

+ CO6: Trên cơ sở các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có thể tự học và nghiên cứu để ứng dụng giải quyết, ra quyết định các vấn đề liên quan trong thực tiễn.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Nhận dạng và phân tích được về bản chất của các dòng vốn đầu tư nước ngoài đặc biệt là ODA và FDI và các vấn đề liên quan như chính sách thu hút đầu tư, chống chuyển giá trong đầu tư nước ngoài, tự do hóa đầu tư.	PLO2	H
CO2	CLO2	Phân tích và đánh giá được các kiến thức về môi trường đầu tư, cải	PLO3	M



		thiện môi trường đầu tư.		
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Đề xuất các giải pháp, kiến nghị liên quan đến thúc đẩy và sử dụng hiệu quả các dòng vốn đầu tư nước ngoài, cải thiện môi trường đầu tư.	PLO11	H
CO4	CLO4	Trình bày các tình huống với các kỹ năng như kỹ năng phân tích, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm kỹ năng hoạch định các vấn đề liên quan đến đầu tư nước ngoài, môi trường đầu tư	PLO6	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Thể hiện ý thức đạo đức, ý thức tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp	PLO14	M
CO6	CLO6	Thể hiện khả năng tự học và nghiên cứu và vận dụng các kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan trong thực tiễn.	PLO13	M

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Hoàng Thị Hoài Hương, <i>Bài giảng Đầu tư nước ngoài, 2016</i> , tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Quy Nhơn, (2018).
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Đinh Đào Ánh Thủy, <i>Bài giảng Đầu tư nước ngoài và Chuyển giao công nghệ</i> , tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Kinh tế quốc dân, (2013) 2. Phùng Xuân Nhạ, <i>Giáo trình Đầu tư quốc tế</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, (2001)
Các loại học liệu khác:	<a href="http://www.mpi.gov.vn">www.mpi.gov.vn</a> , <a href="http://www.gso.gov.vn">www.gso.gov.vn</a> ,

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của IIP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi thực tiễn	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất giải pháp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống và đặt ra các vấn đề trong thực tiễn để nhóm sinh viên nâng cao khả năng tự học và tư duy.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [2 tiết]	<b>Chương 1. Tổng quan về đầu tư nước ngoài</b> 1.1. Bản chất hoạt động đầu tư nước ngoài	CLO1
[2] [2 tiết]	<b>Chương 1. Tổng quan về đầu tư nước ngoài</b> 1.2. Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[2] [3 tiết]	<b>Chương 1. Tổng quan về đầu tư nước ngoài (tiếp theo)</b> 1.3. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[4] [3 tiết]	<b>Chương 1. Tổng quan về đầu tư nước ngoài (tiếp theo)</b> 1.3. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[5] [3 tiết]	<b>Chương 1. Tổng quan về đầu tư nước ngoài (tiếp theo)</b> 1.4. Chuyển giá trong đầu tư nước ngoài	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[6] [2 tiết]	<b>Chương 2: Môi trường đầu tư</b> 2.1. Khái niệm, đặc điểm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,



	2.2. Phân loại môi trường đầu tư	CLO5, CLO6
[7] [3 tiết]	<b>Chương 2: Môi trường đầu tư(tiếp theo)</b> 2.3. Nội dung của môi trường đầu tư	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[8] [2 tiết]	<b>Chương 2: Môi trường đầu tư(tiếp theo)</b> 2.2. Đánh giá môi trường đầu tư 2.3. Tác động của môi trường đầu tư đến thu hút đầu tư	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[9] [2 tiết]	<b>Chương 3: Tự do hóa đầu tư</b> 3.1. Tự do hóa đầu tư 3.2. Các hiệp định đầu tư	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[10] [2 tiết]	<b>Chương 3: Tự do hóa đầu tư (tiếp theo)</b> 3.3. Một số khu vực đầu tư tự do	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[11] [4 tiết]	<b>Thảo luận nhóm</b>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[12] [4 tiết]	<b>Thảo luận nhóm</b>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[13] [4 tiết]	<b>Thảo luận nhóm</b>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

## 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<b>Quá trình</b>				<b>30%</b>
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO5	10%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO5	

		định số điểm theo tỷ lệ vắng			
	Bài tập nhóm thảo luận	Sinh viên làm bài thảo luận và các câu hỏi tình huống theo yêu cầu của giảng viên - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đáp ứng yêu cầu của giảng viên	Tùy theo các nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6	20%
2	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,	70%

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Hoàng Thị Hoài Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: [hoangthihoaihuong@qnu.edu.vn](mailto:hoangthihoaihuong@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0973 677 368

### 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Mỹ Kim
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ.
- Email: [lemykim@qnu.edu.vn](mailto:lemykim@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0355 082 864

## 10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp theo yêu cầu của giáo viên
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.





Các quy định khác

Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 09 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN - TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

TS. Hoàng Thị Hoài Hương TS. Hoàng Thị Hoài Hương PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh





61. [1140143] Quản lý phát triển địa phương: 2 TC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

**HỌC PHẦN: QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG**

**Mã học phần: 1140143**

**Tên tiếng Anh: MANAGING LOCAL DEVELOPMENT**

#### 1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Quản lý phát triển địa phương
- Mã học phần: 1140143 Số tín chỉ: 2TC
- Loại học phần: Bắt buộc/tự chọn: Tự chọn
- Các học phần học trước: Kinh tế phát triển 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 06 tiết
  - + Thảo luận: 0 tiết
  - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

#### 2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận, phương pháp luận và phương pháp chuyên môn về quản lý phát triển địa phương ở cấp tỉnh/thành phố. Giúp cho sinh viên hiểu và biết cách phân tích mối quan hệ kinh tế giữa các địa phương, hình thành các kỹ năng cơ bản để hoạch định chiến lược phát triển tổng thể kinh tế - xã hội, chiến lược marketing tại địa phương, đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế địa phương, cập nhật các mô hình kinh tế địa phương.

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế phát triển 1, học phần giúp sinh viên phát triển các kiến thức về quản lý các hoạt động phát triển địa phương.

#### 3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
- + CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp luận

và mô hình về quản lý phát triển địa phương ở cấp tỉnh/thành phố.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tại một địa phương, hoạch định chiến lược phát triển tổng thể kinh tế - xã hội.

- Kỹ năng

+ CO3: Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ có khả năng đánh giá được tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của một địa phương và có khả năng hoạch định chiến lược phát triển tổng thể kinh tế - xã hội

+ CO4: Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng làm việc nhóm để cùng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến mục đích quốc tế.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập và chuẩn bị bài ở nhà đầy đủ theo số giờ quy định.

+ CO6: Sinh viên có khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm hỗ trợ cho nghề nghiệp của cá nhân.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Giải thích được cơ sở lý luận, phương pháp luận và mô hình về quản lý phát triển địa phương ở cấp tỉnh/ thành phố.	PLO3	M
CO2	CLO2	Diễn giải được các kiến thức về đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tại một địa phương, hoạch định chiến lược phát triển KT-XH.	PLO3	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Thực hiện được việc phân tích tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tại một địa phương	PLO9	L



		cũng như việc hoạch định chiến lược phát triển tổng thể kinh tế - xã hội.		
CO4	CLO4	Hình thành khả năng làm việc nhóm để cùng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến quản lý phát triển địa phương.	PLO6	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Cho thấy sự tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp, làm bài tập và chuẩn bị bài đầy đủ theo số giờ quy định.	PLO14	M
CO6	CLO6	Hình thành khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm.	PLO13	M

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Đàm Văn Huệ, Nguyễn Xuân Thu, <i>Giáo trình quản lý và phát triển địa phương</i> . Nhà xuất bản chính trị quốc gia, (2015)
Tài liệu tham khảo thêm:	Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư, <i>Bộ tài liệu Đào tạo – Lập kế hoạch có tính chiến lược phát triển kinh tế địa phương</i> , (2007) Hồ Đức Hùng và cộng sự, <i>Marketing địa phương của TP. Hồ Chí Minh</i> , NXB Văn Hóa Sài Gòn, (2005)
Các loại học liệu khác:	

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được kiến thức cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO6
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức	CLO1, CLO2, CLO3,

	đã học vào giải quyết các tình huống giả định	CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	<b>Chương 1 : Những vấn đề cơ bản về quản lý và phát triển địa phương</b> 1.1 Phát triển địa phương là gì. 1.2 Quản lý nhà nước cấp địa phương	CLO1, CLO6
[2] [3 tiết]	<b>Chương 2: Mô hình hóa kinh tế địa phương</b> 2.1 Mô hình kinh tế. 2.2 Xây dựng các mô hình kinh tế ở các địa phương.	CLO1, CLO6
[3] [3 tiết]	Bài tập nhóm	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6
[4] [3 tiết]	<b>Chương 3: Phân tích đánh giá tiềm năng, thực trạng phát triển kinh tế địa phương</b> 3.1. Các vấn đề cơ bản về phân tích đánh giá tiềm năng, phát triển kinh tế địa phương 3.2. Nội dung đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế địa phương	CLO2, CLO3, CLO6
[5] [3 tiết]	<b>Chương 3: Phân tích đánh giá tiềm năng, thực trạng phát triển kinh tế địa phương (tiếp theo)</b> 3.2. Nội dung đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế địa phương (tiếp theo)	CLO2, CLO3, CLO6
[6] [3 tiết]	<b>Chương 3: Phân tích đánh giá tiềm năng, thực trạng phát triển kinh tế địa phương (tiếp theo)</b> 3.2. Nội dung đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế địa phương (tiếp theo)	CLO2, CLO3, CLO6
[7] [3 tiết]	Bài tập nhóm	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[8]	<b>Chương 4: Hoạch định chiến lược phát triển</b>	CLO2, CLO3, CLO6



[3 tiết]	<b>tổng thể KTXH địa phương</b> 4.1. Tầm nhìn phát triển kinh tế địa phương 4.2. Xác định phương án lập kế hoạch chiến lược Bài kiểm tra giữa kỳ	
[9] [3 tiết]	<b>Chương 4: Hoạch định chiến lược phát triển tổng thể KTXH địa phương (tiếp theo)</b> 4.3. Lập kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế địa phương và tổ chức thực hiện 4.4. Lập kế hoạch theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế địa phương	CLO2, CLO3, CLO6
[10] [3 tiết]	Bài tập nhóm	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

### 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số	
					Thành phần	Tổng
1	<i>Quá trình</i> <sup>1</sup>					30%
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO5	5%	10%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO5	5%	
	Bài tập ở nhà	Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO2 CLO3 CLO5 CLO6	5%	20%

<sup>1</sup> Lựa chọn một hoặc nhiều hình thức bên dưới (ngoại trừ một số học phần đặc thù: thực tập, đồ án,...)

		giảng viên.				
	Bài kiểm tra tại lớp	Sinh viên làm bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết). Nội dung từ chương 1 đến chương 4. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Tuần thứ 10-12	CLO1 CLO2	10%	
	Bài tiểu luận	* Sinh viên làm 1 bài tiểu luận theo nhóm đã chia. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng yêu cầu của giảng viên và nộp đúng thời gian quy định.	Tuần cuối	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	5%	
<b>2</b>	<b>Cuối kỳ</b>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ	CLO1 CLO2		<b>70%</b>

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Mỹ Kim
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: [lemykim@qnu.edu.vn](mailto:lemykim@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0355 082 864

### 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Hoàng Thị Hoài Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: [hoangthihoaihuong@qnu.edu.vn](mailto:hoangthihoaihuong@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0973677368

### 9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: [nguyenthithuygiang@qnu.edu.vn](mailto:nguyenthithuygiang@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0967169689

## 10. Các quy định chung

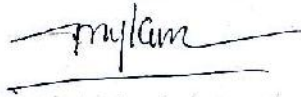
Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
------------------------	--



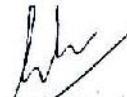
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Chuẩn bị và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giảng viên.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 23 tháng 08 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN      TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Lê Mỹ Kim



TS. Hoàng Thị Hoài Hương

TRƯỞNG KHOA



PGS. TS. Trần Thị Cẩm Thanh



TS. Đinh Anh Tuấn





## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

### HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG TRONG KINH TẾ

Mã học phần: 1140111

Tên tiếng Anh: QUANTITATIVE ANALYSIS FOR ECONOMICS

#### 1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: **Phân tích định lượng trong kinh tế**
- Mã học phần: 1140111 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Kinh tế lượng
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 06 tiết
  - + Thảo luận: 0 tiết
  - + Thực hành, thực tập: 04 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế & Kế toán

#### 2. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên những hệ thống kiến thức về một số phương pháp, công cụ để phục vụ việc ra quyết định, đồng thời giúp sinh viên nhận diện, biết cách đặt và giải các mô hình định lượng cơ bản cho một vài tình huống trong kinh tế và quản trị.

Học phần là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức lý thuyết xác suất và thống kê toán, Kinh tế lượng, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về phân tích định lượng trong kinh để giải quyết các bài toán liên quan đến các vấn đề ra quyết định tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế kế hoạch - đầu tư, quản lý.

#### 3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
  - + CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của phân tích định lượng.
  - + CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về một số mô hình toán thống kê thông dụng để phân tích định lượng ra quyết định trong kinh tế và quản trị.
- Kỹ năng
  - + CO3: Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ rèn luyện được kỹ năng suy diễn chặt

chế, logic; có thể biết cách khái quát hóa và xem xét bài toán kinh tế và quản trị dưới dạng cấu trúc.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO4: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định; chuẩn bị kỹ bài học trước khi đến lớp và tích cực nghe giảng và tham gia thảo luận trên lớp.

+ CO5: Người học có năng lực học tập suốt đời, khả năng tự học và tự nghiên cứu.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>Kiến thức</b>				
CO1	CLO1	Sinh viên giải thích được những vấn đề cơ bản của phân tích định lượng trong kinh tế và lý thuyết ra quyết định.	PLO3	M
CO2	CLO2	Sinh viên có thể diễn giải được các phân tích Markov trong dự báo thị phần, những bước cơ bản của công việc lập sơ đồ PERT/CPM.	PLO3	M
	CLO3	Sinh viên có thể diễn giải được những thành phần cơ bản của hệ thống phục vụ phổ biến trong kinh tế, các khái niệm liên quan đến quản trị tồn kho, nội dung bài toán, cách phân tích và giải mô hình quản lý dự trữ Wilson (tiêu thụ đều, bổ sung tức thời).	PLO3	M
<b>Kỹ năng</b>				
CO3	CLO4	Áp dụng được các mô hình phân tích định lượng giải quyết các vấn đề kinh tế, kinh doanh và quản trị.	PLO4 PLO9	L M
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>				



CO4	CLO5	Thể hiện ý thức tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp, làm bài tập và các buổi thực hành theo số giờ quy định.	PLO14	M
CO5	CLO6	Người học có năng lực học tập suốt đời, khả năng tự học và tự nghiên cứu.	PLO13	L

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Lê Dân, Nguyễn Trung Kiên, <i>Giáo trình phương pháp định lượng trong kinh tế</i> , Đại học Đà Nẵng, (2009).
Tài liệu tham khảo thêm:	Bùi Tường Trí, <i>Giáo trình phân tích định lượng trong quản trị</i> , NXB Thống kê, (1994). Nguyễn Xuân Thuý, <i>Phân tích định lượng trong quản trị</i> , NXB Thống kê, (1997).
Các loại học liệu khác:	Phần mềm MS EXCEL, WINQSB

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic	CLO1, CLO2
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các bài toán	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, ra quyết định	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra	CLO1, CLO2, CLO4

### 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [2 tiết]	<b>Chương 1: Tổng quan về phương pháp định lượng</b> 1.1. Giải quyết vấn đề và ra quyết định 1.2. Ra quyết định và phân tích định lượng 1.3. Phân tích định lượng 1.4. Các phần mềm thường dùng trong phân tích định	CLO1, CLO4

	lượng	
[2] [2 tiết]	<b>Chương 2: Lý thuyết ra quyết định</b> 2.1. Giới thiệu 2.2. Các loại môi trường ra quyết định 2.3. Ra quyết định trong môi trường có rủi ro 2.4. Ra quyết định trong môi trường không chắc chắn	CLO1, CLO4
[3] [2 tiết]	<b>Chương 2: Lý thuyết ra quyết định (tiếp theo)</b> 2.5. Phân tích biên với số lượng lớn các phương án và trạng thái tự nhiên 2.6. Cây quyết định	CLO1, CLO4
[4] [2 tiết]	Bài tập	CLO1, CLO2, CLO4
[5] [2 tiết]	<b>Chương 3: Phân tích Markov</b> 3.1. Giới thiệu về phân tích Markov 3.2. Dự đoán trạng thái tương lai	CLO1, CLO2, CLO4
[6] [2tiết]	<b>Chương 3: Phân tích Markov (tiếp theo)</b> 3.3. Điều kiện cân bằng và trạng thái hấp thụ 3.4. Các ứng dụng của phân tích Markov	CLO1, CLO2, CLO4
[7] [2 tiết]	<b>Chương 4: Hoạch định dự án bằng mô hình mạng</b> 4.1. Giới thiệu chung 4.2. Các phương pháp hoạch định dự án 4.3. Phương pháp CPM	CLO1, CLO2, CLO4
[8] [2 tiết]	<b>Chương 4: Hoạch định dự án bằng mô hình mạng (tiếp theo)</b> 4.3. Phương pháp CPM 4.4. Phương pháp PERT	CLO1, CLO2, CLO4
[9] [2 tiết]	Bài tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
[10] [2 tiết]	<b>Chương 5: Mô hình dòng chờ</b> 5.1. Dạng bài toán thường gặp trong kinh tế và hướng giải quyết 5.2. Các khái niệm cơ bản 5.3. Các điều kiện cần thiết để giải bài toán	CLO1, CLO2, CLO4
[11] [2tiết]	<b>Chương 5: Mô hình dòng chờ (tiếp theo)</b> 5.4. Quy tắc thiết lập hệ phương trình trạng thái 5.5. Một số bài toán thường gặp trong kinh tế	CLO1, CLO2, CLO4
[12] [2 tiết]	<b>Chương 6: Bài toán quản lý dự trữ</b> 6.1. Giới thiệu chung 6.2. Những khái niệm liên quan đến quản trị tồn kho	CLO1, CLO2, CLO4
[13] [2 tiết]	<b>Chương 6: Bài toán quản lý dự trữ (tiếp theo)</b> 6.2. Những khái niệm liên quan đến quản trị tồn kho	CLO1, CLO2, CLO4



	6.3. Mô hình quản lý dự trữ wilson (tiêu thụ đều, bổ sung tức thời)	
[14] [2 tiết]	Bài tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[15] [2 tiết]	Thực hành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

### 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số	
					Thành phần	Tổng
1	<i>Quá trình</i>	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO5	5%	30%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Đầu hoặc cuối buổi học	CLO5	5%	
		Sinh viên làm bài tập ở nhà và tham gia giải bài tập tại lớp. - Tiêu chí đánh giá: đúng mục đích, yêu cầu của giảng viên.	Giải tại lớp theo các tiết học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	10%	
		Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân tại lớp theo hình thức viết. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.	Giữa học kỳ (tuần 10-12)	CLO1, CLO2	10%	
2	<i>Cuối kỳ</i>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,		70%

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đàm Đình Mạnh

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ

- Email: [damdinhmanh@qnu.edu.vn](mailto:damdinhmanh@qnu.edu.vn)

Điện thoại liên hệ: 0961 348 939

### 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Ngô Nữ Mai Quỳnh

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: [ngonumaiquynh@qnu.edu.vn](mailto:ngonumaiquynh@qnu.edu.vn)

Điện thoại liên hệ: 0989 233 141

## 10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày .....tháng .....năm 202..

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TRƯỞNG KHOA**

ThS. Ngô Nữ Mai Quỳnh

TS. Trương Thị Thanh Phượng

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh



**TS. Đinh Anh Tuấn**









- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đô thị, kinh tế đô thị, các vấn đề đô thị như đất đai và nhà ở, cơ sở hạ tầng đô thị, dân số, lao động và việc làm đô thị, môi trường đô thị; lựa chọn quy mô đô thị và quản lý kinh tế đô thị trong điều kiện kinh tế thị trường.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên các công cụ kinh tế để tính toán được bài toán chi phí – lợi ích tăng trưởng kinh tế đô thị, xác định lưu lượng giao thông tối ưu, phân tích các chính sách liên quan đến các vấn đề đô thị.

- Kỹ năng

+ CO3: Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc theo nhóm; linh hoạt xử lý tình huống đặt ra.

+ CO4: Học phần trang bị cho sinh viên khả năng đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm giải quyết các vấn đề của đô thị.

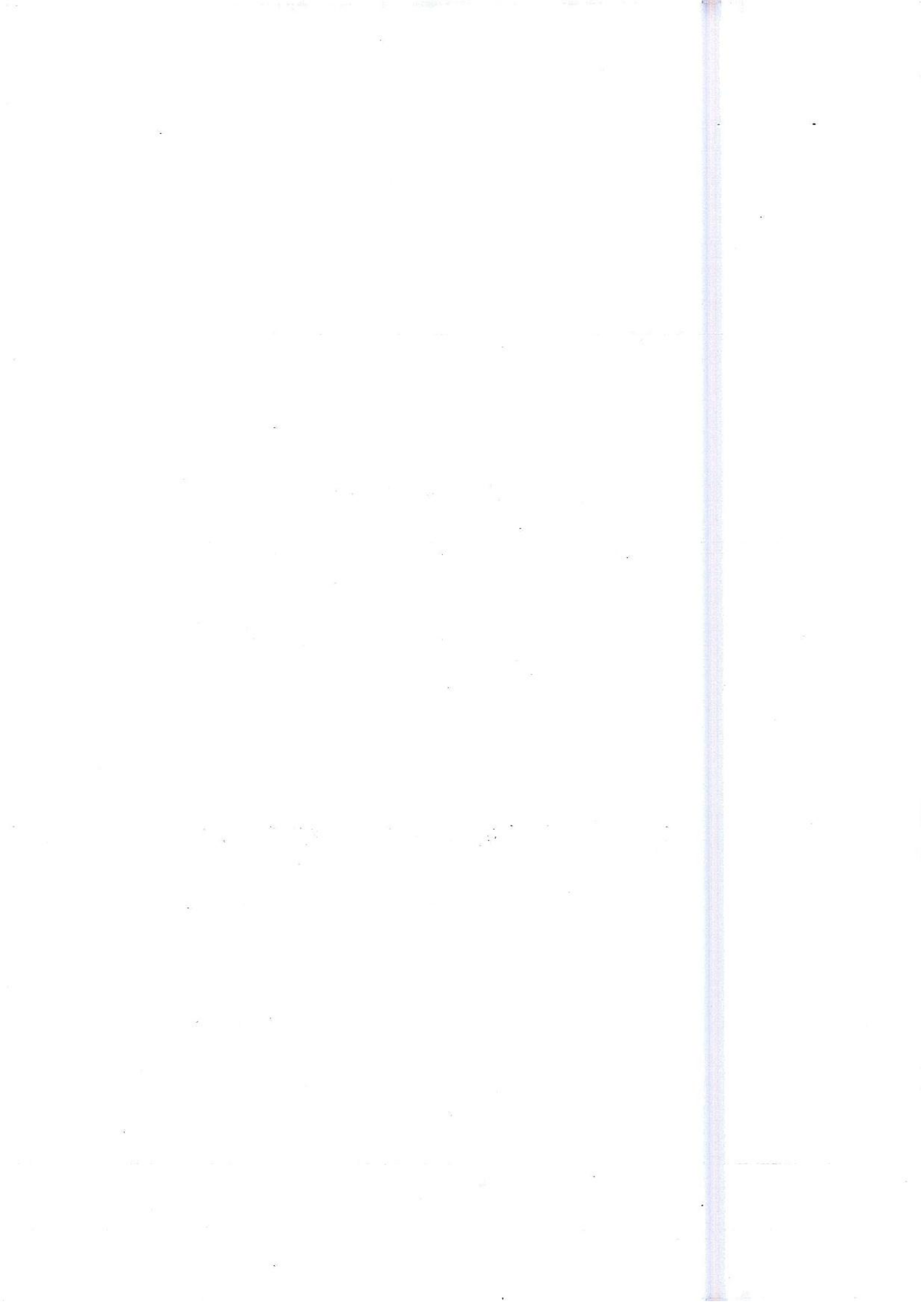
- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên tham gia đầy đủ giờ trên lớp, làm bài tập đầy đủ theo số giờ quy định; hoàn thành các tình huống thực tế được giao.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Giải thích các vấn đề đô thị; lựa chọn quy mô đô thị và quản lý kinh tế đô thị trong điều kiện kinh tế thị trường.	PLO3	M
CO2	CLO2	Phân tích bài toán chi phí – lợi ích trong tăng trưởng kinh tế đô thị, xác định lưu lượng giao thông tối ưu và phân tích các chính sách liên quan đến các vấn đề đô thị.	PLO3	H
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Thể hiện được khả năng làm việc theo nhóm.	PLO6	M
CO4	CLO4	Xây dựng các giải pháp, kiến	PLO12	M





		ngiht nhằm giải quyết các vấn đề của đô thị.		
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Cho thấy sự tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp, làm bài tập và tham gia các buổi thực hành đầy đủ theo số giờ quy định.	PLO14	M
CO6	CLO6	Thê hiện khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển kiến thức, tích lũy kinh nghiệm hỗ trợ cho nghề nghiệp của cá nhân.	PLO13	M

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Nguyễn Đình Hương & Nguyễn Hữu Đoàn, <i>Giáo trình Kinh tế đô thị</i> , Nhà xuất bản Giáo dục, (2002).
Tài liệu tham khảo thêm:	Nguyễn Hữu Đoàn, <i>Giáo trình Quản lý đô thị</i> , Nhà xuất bản Thống kê, (2003).
Các loại học liệu khác:	<a href="http://ashui.com">http://ashui.com</a>

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
Câu hỏi gợi mở	Giúp sinh viên hiểu và suy luận để nắm được cốt lõi của nội dung môn học	CLO1, CLO2, CLO6
Bài tập	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo tình huống	Tạo tình huống để sinh viên thực hiện phân tích, đề xuất giải pháp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Dạy học theo nhóm	Tạo tình huống để nhóm sinh viên tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề đặt ra	CLO1, CLO2, CLO3





7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [3 tiết]	<b>Chương 1. Tổng quan về đô thị</b> 1.1. Khái niệm về đô thị, đô thị hóa và phân loại đô thị 1.2. Sự hình thành và phát triển đô thị 1.3. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học	CLO1
[2] [3 tiết]	<b>Chương 2: Tăng trưởng kinh tế đô thị</b> 2.1. Nền kinh tế đô thị và cơ cấu kinh tế đô thị 2.2. Tăng trưởng kinh tế đô thị	CLO1
[3] [3 tiết]	<b>Chương 2: Tăng trưởng kinh tế đô thị (tiếp theo)</b> 2.3. Lợi ích và vấn đề của tăng trưởng kinh tế đô thị 2.4. Sự hình thành các khu đô thị mới	CLO1, CLO2, CLO3
[4] [3 tiết]	<b>Chương 3. Đất đai và nhà ở đô thị</b> 3.1. Đất đai và sử dụng đất đai đô thị 3.2. Nhà ở đô thị	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[5] [3 tiết]	<b>Chương 4. Cơ sở hạ tầng đô thị</b> 4.1. Những vấn đề chung 4.2. Giao thông đô thị	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[6] [3 tiết]	<b>Chương 4. Cơ sở hạ tầng đô thị (tiếp theo)</b> 4.3. Giáo dục đô thị 4.4. Thương mại đô thị	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[7] [3 tiết]	<b>Chương 5. Dân số, lao động và việc làm đô thị</b> 5.1. Dân số đô thị 5.2. Lao động và việc làm ở đô thị	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[8] [3 tiết]	<b>Chương 5. Dân số, lao động và việc làm đô thị (tiếp theo)</b> 5.2. Lao động và việc làm ở đô thị 5.3. Nghèo đói và chính sách chống nghèo đói đô thị	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[9] [3 tiết]	<b>Chương 6. Môi trường đô thị</b> 6.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến môi trường đô thị 6.2. Phương pháp tiếp cận kinh tế bảo vệ môi trường đô thị 6.3. Tăng trưởng kinh tế đô thị và chất lượng môi trường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[10]	<b>Chương 8. Tài chính đô thị</b>	CLO1, CLO2, CLO3,





[3 tiết]	8.1. Các nguồn tài chính của chính quyền đô thị 8.2. Tài sản đô thị và chính sách thuế 8.3. Chính sách tài chính cho phát triển đô thị	CLO4, CLO5, CLO6
----------	--	------------------

## 8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình</i> <sup>1</sup>				30%
	Chuyên cần	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO5	10%
	Kiểm tra giữa kỳ	* Sinh viên chia thành các nhóm khác nhau làm bài báo cáo nhóm theo chủ đề của giảng viên đưa ra. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng tiêu chí hoặc yêu cầu của giảng viên.	Giữa học kỳ (tuần thứ 10 – 12)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6	20%
2	<i>Cuối kỳ</i>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối học kỳ (theo kế hoạch đào tạo hàng năm)	CLO1, CLO2, CLO4	70%

## 9. Thông tin về giảng viên

### 9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: [nguyenthithuydung@qnu.edu.vn](mailto:nguyenthithuydung@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0944 845 933

### 9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Mỹ Kim
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: [lemykim@qnu.edu.vn](mailto:lemykim@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0355 082 864

## 10. Các quy định chung

<sup>1</sup> Lựa chọn một hoặc nhiều hình thức bên dưới (ngoại trừ một số học phần đặc thù: thực tập, đồ án,...)





Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực
Quy định về học vụ	Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm thi giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường

Bình Định, ngày 22 tháng 02 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung

TS. Hoàng Thị Hoài Hương

PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

GI. HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn